|  |
| --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ ====== o0o ======  **(DỰ THẢO)**  BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP  QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030  HUYỆN LỘC HÀ, TỈNH HÀ TĨNH  Năm 2021 |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
--------------------

**(DỰ THẢO)**

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030  
HUYỆN LỘC HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày... tháng... năm 2021* SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (Ký tên, đóng dấu) | *Ngày... tháng... năm 2021* ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ (Ký tên, đóng dấu) |

MỤC LỤC

[ĐẶT VẤN ĐỀ](#_Toc52198600)

[I. SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 1](#_Toc52198601)

[II. CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 2](#_Toc52198607)

[III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ NHIỆM VỤ CỦA VIỆC LẬP QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT](#_Toc52198608)

[3.1. Mục đích……………………………………….……………….…………………4](#_Toc52198609)

[3.2. Yêu cầu……………………………………….………………….………………..4](#_Toc52198610)

[3.3. Nhiệm vụ……………………………….…………………………………………5](#_Toc52198611)

[PHẦN I](#_Toc75695046)

[ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI](#_Toc75695047)

[I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG 9](#_Toc75695048)

[1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên 9](#_Toc75695049)

[1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên 10](#_Toc75695054)

[1.3. Phân tích hiện trạng môi trường. 14](#_Toc75695065)

1.4. Đánh giá chung…………………………………………………………....16

[II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI 16](#_Toc75695066)

[2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội. 16](#_Toc75695067)

[2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực 18](#_Toc75695070)

[2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất. 21](#_Toc75695074)

[2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn. 22](#_Toc75695078)

2.5. Phân tích thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng…………………………..….23

2.6 Đánh giá chung……………………………………………………………..29

[III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT 31](#_Toc75695088)

[PHẦN II](#_Toc75695046)

TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

[I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI](#_Toc75695089)

[1.1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. 31](#_Toc75695090)

[1.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân. 38](#_Toc75695106)

[1.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai. 41](#_Toc75695108)

[II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT 41](#_Toc75695109)

[2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất. 41](#_Toc75695110)

[2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch kỳ trước. 47](#_Toc75695112)

[2.3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất. 48](#_Toc75695113)

[2.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất. 51](#_Toc75695134)

[III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC 52](#_Toc75695135)

[3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước. 52](#_Toc75695136)

[3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước. 54](#_Toc75695137)

[3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới. 55](#_Toc75695140)

[IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI 56](#_Toc75695141)

[4.1. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp. 56](#_Toc75695142)

[4.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp. 57](#_Toc75695143)

[PHẦN III](#_Toc75695144)

[PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT](#_Toc75695145)

[I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT 58](#_Toc75695146)

[1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. 58](#_Toc75695147)

[1.2. Quan điểm sử dụng đất. 65](#_Toc75695149)

[II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 67](#_Toc75695158)

[2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 68](#_Toc75695159)

[2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng 70](#_Toc75695163)

[III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG 90](#_Toc75695167)

[PHẦN V](#_Toc75695168)

[GIẢI PHÁP THỰC HIỆN](#_Toc75695169)

[I. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 92](#_Toc75695170)

[1.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường 92](#_Toc75695171)

[1.2. Giải pháp sử dụng đất bền vững trong điều kiện ứng phó với biến đổi khí hậu 92](#_Toc75695172)

[II. CÁC GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH 93](#_Toc75695173)

[2.1. Giải pháp huy động và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư. 93](#_Toc75695174)

[2.2. Giải pháp đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực 93](#_Toc75695175)

[2.3. Giải pháp về chính sách 94](#_Toc75695176)

[2.4. Giải pháp về khoa học và kỹ thuật 95](#_Toc75695177)

[III. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất 95](#_Toc75695178)

I. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 96

ĐẶT VẤN ĐỀ

# I. SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Đất đai là tài nguyên quý giá của Quốc gia, là tư liệu sản xuất đặc biệt, thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, địa bàn xây dựng các công trình kinh tế - văn hóa - xã hội, tổ chức các hoạt động phát triển kinh tế, dân sinh và an ninh, quốc phòng. Tại Điều 54 Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của Quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”. Chính vì vậy quản lý, sử dụng đất đai có hiệu quả, tiết kiệm là nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước, là yếu tố quyết định sự phát triển một cách bền vững của nền kinh tế, đảm bảo mục tiêu ổn định chính trị - xã hội.

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đóng vai trò quan trọng đối với việc quản lý đất đai, thể hiện quyền của chủ sở hữu về đất đai; Luật Đất đai năm 2013 nêu rõ nguyên tắc sử dụng đất phải đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy định căn cứ để giao đất, cho thuê đất phải dựa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Thông qua kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã góp phần đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về đất đai. Quy hoạch sử dụng đất ở các cấp giúp nhà nước thực hiện được quyền định đoạt về đất đai, nắm chắc quỹ đất, đảm bảo cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đưa công tác quản lý đất đai ở các địa phương đi vào nề nếp. Đồng thời đảm bảo cho việc chủ động dành quỹ đất hợp lý cho phát triển của các ngành, các lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu đất đai cho xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội, xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị, thương mại, dịch vụ, khu dân cư.... góp phần quan trọng thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, giữ vững ổn định tình hình xã hội đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Quy hoạch sử dụng đất đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả, bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái.

- Để đáp ứng yêu cầu của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện Lộc Hà đến năm 2030 với mục tiêu tổng quát: *"Đẩy mạnh kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; phát triển mạnh công nghiệp và thương mại - dịch vụ và du lịch biển, gắn với nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa quy mô lớn, đáp ứng khả năng cạnh tranh trên thương trường; đầu tư phát triển văn hóa - xã hội tương xứng với phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh gắn với bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng an ninh. Huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là nguồn xã hội hóa đầu tư nhằm xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; đưa Lộc Hà phát triển nhanh hơn, bền vững hơn theo hướng công nghiệp hiện đại".*

- Huyện Lộc Hà được thành lập theo Nghị định số 20/NĐ-CP, ngày 07/02/2007 của Chính phủ (công bố vào ngày 08/3/2007) trên cơ sở sáp nhập 07 xã vùng Hạ Can của huyện Can Lộc và 06 xã vùng Biển Cửa của huyện Thạch Hà. Từ những ngày đầu thành lập, vượt qua khó khăn, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân huyện Lộc Hà đã nỗ lực xây dựng quê hương ngày càng phát triển.

Mặc dù đi lên từ bao bộn bề khó khăn của ngày đầu mới thành lập, đặc biệt là xuất phát điểm về kinh tế - xã hội còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, đội ngũ cán bộ vừa thiếu vừa chưa có kinh nghiệm, kết cấu hạ tầng yếu,… Thực tế đó đòi hỏi quyết tâm, nỗ lực của toàn Đảng bộ, chính quyền và nhân dân, nhất là trong công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Xác định được những đột phá phải thực hiện, với sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương, của tỉnh, Đảng bộ huyện Lộc Hà đã xây dựng được chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050.

Đặc biệt, trong 5 năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III, nhiệm kỳ 2015 - 2020, Đảng bộ huyện Lộc Hà đã vượt qua khó khăn, phát huy những thế mạnh của địa phương, lãnh đạo chính quyền, nhân dân giành được nhiều thành tựu trên tất cả các lĩnh vực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nâng cao đời sống nhân dân, thay đổi bộ mặt nông thôn.

Nhận thấy tầm quan trọng và tính cấp thiết của việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong giai đoạn hiện nay cũng như việc chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Luật đất đai 2013, Nghị định số 43/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 29/214/TT-BTNMT và Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lộc Hà tiến hành lập “Quy hoạch sử đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện” làm căn cứ để quản lý, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất đai.

# II. CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Luật Đất đai năm 2013;

Luật 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định phương pháp định giá đất;

Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thu tiền sử dụng đất;

Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất;

Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Quyết định số 4226/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050;

Quyết định số 3095/QĐ-UBND ngày 30/10/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân phu xây dựng khu du lịch biển Lộc Hà, tỷ lệ 1/2.000;

Quyết định số 1904/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng khu du lịch – đô thị - thương mại ven biển Nghi Xuân - Lộc Hà, tỷ lệ /5.000;

Quyết định số 2235/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị thị trấn Lộc Hà đến năm 2030;

Quyết định 978/QĐ-UBND ngày 25/3/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 2295/QĐ-UBND  ngày 09 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Hà Tĩnh;

\* Tài liệu tham khảo:

Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Lộc Hà;

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện Lộc Hà thời kỳ 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2025;

Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ UBND huyện Lộc Hà lần thứ IV nhiệm kỳ 2021 - 2025;

Số liệu kiểm kê, thống kê đất đai của UBND huyện Lộc Hà qua các năm;

Báo cáo tổng kết kinh tế - xã hội năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 UBND huyện Lộc Hà;

Quy hoạch và định hướng phát triển của các ngành, các lĩnh vực;

Các quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị;

Các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn huyện đến năm 2030 đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

# III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA CÔNG TÁC ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

**3.1. Mục đích**

- "Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất" là một trong 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai đã được quy định trong Luật đất đai năm 2013. Vì vậy, để thống nhất quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn cần phải xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Phát huy tối đa tiềm năng, nguồn lực về đất đai đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Mục tiêu cơ bản của Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 là đáp ứng nhu cầu sử dụng đất một cách hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả, đồng thời tăng cường bảo vệ, cải thiện môi trường sinh thái bền vững.

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 còn là cơ sở để phân bổ nhu cầu, chỉ tiêu lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cho các xã, thị trấn trong toàn huyện.

## 3.2. Yêu cầu

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải đảm bảo đúng quy định của Luật đất đai, Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện phải dựa trên hiện trạng sử dụng đất của địa phương và tuân thủ theo quy hoạch.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp trên, quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch của các cấp, các ngành; các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của huyện nói riêng cũng như của tỉnh nói chung.

Phải đáp ứng yêu cầu sử dụng nguồn tài nguyên đất đai tiết kiệm, có hiệu quả đi đôi với bảo vệ môi trường, tôn tạo di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, đảm bảo phát triển bền vững.

## 3.3. Nhiệm vụ

Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện giai đoạn 2011 - 2020 đã được phê duyệt. Làm rõ những vướng mắc, khó khăn, bất cập trong việc lập, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước để thực hiện lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 được hoàn thiện và đạt hiệu quả cao hơn;

Xác định diện tích các loại đất đã được phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và diện tích các loại đất theo nhu cấu sử dụng đất của thành phố trong kỳ quy hoạch sử dụng đất theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn;

Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất, khai thác quỹ đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng có hiệu quả; xác định loại đất cần thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đến từng đơn vị hành chính xã, thị trấn;

Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án sử dụng vào các mục đích quy định Luật Đất đai 2013 thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính xã, thị trấn;

Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020, bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện.

# IV. PHƯƠNG PHÁP LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

*- Phương pháp tiếp cận*: Tiếp cận vĩ mô từ trên xuống và vi mô từ dưới lên.

+ Tiếp cận vĩ mô từ trên xuống là: Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và tỉnh nhà nói riêng, quy hoạch của vùng có liên quan hoặc có tác động đến việc sử dụng đất trên địa bàn huyện.

+ Tiếp cận vi mô từ dưới lên là: Căn cứ vào nhu cầu, kế hoạch sử dụng đất của các xã, thị trấn; quy hoạch của các ngành để tổng hợp, chỉnh lý, soát xét để điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện.

*- Phương pháp kế thừa*: Phân tích các tài liệu đã có trên địa bàn huyện, quy hoạch của các ngành đã và đang được xây dựng có liên quan đến việc sử dụng đất để rút ra quy luật phát triển, biến động đất đai; đồng thời tiếp tục triển khai và đưa vào điều chỉnh quy hoạch những công trình, dự án đang và sẽ thực hiện của quy hoạch được duyệt mà phù hợp với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất của kỳ tiếp theo.

*- Phương pháp điều tra*: Khảo sát thực tế, điều tra bổ sung tài liệu, số liệu cũng như việc khoanh định sử dụng các loại đất trong kỳ điều chỉnh quy hoạch.

*- Phương pháp chồng ghép bản đồ và xử lý chồng lấn*: Tất cả nhu cầu sử dụng đất của các ngành được thể hiện trên bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, bản đồ này được chồng ghép từ các loại bản đồ chuyên đề khác để trên cơ sở đó phát hiện chồng lấn và bất hợp lý nhằm xử lý loại bỏ các chồng lấn và bất hợp lý đó.

*- Phương pháp dự báo, tính toán:* Căn cứ vào tốc độ tăng trưởng GDP, tăng dân số để tính toán bổ sung nhu cầu sử dụng đất và bố trí trong kỳ điều chỉnh quy hoạch theo quy chuẩn, định mức sử dụng đất của các cấp, các ngành.

*- Phương pháp cân đối tổng hợp:* Xác định một cơ cấu loại hình sử dụng đất đai hợp lý trên cơ sở cân đối với tổng diện tích hiện có (có sự cân nhắc, tính toán một cách hợp lý, đảm bảo diện tích tăng giảm các loại đất trong khuôn khổ giới hạn quỹ đất đai của tỉnh); chú trọng xác định các loại hình sử dụng đất có trọng điểm và toàn diện (theo thứ tự ưu tiên và tầm quan trọng trong mối quan hệ với các ngành khác); tuân thủ nguyên tắc ưu tiên dành đất tốt cho sản xuất nông nghiệp (đặc biệt là đất trồng lúa); đảm bảo hài hòa tối đa theo dự báo cho các ngành và khả năng đáp ứng của quỹ đất (về số lượng, chất lượng, vị trí và điều kiện sản xuất).

*- Phương pháp chuyên gia*: Tổ chức hội thảo, xin ý kiến các nhà lãnh đạo, các nhà khoa học, cán bộ chuyên môn của tỉnh, huyện, xã và nhân dân...

# V. NỘI DUNG VÀ SẢN PHẨM QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Hồ sơ sản phẩm quy hoạch quy hoạch sử dụng đất *(bản in trên giấy và file dạng số)* được thực hiện theo Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; bao gồm:

## 5.1. Về báo cáo

Bố cục của báo cáo theo mẫu quy định; ngoài phần mở đầu, kết luận - kiến nghị, hệ thống biểu số liệu, danh mục tài liệu, số liệu điều tra.

- Đặt vấn đề

- Phần I: Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

- Phần II: Tình hình quản lý sử dụng đất đai

- Phần III: Phương án quy hoạch sử dụng đất

- Phần IV: Kế hoạch sử dụng đất năm đầu kỳ Quy hoạch

- Phần V: Giải pháp thực hiện

- Kết luận và kiến nghị

## 5.2. Về bản đồ

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020, tỷ lệ 1/10.000

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000

- Các loại khác kèm theo (nếu có)

5.3. Tài liệu kèm theo

- Các văn bản có liên quan trong quá trình lập, thẩm định, thông qua Hội đồng nhân dân huyện, trình tỉnh xét duyệt.

-Đĩa CD ghi dữ liệu.

PHẦN I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Lộc Hà nằm ở Đông Bắc tỉnh Hà Tĩnh có tọa độ địa lý: 18023’10” - 18032’40” vĩ độ Bắc, 105048’45” - 105055’36” kinh độ Đông.

- Phía Bắc giáp huyện Nghi Xuân và Vịnh Bắc bộ;

- Phía Nam giáp huyện Thạch Hà và thành phố Hà Tĩnh;

- Phía Tây giáp huyện Can Lộc;

- Phía Đông giáp Vịnh Bắc Bộ .

Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 11.697,31 ha, toàn huyện có 11 đơn vị hành chính cấp xã và 1 thị trấn.

|  |
| --- |
| VỊ TRÍ HUYỆN LỘC HÀ TRONG TĨNH HÀ TĨNH |

1.1.2. Địa hình, địa mạo

Lộc Hà nằm phía Đông tỉnh Hà Tĩnh có địa hình hẹp và dốc dần từ Tây sang Đông.

Lộc Hà là huyện ven biển có điều kiện tự nhiên mang đầy đủ những nét đặc trưng của địa hình đa dạng, bao gồm: đồi núi, đồng bằng và biển cả. Với núi Bằng Sơn chạy dọc theo 12km bờ biển phía sau là đồng bằng, phía Tây Bắc tiếp nối với dãy núi Hồng Lĩnh tạo nên một bức tranh thiên nhiên thơ mộng và hữu tình. Địa hình đồi núi nằm về phía Tây Bắc của huyên, khu vực đồng bằng chủ yếu nằm ở vùng giữa và phía Nam của huyện, thường bị chia cắt bởi các con sông suối, lạch,... Huyện có 4 dạng địa hình cơ bản sau:

+ Núi trung bình uốn nếp khối nâng lên mạnh:

+ Núi thấp uốn nếp nâng lên yếu:

+ Thung lũng kiến tạo - xâm thực.

+ Vùng đồng bằng: Vùng đồng bằng Lộc Hà nằm dọc theo ven biển với độ cao trung bình trên dưới 3m, bị uốn lượn theo mức độ thấp dần ra cửa biển từ vùng đồi núi phía Tây, càng về phía nam càng hẹp.

Địa hình ven biển thường có những dải cát dọc theo bờ biển, thỉnh thoảng còn có những cồn cát.

1.1.3. Khí hậu;

Nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, khí hậu của huyện chịu ảnh hưởng của đới khí hậu này. Ngoài ra, còn chịu ảnh hưởng của khí hậu chuyển tiếp giữa miền Bắc và miền Nam, với đặc trưng khí hậu nhiệt đới điển hình của miền Nam và có 1 mùa đông giá lạnh của miền Bắc; hàng năm có 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa có nhiều bão lụt, kéo dài từ tháng 8 đến tháng 11. Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 7. Đây là mùa nắng gắt, có gió Tây nam khô, nóng, lượng bốc hơi lớn, gây hạn hán nghiêm trọng.

1.1.4. Thuỷ văn.

Sông Cửa Sót, ranh giới tự nhiên giữa Lộc Hà với TP Hà Tĩnh và Thạch Hà, chảy qua đại phận Lộc Hà rồi đổ ra biển, đóng vai trò quan trọng hình thành nên các bãi bồi ven sông và cửa biển. Toàn huyện Lộc Hà có tổng chiều dài là 12 km đường bờ biển, với chế độ thuỷ triền của vùng biển Bắc Trung Bộ.

1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên

1.2.1. Tài nguyên đất;

Huyện Lộc Hà *c*ó diện tích tự nhiên là 11.697,31 ha.

*\* Về thổ nhưỡng:*

Theo các kết quả nghiên cứu của sở Khoa học và Công nghệ Hà Tĩnh kết hợp với Viện Quy hoạch Thiết kế nông nghiệp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2004 - 2005), huyện Lộc Hà có những loại đất chính sau:

1/ Đất mặn trung bình và ít (M), tên theo FAO-UNESLO: Molli-Salic- Fluisols (FLSm): có diện tích 272,0 ha; phân bố ở một số xã như: Hậu Lộc, Thạch Bằng và Thạch Kim.

Tính chất: đất có thành phần cơ giới biến động từ nhẹ đến trung bình. Tổng số muối tan trong đất từ 0,2 - 0,5% hay lượng muối ở mức trung bình OM% biến động từ 1,0 - 40%. Đạm tổng số ở mức trung bình, M% tổng mặt bằng 0,1 % lân tổng số biến động nghèo đến rất nghèo, lân dễ tiêu nghèo, P2L5 diện tích < 5mg/100 g đất. Kali tổng số và dễ tiêu trung bình. Đất có phản ứng dung tích hoặc chua ít.

Hướng sử dụng: Loại đất này thích hợp cho gieo trồng lúa nước hoặc nuôi trồng thuỷ sản nước lợ.

2/ Đất mặn nhiều (Mn), tên theo FAU-UNESCO: Hyper-Salie-Flavinls (GLSh): có 312,0 ha phân bố chủ yếu ở xã Hộ Độ

Tính chất: đất có thành phần cơ giới biến động từ nhẹ đến Trung bình hàm lượng muối trong đất cao, TSMT % >5%. Đất có phản ứng trung tính, tầng mặt có pHKu từ 6,0 - 6,5%. Hàm lượng muối trung bình (OM% từ 1,2 - 1,8%). Đạm trung bình. Lân tổng số trung bình và nghèo, lân để tiêu nghèo. Kali tổng số trung bình và dễ tiêu từ trung bình đến nghèo. CEC từ 10 - 15 lđl trong 100 g đất.

Hướng sử dụng: Loại đất này thích hợp cho gieo trồng lúa nước và một số cây công nghiệp ngắn ngày cây cải tạo độ mặn.

3/ Cồn cát trắng và vàng điển hình (Cc) tên theo FAO-UNESCO: Hapli - Luvic-Anenosols (Arh): có diện tich 452,4 ha, phân bố chủ yếu ở xã Thịnh Lộc

Tính chất: Đất có thành phần cơ giới rất nhẹ, nhóm hạt cát chính >95%, không có kết cấu, đất có phản ứng chua, pH (ru) 4,4 - 5,0. Hàm lượng chất hữu cơ và đạm tổng số nghèo, 0c % biến động từ 0,2 - 0,4 %. Lân tổng số và dễ tiêu nghèo, kali tổng số và dễ tiêu biến động từ nghèo đến trung bình. Dung tích hấp phụ rất thấp, CEC ≤ 3 lđl/100g đất.

Hướng sử dụng: Trồng rừng phòng hộ và một số cây màu ngắn ngày.

4/ Đất cát biển chua dưới hình (Cd) tên theo FAO-UNESLO: Hapli-Dystric -Arenosrls (Ard - h): có diện tích 1216,0 ha; phân bố ở các xã Thạch Bằng, Thịnh Lộc, Thạch Mỹ, Thạch Châu và Hậu Lộc.

Tính chất: Đất có thành phần cớ giới nhẹ, nhóm hạt cách biến động từ 85 - 90% không có kết cấu. Đất có phản ứng chua và rất chua toàn phần diện pH (xce) biến động từ 4,1 - 4,8 hàm lượng chất hữu cơ trong đất nghèo, 0c% < 0,5 %. Đạm tổng số nghèo, lân tổng số và dễ tiêu rất nghèo. Kali tổng số và dễ tiêu cũng rất nghèo. Dung tích hấp thụ của đất thấp. CEC < 4 lđ/100g đất. Đây là loại đất có các tính chất xấu điển hình đất cơ giới nhẹ, các chất dinh dưỡng và chua.

Hướng sử dụng: Thích hợp với các cây mầu ngắn ngày như các loại đậu đỗ, lạc, vừng, dưa hấu. Nơi chủ động nước có thể trồng lúa nước.

5/ Đất phèn hoạt động mặn trung bình và ít (Simi). tên theo FAO-UNESLO: Molli - Sali - orthi thionic - Fluvíols (Glto - sm): có diện tích: 2.404,11 ha; phân bố ở các xã Thạch Châu, Mai Phụ, Phù Lưu, Hậu Lộc, Hồng Lộc, An Lộc, Bình Lộc và Thịnh Lộc.

+ Tính chất: Đất có thành phần cơ giới biến động từ trung bình đến nặng. Đất có phản ứng rất chua toàn phần dựng, tầng mặt pH­Ku = 4,1, tầng duới thường < 4,0 hàm lượng chất hữu cơ biến động từ trung bình đến khá, 0c% lớp đất mặt xung quanh1,5%. Đạm tổng số trung bình và khá N% biến động 0,1% - 02%. Là tổng số và dễ tiêu nghèo. Kali tổng số trung bình, kali dễ tiêu nghèo. Dung tích hấp phụ của đất thấp, CEC <10lđl/100g đất. Tổng muối tan trong đất biến động từ 0,3 - 0,5 %, trong thành phần muối tas U > SO4.

Tình chất xấu điển hình của loại đất này là chua, mặn và nghèo một số chất dinh dưỡng như las, kali...

+ Hướng sử dụng: Loại đất này hiện đang được sử dụng gieo trồng lúa nước và một số cây năng ngày khác. Chú ý phải bón có pHKu≤ 4,0 và bón đủ các loại phân cho cây trồng. Dùng nước ngọt để rửa mặn, chua, kém phèn và mặn.

6/ Đất phù sa chua (Pc) Tên theo FAO-UNESCO: Dystric-Gluvisols (GLd): có diện tích: 386,7 ha; phân bố xã Tân Lộc, Hồng Lộc.

+ Tính chất: Thành phần cơ giới của đất biến động từ nhẹ đến trung bình và nặng. Đất có phản ứng chua toàn phần dịch, tầng mặt có pH­Ku biến động từ 4,2 – 4,6, độ bão hoà bazơ thấp, DS% < 50%. Hàm lượng chất hữu cơ trong đất biến động từ nghèo đến trung bình, 0c% thay đổi từ 0,5% - 1,0%. Đạm tổng số nghèo. Lân tống số biến động từ trung bình đến nghèo, lân dễ tiêu nghèo. Kali tổng số trung bình, kali dễ tiêu nghèo. Đất có dung tích hấp phụ thấp.

+ Hướng sử dụng: Gieo trồng lúa nước và một số cây ngắn ngày khác, chất quá chua phải bón vôi.

7/ Đất phù sa plây (Pg) - tên theo FAO-UNESCO: Gleyic - Fluvisols (Flg): có diện tích: 827,6 ha; phân bố ở các xã An Lộc, Thịnh Lộc, Tân Lộc và Hồng Lộc

+ Tính chất: thành phần cơ giới của đất thay đổi từ nhẹ đến trung bình và nặng, chủ yếu là nặng. Đất có phản ứng chua, pH KCl thay đổi từ 4,5-5,5. Hàm lượng chất hữu cơ thay đổi từ trung bình đến khá, đạm tổng số trung bình. Lân, kali tổng số trung bình, dễ tiêu nghèo. Đất có dung tích hấp phụ thấp, CEC < 10 lđl/ 100g đất.

+ Hướng sử dụng: Gieo trồng lúa nước và một số cây ngắn ngày khác.

8/ Đất xám bạc màu cơ giới nhẹ (Ba) - tên theo FAO- UNESCO: Areni-Haplic-Anisols (Ach): có diện tích 120,0 ha; phân bố ở xã Hồng Lộc

+ Tính chất: thành phần cơ giới của đất biến động từ nhẹ đến trung bình, chủ yếu là trung bình. Đất có phản ứng chua và rất chua, pH (KCl) thay đổi từ 3,9 - 4,7. Hàm lượng chất hữu cơ và đạm trong đất nghèo. Hàm lượng lân, kali tổng số và dễ tiêu trong đất nghèo. Dung tích hấp phụ của đất thấp, CEC < 10 lđl/ 100g đất.

+ Hướng sử dụng: gieo trồng lúa nước và một số cây ngắn ngày khác.

9/ Đất xám feralit điển hình trên đá granit (Fa) - tên theo FAO-UNESCO-Hapli-Feralic-Acrisols ( Acf\_h): có diện tích 820,0 ha; phân bố ở xã Tân Lộc, Hồng Lộc và Thịnh Lộc.

+ Tính chất: thành phần cơ giới tầng đất mặt nhẹ, tầng dưới có thành phần cơ giới trung bình. Đất có phản ứng chua và rất chua, pH KCl từ 4,0-4,5. BS %< 50%. Tầng mặt có hàm lượng chất hữu cơ trung bình. Đạm tổng số trung bình, lân, kali tổng số và dễ tiêu đều rất nghèo. Dung tích hấp phụ của đất thấp CEC < 10 lđl/100g đất.

+ Hướng sử dụng: trồng rừng với cây chủ lực là keo lai, chú ý chống xói mòn đất.

10/ Đất tầng mỏng chua (EC)-tên theo FAO-UNESCO:Hapli- Dyrtric-Leptosols(LPd\_h): có diện tích 320,0 ha; phân bố ở xã Hồng Lộc, Tân Lộc, Thạch Bằng và Bình Lộc.

+ Tính chất: đất có thành phần cơ giới nhẹ, chua, nghèo các chất dinh dưỡng, tầng đất mỏng < 30 cm. Loại đất này có nhiều tính chất xấu do bị thái hóa nghiêm trọng.

+ Hướng sử dụng: trồng rừng phủ xanh đất trồng đồng núi trọc.

1.2.2. Tài nguyên nước

*\* Nước mặt:*

Nguồn nước mặt của huyện chủ yếu từ sông Đò Điệm, sông Én. Lượng mưa hàng năm vào loại trung bình, lại phân bố không đồng đều giữa các tháng trong năm, gây khó khăn cho sản xuất, thừa nước về mùa mưa và thiếu nước trong những tháng gió Tây - Nam hoạt động mạnh. Gió mùa Tây Nam hoạt động từ tháng 4 đến tháng 8, mạnh nhất vào tháng 6 và đầu tháng 7, gây thiếu nước nghiêm trọng cho cây trồng và vật nuôi.

Các con sông của huyện đều chảy ra biển, sông ngắn, độ dốc lớn, do đó dòng chảy lũ về mùa mưa và dòng chảy kiệt vào các tháng hạn *(tháng 3 - 4 và tháng 7)* rất khác nhau. Trong đó, sông Cửa Sót là hợp lưu của hai con sông chính: sông Nghèn và sông Rào Cái có lưu vực rộng 1.349 km2.

*\* Nước ngầm:*

Nước ngầm có ở hầu hết các nơi trong huyện, tùy theo địa hình từng khu vực và độ nông, sâu khác nhau. Nguồn nước ngầm cần được đánh giá về trữ lượng và chất lượng trước khi đưa vào khai thác và sử dụng.

1.2.3. Tài nguyên rừng;

- Rừng ở Lộc Hà vừa có giá trị về kinh tế và môi trường, vừa góp phần làm đẹp cảnh quan nên có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế nói chung và du lịch nói riêng.

- Về diện tích đất lâm nghiệp: Theo số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 và số liệu dự kiến thống kê đất đai năm 2020 thì tổng diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Lộc Hà là 2.093,08 ha, trong đó diện tích đất có rừng 1.579,75 ha, bao gồm:

+ Đất rừng sản xuất: 941,72 ha, trong đó diện tích đất có rừng 651,3 ha.

+ Đất rừng phòng hộ 1151,36 ha, trong đó đất có rừng 928,45 ha.

- Về thực vật: toàn bộ diện tích là rừng trồng.

1.2.4. Tài nguyên khoáng sản;

Theo các số liệu điều tra huyện Lộc Hà có một số kim loại chủ yếu Quặng sắt, các biểu hiện khoáng sản sắt - mangan Đồng Kèn (xã Thịnh Lộc, huyện Lộc Hà), Hàm Sơn (xã Tân Lộc, huyện Lộc Hà) đang được Liên đoàn Địa chất Bắc Trung Bộ tổ chức đánh giá triển vọng. Ngoài ra còn có Titan (Ilmenit) đã được Liên đoàn Địa chất bắc Trung Bộ  tìm kiếm tỷ lệ 1:10.000 (1995) trên diện tích 21 km2 tại huyện Lộc Hà .

1.2.5. Tài nguyên nhân văn.

Lộc Hà có dân số năm 2020 là 79.855 người, có truyền thống cách mạng, người dân huyện hiếu học, cần cù sáng tạo. Là một vùng đất có truyền thống lịch sử - văn hoá lâu đời với nhiều đền chùa và lễ hội giàu bản sắc; con người Lộc Hà cần cù và sáng tạo. Huyện có làng Mai Phụ là quê hương của Mai Thúc Loan, vị Hoàng đế có công đánh đuổi quân xâm lược nhà Đường, có làng Thu Hoạch, trấn Nghệ An (nay là xã Thạch Châu) là quê hương của dòng họ Phan Huy, một dòng họ văn hoá của thể kỷ 18 và 19, mở rộng ra cả Bắc Hà. Lễ hội cũng là nét văn hoá độc đáo của vùng địa linh nhân kiệt. Đặc biệt hàng năm, thời gian từ mồng 5 - 6 tháng giêng Âm Lịch có lễ hội đền Tam Lang - lễ hội Xuân Điển được diễn ra ở làng Phan Xá (Ích Hậu) để tưởng nhớ thần Tam Lang đã có công giúp quân Đại Việt đánh đuổi giặc ngoại xâm. Ngoài ra, một số lễ hội khác như: Lễ hội chùa Chân Tiên 9 Lê Khôi ở Thạch Kim hay hội làng Thanh Lương ở Thụ Lộc, hội đua thuyền ở Thạch Kim, Thạch Bằng, Mai Phụ, Hộ Độ....

Bên cạnh đó huyện còn có các di tích lịch sử như Núi Bằng Sơn; Chùa Long Hội ở xã Hồng Lộc, Đền Cả (còn có tên là đền Lớn hoặc Tam tòa Đại Vương thuộc xã Ích Hậu); [Đình Đỉnh Lự](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%ACnh_%C4%90%E1%BB%89nh_L%E1%BB%B1) ở xã Tân Lộc - di tích lịch sử thế kỷ 15, là nơi để nhân dân quanh vùng tưởng nhớ công ơn của võ tướng Nguyễn Xí thời Lê Sơ, thời kỳ chống Pháp, các chí sĩ yêu nước đã lấy đình làm trụ sở …

1.2.6. Tài nguyên du lịch.

Điểm nhấn về tiềm năng du lịch tự nhiên là dãy núi Bằng Sơn chạy dọc theo 12km đường biển tạo điều kiện để phát triển đa dạng các hình thái du lịch như: thư giãn, tắm biển, vui chơi, leo núi, du lịch nghĩ dưỡng, hội nghị, hội thảo, du lịch sinh thái,… Hồi thế kỷ XIX thực dân Pháp đã chọn nơi đây để xây dựng khu nghĩ dưỡng. Phía Tây Bắc tiếp giáp dãy núi Lộc Hà hùng vĩ, có đồi thông bạt ngàn luôn vi vu cùng nắng gió. Ở đó có Khu Di tích danh thắng quốc gia Chùa Chân Tiên - đây là điểm đến hàng năm của du khách thập phương về vãn cảnh và lễ hội. Chiều dài bờ biển Lộc Hà trải dài 12 km với bãi cát trắng bằng phẳng, sóng nhẹ, nước trong và còn mang đậm nét hoang sơ nên rất có điều kiện để phát triển du lịch biển.

Với lợi thế tiềm năng thiên nhiên ban tặng, nơi đây có một hệ thống di tích danh thắng phong phú và đa dạng gắn liền với biển như chùa Chân Tiên, đền Lê Khôi, chùa Kim Dung, biển Xuân Hải,... nơi đây còn nổi tiếng với các làng nghề làm muối ở Hộ Độ, nghề làm dầu lạc ở xã Thạch Châu; nghề làm hương, làm nón, làm chổi ở xã Thạch Mỹ. Đây là một điểm nhấn để thu hút khách du lịch.   
 Quả không sai khi cho rằng hệ thống di tích, danh thắng của huyện Lộc Hà hết sức đa dạng và đặc sắc bởi sự gắn kết. Bắt đầu từ đền vua Mai qua chùa Trúc Lâm Thanh Lương đến đình Đĩnh Lữ, sang chùa Chân Tiên với Hồ Tiên đầy thơ mộng, xuôi về Kim Dung trên núi Bằng Sơn tọa lạc ven biển Xuân Hải và ghé đền Lê Khôi trên đỉnh Long Ngâm trên núi Nam Giới....

Ngoài các điểm du lịch văn hóa tâm linh, du lịch biển cũng được xem là một trong những thế mạnh của du lịch Lộc Hà với nhiều bãi tắm đẹp. Biển Thạch Bằng sở hữu bãi cát trắng, mịn và bằng phẳng, sóng nhẹ, nước trong xanh, độ mặn vừa phải. Nằm khá xa khu dân cư nên biển rất sạch và còn mang đậm nét hoang sơ, bãi tắm Xuân Hải nằm ngay trên cung đường 70 tiếp nối đường tỉnh lộ 9 từ thành phố Hà Tĩnh về tận biển. Đặc biệt khu du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi Khu du lịch Vinpearl Cửa Sót (Thịnh Lộc) đi vào hoạt động thu hút số lượng lớn khách du lịch hàng năm, mang đến tín hiệu tích cực cho ngành du lịch trên địa bàn.

Không chỉ thuận lợi về giao thông và bãi tắm đẹp, nơi đây còn có nguồn thủy hải sản phong phú như các loại cá, cua, tôm, mực... được đánh bắt từ biển Thạch Kim; hến Mai Phụ, vẹm xanh, hàu lệ Thạch Châu, sò lông, sò huyết Thịnh Lộc… là nguồn thực phẩm biển tươi sống dồi dào đủ để cung cấp cho các nhà hàng, khách sạn phục vụ du khách.

Du lịch được xem là động lực để phát triển kinh tế của Lộc Hà, do vậy, bên cạnh việc nghiên cứu, xem xét việc chủ trương đầu tư các hạng mục, công trình trọng điểm phục vụ phát triển du lịch như trên còn cần có các chiến lược thu hút vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, tổ chức. Điều này đòi hỏi cần có những giải pháp đồng bộ, như: tăng cường quảng bá, xúc tiến du lịch, lựa chọn các nhà đầu tư có năng lực tài chính để cấp phép; cải cách thủ tục hành chính; phát triển nguồn nhân lực; đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho việc triển khai các dự án

1.3. Phân tích hiện trạng môi trường.

Nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Hà Tĩnh, Lộc Hà là một huyện mới, thành lập năm 2007, được sát nhập bởi 7 xã của huyện Can Lộc và 6 xã của huyện Thạch Hà. Tuy là một huyện ven biển song Lộc Hà lại được trọn hưởng sự phong phú của điều kiện tự nhiên, mang đầy đủ nét đặc trưng bao gồm cả đồi núi, đồng bằng và biển cả. Điều này, tạo nên lợi thế tiềm năng du lịch lớn cho địa phương.

Trong những năm gần đây, với tốc độ đô thị hoá nhanh và việc phát triển kinh tế - xã hội đã ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, trong đó:

-- Gia tăng dân số trên địa bàn huyện dẫn đến áp lực trong việc cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các hoạt động sinh sống của con người đều gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

- Quá trình đô thị hóa trong lĩnh vực xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đều tác động đến môi trường sinh thái như: khói thải của hệ thống máy móc, bụi do phá dỡ, vận chuyển vật liệu xây dựng, rác thải xây dựng.

- Một số cơ sở sản xuất công nghệ đã cũ kỹ, lạc hậu gây ô nhiễm môi trường; quá trình phát triển công nghiệp, các khu dân cư, bệnh viện, trạm y tế... tạo ra nguồn rác thải, nước thải khá lớn nhưng chưa được xử lý triệt để, việc xây dựng, cải tạo công trình, nhà cửa thiếu kiểm soát, việc vận chuyển vật liệu đất đá xây dựng,... cũng góp phần làm tăng thêm độ ồn, gây ô nhiễm không khí; việc khai thác đánh bắt và nuôi trồng thủy sản còn mang tính tự phát theo phương pháp, hình thức khác nhau, thiếu khoa học cũng làm ô nhiễm nguồn nước và cạn kiệt nguồn tài nguyên thủy hải sản.

- Sự cố môi trường biển vào năm 2016 đã gây hậu quả lớn về kinh tế, xã hội, môi trường sống của nhân dân. Làm suy giảm chất lượng môi trường biển, hệ sinh thái biển và nguồn lợi thủy sản; các rạn san hô, sinh vật phù du, động vật phù du, cá tự nhiên chết hàng loạt trên diện rộng có nguy cơ làm gián đoạn chuỗi thức ăn tự nhiên trong hệ sinh thái biển, dẫn đến sự suy giảm đa dạng sinh học biển và nguồn lợi thủy sản. Nguồn lợi sinh vật không chỉ giảm về số lượng mà còn có thể bị thay đổi cấu trúc, tuy nhiên đến nay có sự phục hồi tích cực.

- Giao thông vận tải trong các hoạt động vận tải cũng kéo theo lượng khí thải của ô tô xe tải và xe khách, xe máy và các xe chuyên dụng khác, thải ra khí như: CO, VOC, SO2 và NO2 ảnh hưởng đến môi trường không khí…

- Hoạt động sản xuất nông nghiệp cũng làm ảnh hưởng đến môi trường đất, nước và không khí, các hoạt động này làm ô nhiên do: Sử dụng phân bón hóa học quá mức trong trồng trọt, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không theo hưỡng dẫn; Việc thu gom rác trong quá trình trồng trọt và chất thải trong chăn nuôi ….

- Hoạt động sản xuất nông nghiệp cũng làm ảnh hưởng đến môi trường đất, nước và không khí, các hoạt động này làm ô nhiên do: Sử dụng phân bón hóa học quá mức trong trồng trọt, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không theo hưỡng dẫn; Việc thu gom rác trong quá trình trồng trọt và chất thải trong chăn nuôi….Nhiều diện tích rừng đang bước vào thời kỳ khai thác nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng được quan tâm, nhất là rừng chắn sóng ven biển

Vì vậy những năm sắp tới, cần có các giải pháp lâu dài về xử lý ô nhiễm môi trường ở các cơ sở sản xuất, bệnh viện, hệ thống thoát nước ở các khu dân cư, có phương án di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra vùng ít dân cư. Khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; tích cực trồng rừng, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

1.4. Đánh giá chung

*1.4.1. Những thuận lợi, lợi thế*

Tài nguyên đất đai có nhiều nhóm, loại đất với các vùng khí hậu đặc thù cho phép để phát triển tập đoàn sinh vật phong phú

Do nằm ở ven biển, địa hình có sông, có núi, có đường bờ biển dài 12 km, với bãi cát dài, phẳng, mịn, bãi tắm thoải, sóng nhẹ và đang rất hoang sơ; có nguốn thuỷ hải sản lớn, nếu được đầu tư khai thác hợp lý thì nơi đây hoàn toàn có thể phát triển du lịch du lịch sinh thái, du lịch biển, đánh bắt và chế biến thủy sản như một lợi thế so sánh riêng so với các khu vực khác.

Về môi trường nói chung khu vực huyện Lộc Hà chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm trên diện rộng, các vấn đề ô nhiễm chỉ xuất hiện ở quy mô nhỏ,cục bộ và mức độ yếu. Các vấn đề này hoàn toàn có thể khắc phục được, nếu có các biện pháp quản lý, giáo dục cộng đồng tốt, có biện pháp xử lý kịp thời.

*1.4.2. Những khó khăn, hạn chế*

Khí hậu khắc nghiệt với nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan như gió, bão, mưa lũ lớn kéo dài…gây nên lũ,lụt, hạn hát…đã gây ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của người dân.

Sự cố môi trường biển cũng đã ảnh hưởng rất lớn đến kinh tế, đời sống của ngư dân và người dân trong vùng.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI

2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.

2.1.1. Tăng trưởng kinh tế

Trong điều kiện còn nhiều khó khăn, tình hình kinh tế, chính trị thế giới và khu vực có nhiều biến động, thời tiết nắng nóng, hạn hán, dịch bệnh gia súc, gia cầm, đại dịch Covid 19 diễn biến phức tạp... Nhưng được sự quan tâm, giúp đỡ của lãnh đạo tỉnh, các sở, ngành cấp tỉnh; sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức đoàn thể; sự nỗ lực, cố gắng của cán bộ, nhân dân và doanh nghiệp, các chương trình, kế hoạch, đề án trọng tâm được tập trung triển khai thực hiện nên tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Theo số liệu của Chi cục Thống kê, tăng trưởng kinh tế Lộc Hà năm 2020 đạt 14,46%, trong đó: nông nghiệp tăng 2,12%, công nghiệp và xây dựng tăng 4,96%, khu vực dịch vụ tăng 7,38%. Thu nhập bình quân đầu người đạt gần 37 triệu đồng.

2.1.2. Cơ cấu kinh tế

Năm 2016 do ảnh hưởng sự cố môi trường biển, mức tăng trưởng kinh tế đạt thấp; năm 2017 kinh tế từng bước được phục hồi, tiếp tục chuyển dịch đúng hướng; năm 2018 tăng trưởng 13,79%; năm 2020 ước tăng trưởng 14,46%. Bình quân tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm đạt 13,43%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế mặc dù chưa đạt theo mục tiêu nghị quyết đại hội (15%) nhưng đã chuyển dịch đúng định hướng phát triển của nền kinh tế.

Cơ cấu kinh tế so với đầu nhiệm kỳ chuyển dịch theo hướng tích cực, các ngành có tiềm năng, lợi thế tiếp tục phát triển, tỷ trọng nông nghiệp từ 29,17% giảm còn 25,17%; công nghiệp, xây tăng lên 37,04%; thương mại, dịch vụ, du lịch từ 29,32% tăng lên 37,79%. Giá trị sản xuất theo giá hiện hành 5.229 tỷ đồng, đạt 84,5% mục tiêu nghị quyết đại hội, tăng gấp 1,88 lần quy mô giá trị sản xuất năm 2015. Thu nhập bình quân đầu người 37 triệu đồng, đạt 40% so với mục tiêu nghị quyết đại hội, tăng gần 12 triệu đồng so với năm 2015.

Tổng thu ngân sách trên địa bàn (số liệu ước thực hiện năm 2020) đạt 285 tỷ đồng, đạt 73,71% so với mục tiêu nghị quyết đại hội, tăng 235% so với năm 2015; cơ cấu nguồn thu có chuyển biến theo hướng tích cực. Chi ngân sách cơ bản đáp ứng nhu cầu theo kế hoạch, đặc biệt ưu tiên cho chi đầu tư phát triển, các chính sách an sinh xã hội; gắn với thực hiện nghiêm chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Hoạt động tín dụng ngân hàng đảm bảo tốt nhu cầu vốn đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động. Tổng nguồn vốn huy động ước đạt 1.267 tỷ đồng, tăng 24,74 % so với cùng kỳ năm trước; tổng dư nợ trên toàn huyện 1.568 tỷ đồng, tăng 9,02% so với cùng kỳ năm ngoái; nợ quá hạn dưới 1,68%, trong đó nợ xấu 1,65% (quy định cho phép dưới 3%).

*2.1.3. Đầu tư xây dựng*

Huy động có hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển, giai đoạn 2016 - 2020 tổng nguồn lực huy động đạt 7.979 tỷ đồng, tăng gấp 2 lần so với giai đoạn 2011 - 2015. Cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước trong cơ cấu vốn tăng nhanh từ 57% giai đoạn 2011 - 2015 lên 82,8% giai đoạn 2016 - 2020. Khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải; ưu tiên tập trung đầu tư các công trình dự án trọng điểm, các nhiệm vụ, lĩnh vực theo nghị quyết đề ra.

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đã triển khai xây dựng các quy hoạch ngành, lĩnh vực, địa phương, nhất là quy hoạch xây dựng nông thôn mới; quy hoạch chung thị trấn huyện lỵ; trung tâm hành chính huyện; du lịch biển Lộc Hà; hệ thống giao thông, thủy lợi; các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề; khu chế biến hải sản, hệ thống kho cấp đông; khu chăn nuôi tập trung, liên kết; phát triển đô thị Lộc Hà, huyện nông thôn mới... Gắn với thực hiện nghiêm công tác quản lý các quy hoạch đã được phê duyệt, nhằm khai thác sử dụng có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng vùng; công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch đã hình thành rõ nét các vùng kinh tế, tạo nền tảng bền vững cho sự phát triển.

Về xây dựng nông thôn mới: Nhờ tinh thần quyết tâm, đồng lòng từ cấp ủy, chính quyền đến nhân dân, đến nay, toàn huyện Lộc Hà có 100% xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn NTM; Khu dân cư NTM kiểu mẫu cơ bản đạt chuẩn và 259 vườn cơ bản đạt chuẩn theo 5 tiêu chí vườn mẫu. Hoàn thiện phương án sản xuất kinh doanh các sản phẩm tham gia chương trình OCOP đợt 1 năm 2020 gửi tỉnh. Phối hợp với Văn phòng NTM tỉnh tổ chức kiểm tra, xét chọn sản phẩm tiềm năng và ý tưởng sản phẩm tham gia Chương trình OCOP đợt 2 năm 2020. Trưng bày gian hàng sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV. Phối hợp với Văn phòng NTM tỉnh kiểm tra quy trình sản xuất tại các cơ sở có sản phẩm đã đạt chuẩn OCOP.

Huyện đã lựa chọn, vận động, hỗ trợ xây dựng 7 sản phẩm tham gia chương trình OCOP. Đến cuối năm 2019, đã có 3 sản phẩm (nước mắm Ánh Hồng, ruốc kem Tuyết Lương, ruốc kem Hương Xuân) được xếp hạng 3 sao. Phong trào “Cả huyện chung sức xây dựng nông thôn mới” được thực hiện tốt. Phê duyệt khung kế hoạch thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới đăng ký hoàn thành trong năm 2020 và ban hành quyết định giao các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn huyện đỡ đầu, tài trợ xây dựng nông thôn mới tại các xã phấn đấu đạt chuẩn xã NTM nâng cao năm 2020. Tập trung giải phóng hành lang làm đường GTNT; việc nâng cấp, chỉnh trang các khu dân cư, gắn với xây dựng Khu dân cư NTM kiểu mẫu, vườn mẫu được phát động, lan tỏa nhanh ở nhiều địa phương.

Trong giai đoạn 2015 - 2020, huyện đã huy động trên 2.400 tỷ đồng xây dựng NTM, trong đó, nhân dân đóng góp trên 1.200 tỷ đồng, để hoàn thiện kết cấu hạ tầng, xây dựng, củng cố các tiêu chí. Để đạt mục tiêu, kế hoạch NTM đã đề ra, Bí thư Huyện uỷ yêu cầu các cấp, ngành, địa phương quyết tâm cao hơn nữa; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt; có cách làm hay để huy động sức dân trong củng cố các tiêu chí; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ có trọng tâm, trọng điểm ngay từ đầu năm; quan tâm chăm lo sản xuất, phát triển đời sống của người dân

2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

2.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp;

Sản xuất nông nghiệp mặc dù chịu tác động ảnh hưởng sự cố môi trường biển, thiên tai, dịch bệnh, biến động thị trường chăn nuôi, nhưng có bước tăng trưởng khá. Cơ cấu sản xuất được điều chỉnh phù hợp với định hướng tái cơ cấu, theo thị trường, nâng cao hiệu quả kinh tế, phát huy lợi thế sản phẩm hàng hóa chủ lực. Kết quả sản xuất, gieo trồng: Diện tích gieo trồng ước đạt 7.663 ha, đạt 97,02% kế hoạch năm, bằng 96,28% cùng kỳ (vụ Đông - Xuân 5.139 ha, đạt 100% KH; vụ Hè Thu - Mùa là 2.524 ha, đạt 108,56% KH); sản lượng lương thực là 25.854 tấn, tăng 7,58% so với cùng kỳ, đạt 94,97% KH năm.

Công tác phòng trừ sâu bệnh trên cây trồng, vật nuôi được tập trung chỉ đạo. Xử lý kịp thời các ổ bệnh để không ảnh hưởng đến năng suất của cây lúa. Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn xây dựng các mô hình sản xuất đạt kết quả tốt. Tiếp tục triển khai, hướng dẫn và nhân rộng mô hình nuôi tôm công nghệ cao trong nhà kín tại vùng nuôi trồng thủy sản thị trấn Lộc Hà. Xây dựng và triển khai Đề án sản xuất vụ Đông năm 2020. Xây dựng Phương án phòng chống bão mạnh và siêu bão năm 2020.

*Chăn nuôi - Thú ý:* Chăn nuôi chuyển mạnh theo hướng nuôi trang trại liên kết với doanh nghiệp; hình thành 05 vùng chăn nuôi tập trung có quy mô lớn, với số lượng 7.700 con/lứa tại các xã Hồng Lộc, Tân Lộc, Thạch Mỹ, Phù Lưu, Thịnh Lộc; duy trì tổng đàn ổn định, phục hồi sau biến động thị trường chăn nuôi và dịch tả lợn Châu Phi. Cơ cấu chăn nuôi thường xuyên được điều chỉnh phù hợp thị trường, duy trì 04 cơ sở chăn nuôi lợn thịt quy mô lớn liên kết, 01 cơ sở lợn nái ngoại trên 400 con. Tỷ lệ Zêbu hóa đàn bò đạt 58% tổng đàn, tăng 5% so với năm 2015. Phát triển chăn nuôi, gắn với thực hiện khá tốt công tác phòng chống dịch bệnh, kiểm soát vận chuyển, giết mổ gia súc, gia cầm, đảm bảo an toàn thực phẩm.

Dịch bệnh chăn nuôi, nhất là dịch tả lợn Châu Phi đã được kiểm soát tốt; tái đàn, tăng đàn chăn nuôi đạt kết quả bước đầu. Tổng đàn trâu bò 11.087 con, tăng 1,21% so với năm 2019, đạt 83,99% kế hoạch; đàn lợn: 10.640 con, bằng 98,51% so với năm 2019, đạt 92,52% kế hoạch. Đàn gia cầm: 387 nghìn con, bằng 99,56% so với năm 2019, đạt 97,8% kế hoạch. Trong năm đã kiểm soát giết mổ được 5.462 con lợn và 1.853 con trâu bò.

*Lâm nghiệp*: Duy trì và thực hiện nghiêm túc chế độ trực tuần tra bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng. Tổ chức và phát động tốt “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” nhân dịp Xuân Canh Tý 2020 tổ chức vào ngày 30/01/2020 (06/01 âm lịch) tại xã Thạch Châu theo kế hoạch; trồng được 8.570 cây, gồm xà cừ, sao đen, keo, bằng lăng, xoài, ... tại địa bàn 12 xã, thị trấn và Đồn Biên phòng Cửa Sót.

Tổng kết công tác PCCR năm 2019 và triển khai nhiệm vụ, giải pháp năm 2020; phê duyệt phương án PCCR năm 2020 cho các chủ rừng; xây dựng phương án tổ chức, chỉ huy và điều động lực lượng, phương tiện ứng cứu chữa cháy rừng khi có cháy lớn xẩy ra trên địa bàn huyện.

*Thủy sản:* Kinh tế thủy sản sớm được phục hồi, lấy lại đà tăng trưởng sau sự cố môi trường biển; khuyến khích, hỗ trợ đóng mới 41 tàu cá công suất trên 90CV, nâng tổng số tàu cá lên 474 chiếc, với tổng công suất 34.000CV; tổng diện tích nuôi trồng thủy sản 500 ha, đạt 98% so với mục tiêu nghị quyết đại hội, tăng 43 ha so với năm 2015; tổng sản lượng khai thác, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản 6.545 tấn, đạt 50,4% so với mục tiêu nghị quyết đại hội. Trong những năm qua ngành khai thác, đánh bắt thủy sản chuyển dần từ đánh bắt gần bờ sang khai thác đánh bắt xa bờ, bám biển dài ngày ngành nuôi trồng thủy sản chuyển mạnh hình thức nuôi nông hộ sang nuôi liên kết doanh nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã; nuôi quảng canh sang nuôi thâm canh, nuôi trồng trong bể xi măng có mái che; chú trọng nuôi trồng các đối tượng có giá trị kinh tế cao; ngành chế biến, thương mại thủy sản chiếm 1/3 thị phần trong toàn tỉnh, tiếp tục đầu tư phát triển, xây dựng thương hiệu sản phẩm, giải quyết được việc làm, tạo thu nhập ổn định cho hàng ngàn lao động. Tổ chức cải tạo, khai thác hiệu quả một số vùng đất hoang hóa để hình thành các vùng nuôi trồng thủy sản nước ngọt. Tuy nhiên, năm 2020 do ảnh hưởng của các đợt không khí lạnh và ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19 nên tàu thuyền chủ yếu nằm bờ; đồng thời, do ảnh hưởng của các đợt sương muối làm xẩy ra hiện tượng ngao chết, ảnh hưởng đến sản lượng thu hoạch.

2.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp;

- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (CN,TTCN):

Giá trị CN-TTCN, xây dựng năm 2020: 1.480 tỷ đồng, đạt 63,25% KH, tăng 4,97% so với cùng kỳ. Các hợp tác xã khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng, sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, cơ sở cấp đông; các làng nghề truyền thống, như chế biến thủy sản, làm nấm, đan chổi, làm hương, bánh bún..., tiếp tục được đầu tư phát triển, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thủy sản, cảng cá, âu tránh bão, hệ thống giao thông. Hoạt động của các nhà đầu tư tại Cụm công nghiệp Thạch Kim được duy trì, tỷ lệ lấp đầy tại cụm công nghiệp đạt trên 86%.

- Giao thông, xây dựng:

Trong 10 năm qua, toàn huyện Lộc Hà đã có hơn 450km đường GTNT các loại được đầu tư nâng cấp, xây mới; tổng kinh phí đầu tư cho phát triển đường GTNT giai đoạn 2010 – 2020 đạt hơn 819 tỷ đồng. Từ đó, góp phần đồng bộ hơn mạng lưới giao thông trên địa bàn, tạo động lực quan trọng để hoàn thành mục tiêu xây dựng huyện NTM trong năm 2020.

Để củng cố tiêu chí giao thông, trong năm 2020, Lộc Hà đã hoàn thành thủ tục liên quan để thi công 2 tuyến đường huyết mạch là Thạch Kim – Phù Lưu, dài 6km, với tổng mức đầu tư hơn 120 tỷ đồng; tuyến Hồng - Hậu, dài 6km, tổng mức đầu tư 49,5 tỷ đồng…

Sau nhiều năm nỗ lực thực hiện, đến nay, 12/12 xã, thị trấn của Lộc Hà đã hoàn thành tiêu chí giao thông nông thôn (GTNT); 100% đường trục xã, liên xã đạt chuẩn; gần 100km đường trục thôn, xóm đạt chuẩn (chiếm 80%); gần 175km đường ngõ xóm đạt chuẩn (chiếm 78%)… Điều này góp phần đồng bộ, tạo diện mạo mới cho mạng lưới giao thông trên địa bàn. Trong điều kiện nguồn lực hỗ trợ còn nhiều khó khăn, trên cơ sở quy hoạch về hạ tầng giao thông trong Đề án xây dựng NTM, các xã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, trọng tâm là vận động Nhân dân chung tay đóng góp ngày công, hiến đất làm đường để có những tuyến đường rộng, đẹp.

- Về chỉnh trang đô thị: Hoàn thành đầu tư dự án Nâng cấp mặt đường kè biển du lịch đoạn từ Thạch Kim đến Vinpearl; sửa chữa, nâng cấp Hội trường trung tâm huyện và Chỉnh trang cảnh quan vỉa hè khu trung tâm hành chính huyện Lộc Hà, đoạn từ Trụ sở Viện kiểm sát Nhân dân đến Đồn Biên phòng Cửa Sót để chào mừng Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV.

2.2.3. *Thương mại - dịch vụ, khoa học kỹ thuật*

Giá trị thương mại dịch vụ, du lịch đạt 1.510 tỷ đồng, tăng 7,38% so với năm 2019, đạt 83,89% kế hoạch.

Ngành thương mại du lịch, dịch vụ phục hồi nhanh sau sự cố môi trường biển; tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất toàn ngành bình quân tăng 17,12%. Giá trị sản xuất toàn ngành đạt 1.800 tỷ đồng, tăng gấp 2,2 lần so với năm 2015, chiếm 34,42% trong cơ cấu kinh tế. Hạ tầng thương mại, du lịch, dịch vụ được đầu tư phát triển theo hướng văn minh hiện đại; đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động các dự án thương mại, dịch vụ, du lịch hiện đại quy mô lớn. Tổng lượng du khách về tham quan, nghỉ dưỡng trên địa bàn huyện năm 2020 lượng khách du lịch ước đạt 220.000 lượt, giảm 110.000 lượt so với năm 2019 do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19. Hạ tầng chợ các xã được xã hội hóa đầu tư, đi vào hoạt động hiệu quả sau chuyển đổi mô hình quản lý.

Triển khai các hoạt động kỷ niệm ngày quyền người tiêu dùng Việt Nam và các hoạt động hưởng ứng chiến dịch giờ trái đất năm 2020. Triển khai Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên và nhi đồng năm 2020. Phối hợp với Sở Khoa học Công nghệ và đơn vị tư vấn triển khai dự án tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “mực Thạch Kim” cho sản phẩm chế biến từ con mực vùng Cửa Sót của huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh và dự án tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Chè Hồng Lộc” dùng cho các sản phẩm từ cây chè của xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển Thương mại, du lịch và dịch vụ giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Có thể nói sau 13 năm thành lập, từ miền quê nghèo ven biển, đến nay, bức tranh kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Lộc Hà đã có nhiều đổi thay rõ nét. Các chuỗi đô thị được hình thành và gắn với thương mại, dịch vụ, cửa hàng, cửa hiệu, doanh nghiệp kinh doanh thương mại mọc lên làm ăn có hiệu quả đã đáp ứng nhu cầu về hàng hóa, thị trường thuận lợi cho người tiêu dùng. Bên cạnh các doanh nghiệp, hợp tác xã, còn có hơn 3.353 hộ kinh doanh cá thể và 12 chợ nông thôn đã được chuyển đổi quản lý và đầu tư kết cấu hạ tầng tốt hơn. Đây là lực lượng chủ lực đóng góp phần lớn ngân sách cho huyện nhà, đồng thời tạo công ăn việc làm cho hàng nghìn lao động góp phần đắc lực vào công cuộc xây dựng NTM, đô thị văn minh, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn

2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.

2.3.1. Dân số

Năm 2020 toàn huyện có 79.855 người với 23.234 hộ (quy mô hộ gia đình 3 người), mật độ dân số trung bình toàn huyện 7 người/km2. Dân cư phân bố không đồng đều.

Trong vài năm trở lại đây tốc độ phát triển dân số có chiều hướng giảm. Năm 2020 tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,64 %. Dự báo tỷ lệ tăng dân số trong những năm tới tăng, đến năm 2030 dân số của huyện sẽ có khoảng trên 86.003 người. Tỷ lệ gia tăng dân số không đồng đều giữa khu vực thị trấn với khu vực nông thôn, giữa khu vực tập trung dân cư. Ở đô thị, các khu vực trung tâm kinh tế - xã hội lại có số dân tăng nhanh hơn do tăng cơ học.

2.3.2. Lao động, việc làm

Thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề, tỷ lệ lao động qua đào tạo 70%, đạt 100% mục tiêu nghị quyết, tăng 19,03% so với năm 2015. Công tác giải quyết việc làm được chú trọng, trong nhiệm kỳ tạo việc làm mới trên 6.200 lao động, đạt 62% so với mục tiêu nghị quyết đại hội; hỗ trợ đào tạo nghề, vay vốn sản xuất kinh doanh, xây dựng mô hình kinh tế, xuất khẩu lao động

2.3.3. Thu nhập

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, từ vùng quê nghèo khó, đến nay, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, với mức hu nhập bình quân đầu người 37 triệu đồng, tăng gần 12 triệu đồng so với năm 2015. Từ vùng quê nghèo khó, đến nay, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, lĩnh vực văn hóa - xã hội, hiện có 100% thôn đạt văn hóa, 91% gia đình đạt văn hóa, 21 cơ quan đạt chuẩn đơn vị văn hóa. Chất lượng giáo dục, chất lượng công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân tiếp tục được nâng lên. Công tác dạy nghề, việc làm, xóa đói giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội được triển khai kịp thời, đồng bộ. Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được chú trọng.

2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn.

- Đô thị: Dân số đô thị năm 2020 có 9.571 người, bằng 0,12.% dân số của huyện.

Trong nhiệm kỳ 2015-2020, Đảng bộ thị trấn Lộc Hà tập trung lãnh đạo, chỉ đạo khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thế mạnh tạo ra được những thắng lợi căn bản. Nhờ đó, diện mạo thị trấn Lộc Hà có nhiều khởi sắc, chất lượng cuộc sống của nhân dân ngày được nâng lên, kết cấu hạ tầng được đầu tư xây dựng cơ bản.

Cửa ngõ phía Bắc TP Hà Tĩnh có tuyến đường tỉnh ĐT.549 nối TP Hà Tĩnh với huyện Lộc Hà, đường ven biển và Quốc lộ 281. Đây là tuyến đường có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, du lịch biển và đảm bảo an ninh quốc phòng của địa phương.

Hạ tầng điện đã được đầu tư nâng cấp, đảm bảo phục vụ sinh hoạt cho 100% hộ dân. Khu vực thị trấn Lộc Hà hiện đang được cấp điện từ lưới điện Quốc gia. Lưới điện chiếu sáng được lắp đặt đồng bộ tại các các trục đường chính, đèn điện thắp sáng làng quê được các tổ chức chính trị xã hội triển khai thực hiện đến tận thôn xóm. Đến nay, 100% hộ dân thị trấn được hưởng lợi từ Dự án nước sạch do UBND tỉnh Hà Tĩnh đầu tư năm 2012 với quy mô công suất nhà máy nước 3.600 m3/ngày.đêm. Nhà bưu điện, viễn thông của trung tâm huyện đã có bước tiến đáng ghi nhận trong việc đảm bảo thông tin liên lạc, dịch vụ công trực tuyến cho nhân dân. Cùng với lượng sách báo đáng kể thường xuyên ở các điểm bưu điện, Thư viên Yên Bình thị trấn cũng như các điểm internet khác đã góp phần làm cho đời sống tinh thần của nhân dân thêm phong phú

- Khu dân cư nông thôn:

Là huyện thuần nông, xuất phát điểm thấp, đời sống nhân dân gặp nhiều kho khăn do điều kiện tự nhiên không mấy thuận lợi cho phát triển sản xuất Nông nghiệp – Công Nghiệp – Dịch Vụ và thương mại du lịch. Tuy nhiên bằng sự nổ lực không ngừng, hơn 10 năm qua, Đảng bộ và nhân dân huyện Lộc Hà đã không ngừng đoàn kết, vượt qua mọi khó khăn, tích cực triển khai chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới. Nhờ đó, đã góp phần làm thay đổi diện mạo bộ mặt nông thôn, thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng khá; các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục, hạ tầng nông thôn không ngừng được phát triển; hệ thống chính chị được củng cố; quy mô sản xuất và đời sống của người dân không ngừng được nâng lên

**2.5. Phân tích thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.**

***2.5.1. Giao thông***

Trong 10 năm qua, toàn huyện Lộc Hà đã có hơn 450 km đường GTNT các loại được đầu tư nâng cấp, xây mới; tổng kinh phí đầu tư cho phát triển đường GTNT giai đoạn 2010 – 2020 đạt hơn 819 tỷ đồng. Từ đó, góp phần đồng bộ hơn mạng lưới giao thông trên địa bàn, tạo động lực quan trọng để hoàn thành mục tiêu xây dựng huyện NTM trong năm 2020.

Sau nhiều năm nỗ lực thực hiện, đến nay, 12/12 xã, thị trấn của Lộc Hà đã hoàn thành tiêu chí giao thông nông thôn (GTNT); 100% đường trục xã, liên xã đạt chuẩn; gần 100km đường trục thôn, xóm đạt chuẩn (chiếm 80%); gần 175km đường ngõ xóm đạt chuẩn (chiếm 78%)… Điều này góp phần đồng bộ, tạo diện mạo mới cho mạng lưới giao thông trên địa bàn. Trong điều kiện nguồn lực hỗ trợ còn nhiều khó khăn, trên cơ sở quy hoạch về hạ tầng giao thông trong Đề án xây dựng NTM, các xã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, trọng tâm là vận động Nhân dân chung tay đóng góp ngày công, hiến đất làm đường để có những tuyến đường rộng, đẹp.

+ Tuyến tỉnh lộ 9: có điểm đầu từ Cồn Cồ TP Hà Tĩnh, điểm cuối xã Thạch Kim, chiều dài toàn tuyến là 14,2km, phần đi qua địa phận Lộc Hà từ cầu Hộ Độ về Thạch Kim dài 8km.

+ Tuyến 22/12 : có điểm đầu từ thị trấn Nghi Xuân giao với QL 8B, điểm cuối tại ngã ba Thạch Châu giao với tỉnh lộ 9 có tổng chiều dài là 33km. Phần đi qua địa bàn huyện Lộc Hà từ Thịnh Lộc giáp Cương Gián đến ngã ba Thạch Châu dài 10,4km đạt cấp 5 với rộng nền là 6,5m, rộng mặt là 3,5m.

+ Tuyến tỉnh lộ 7 từ cầu Hoà Lộc (địa phận ích Hậu giáp Tùng Lộc) về đến điểm gặp đường 22/12 tại xóm Thanh Lương - Phù Lưu dài 5,8km, đạt cấp 5.

+ Tuyến đường Vượng An: điểm đầu từ Eo truông gió Hồng Lộc, điểm cuối tại xóm 3 An Lộc giao với TL 22/12 dài 5,4 km, đạt cấp 5.

+ Tuyến Thịnh Lộc - Thạch Bằng: điểm đầu tại xóm 5 Thịnh Lộc giao với đường 22/12, điểm cuối tại Thạch Bằng giao với TL 9 dài 3 km, đường 70 m.

+ Tuyến Hồng Lộc - Phù Lưu: điểm đầu tại chợ Lù - Hồng Lộc giao với đường Vượng An, điểm cuối tại xóm 12 xã Phù Lưu. Giao với đường Phù Lưu - Thạch Bằng. Tuyến này có rộng nền là 6,5m và rộng mặt là 3,5m, đạt cấp 5.

+ Tuyến đường từ cầu Kênh Cạn đến đấu với đường Hồng Hậu và tiếp nối với đường Đồng Hố, toàn tuyến từ câu kênh cạn đến điểm cuối tại chợ Lù – xã Hồng Lộc (giao với đường Vượng An) dài 6,6km.

+ Đường Phù Lưu - Thạch Bằng: Điểm đầu tại Phù Lưu giao với TL 7, điểm cuối ngã tư Thạch Bằng – Thạch Mỹ - Thạch Châu giao với 22/12, với rộng nền là 6,5m và rộng mặt là 3,5m, đạt cấp 5.

+ Tuyến Bình Thịnh: điểm đầu tại chợ huyện - Bình Lộc giao với đường 22/12, điểm cuối tại Thịnh Lộc giao với đường Thịnh - Bằng, đây là tuyến đường cấp phối đã có dự án xây dựng lớn cần phải có quy hoạch.

- Đường bộ: Ngoài các tyến quốc lộ, tỉnh lộ chất lượng tương đối tốt, các tuyến đường huyện còn có chất lượng còn kém, cầu cống trên tuyến có quy mô nhỏ, tiêu chuẩn kỹ thuật thấp… Đường huyện, đường xã nhiều chỗ chưa thông tuyến hoặc bị ách tắc trong mùa mưa bão. Việc đầu tư nâng cấp chưa kịp thời gây khó khăn cho việc đi lại, buôn bán của nhân dân.

- Hệ thống bến đỗ xe, bãi đỗ xe còn thiếu.

- Đường sông: Do đặc điểm sông ngòi của huyện Lộc Hà vừa ngắn lại vừa cạn, về mùa mưa, nước lên nhanh và chảy xiết, về mùa khô cạn một số sông phải dựa vào nước thuỷ triều lên xuống để lợi dụng vận tải. Do đó vận tải thuỷ đối với vùng cửa biển và vùng đồng bằng là thuận lợi. Các tuyến sông đang quản lý và khai thác không được nâng cấp hiện nay mới tận dụng sông tự nhiên, phương tiện đi lại chủ yếu là thuyền nhỏ. Hiện nay vận tải hàng hoá đường sông chủ yếu là vận tải gia đình. Mạng lưới sông kênh phong phú nhưng nhu cầu vận tải chưa lớn. Hạn chế khai thác vận tải, tàu thuyền không vào sâu được trong nội địa. Các bến cảng sông còn trang bị thô sơ, chủ yếu khai thác tư nhân, năng suất lao động kém, ảnh hưởng tới sức khỏe và môi trường.

- Cảng biển: Có tiềm năng lớn, hiện tại chưa khai thác hết.

- Đường biển: Có tiềm năng nhưng chưa được khai thác.

- Lực lượng vận tải: Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh huyện Lộc Hà nắm giữ chủ yếu thị phần vận tải, Vận tải mới cơ bản đáp ứng về mặt số lượng, còn chất lượng dịch vụ vận tải khá cao, giá cả cơ bản hợp lý.

*2.5.2. Thủy lợi, cấp, thoát nước*

*a. Công trình tưới*

Huyện Lộc Hà đã xây dựng được 35 công trình tưới bao gồm các loại công trình: trạm bơm (30), hồ chứa (03) và công trình ngăn mặn tạo nguồn Đò Điểm. Hiện tại các công trình thủy lợi tưới chủ động được hơn 2.771 ha/7.407 ha diện tích canh tác; diện tích canh tác còn lại tưới nhờ nước trời tập trung chủ yếu ở 06 xã Cửa Sót (trừ một phần diện tích xã Thạch Mỹ) vì vùng này chưa có công trình thủy lợi và một số vùng cao cục bộ, cuối kênh ở những xã như Hồng Lộc, Tân Lộc, An Lộc...

- Hệ thống kênh mương

Trên địa bàn toàn huyện Lộc Hà 13,2 km kênh mương do Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Hà Tĩnh quản lý, trong đó có 3,5 km kênh hồ Đồng Hố và 9,8 km kênh hồ Khe Hao; tất cả đều đã được kiên cố hóa. Còn lại 266,932 km kênh mương do địa phương quản lý, đã kiên cố hóa được hơn 55,4 % kênh mương (tính đến 31/12/2015).

+ Hệ thống công trình trên kênh

Các thiết bị đóng mở như: Cánh cống, hệ thống đóng mở cống tưới, cống điều tiết trên kênh hầu hết không còn, chất lượng vật liệu làm kín nước kém (trừ một số cống lớn), cầu, cống bị sạt lở, hư hỏng phần gia cố bảo vệ mái thượng, hạ lưu phần tiêu năng, hạ thấp đáy cống làm phá vỡ đường quan hệ mực nước trên kênh trong quá trình điều tiết...

- Các công trình tạo nguồn, ngăn mặn giữ ngọt

Để có nguồn nước cho các trạm bơm nhỏ nội đồng hoạt động, trong vùng đã xây dựng một số công trình tạo nguồn trên các nhánh sông nhỏ và lấy nguồn nước từ sông La vào.

*b. Công trình cấp nước sinh hoạt, nước sạch*

- Nhà máy cấp nước Thạch Bằng: Lấy nguồn nước từ hồ Khe Hao, là công trình cấp nước sạch liên xã do Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý, có công suất 1.900/4.000 (m3/ngày.đêm) thiết kế, cấp nước cho 14.000 người/29.338 người theo thiết kế, cấp nước cho người dân và các cơ quan hành chính, đơn vị trên địa bàn các xã Thịnh Lộc, Thạch Bằng, Thạch Kim, Cảng cá Thạch Kim và Trung tâm hành chính huyện. (Hồ Khe Hao - Kênh dẫn - Hố thu - Trạm bơm 1 - Cụm xử lý, lắng lọc, hóa chất - Bể chứa nước sạch - Đường ống chảy tự do - Trạm bơm tăng áp - Mạng lưới đường ống - Hộ gia đình).

- Công trình cấp nước xã Hộ Độ: Lấy nguồn nước từ nhà máy nước thành phố Hà Tĩnh (nhà máy nước Bộc Nguyên). Có công suất 140/350 (m3/ngày.đêm) theo thiết kế, cấp nước cho 2.842/6.500 người theo thiết kế; được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn chương trình mục tiêu và người dân hưởng lợi. (Dây chuyền công nghệ (Sử dụng bơm động lực): Mạng lưới cấp nước Thành Phố Hà Tĩnh - Bể chứa nước tập trung; Năm 2008 bổ sung mạng lưới đường ống đến các hộ gia đình do dân tự đóng góp).

- Công trình cấp nước xã Tân Lộc: Có công suất thiết kế 643 (m3/ngày đêm); được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn chương trình mục tiêu và người dân hưởng lợi. (Dây chuyền công nghệ (Sử dụng bơm động lực): Hồ Khe Hao - Trạm bơm 1 - Bể lọc chậm - Bể chứa nước sạch - Mạng lưới đường ống - Hộ gia đình). Từ năm 2004, khi công trình thi công xong phần công trình thu, cụm xử lý và mạng lưới đường ống cấp 1; công tác thi công tạm phải dừng lại do thiếu vốn (hiện tại công trình chưa hoạt động chính thức, nhưng UBND xã đã thuê một người để trông coi bảo vệ công trình).

Với 03 công trình cấp nước tập trung có tổng công suất cấp nước thực tế là 2.040 m3/ngày đêm; cấp nước cho 16.842 người cho các xã Hộ Độ, Thịnh Lộc, Thạch Bằng, Thạch Kim, Khu hành chính, cảng cá Thạch Kim và các cơ quan huyện Lộc Hà.

*c. Phòng chống lũ*

- Trên địa bàn huyện Lộc Hà có tuyến đê sông Tả Nghèn bao bọc từ xã Ích Hậu đến xã Thạch Kim với tổng chiều dài 33,7 km (K0+00 tại xã Ích Hậu và K33+700 tại cảng cá Thạch Kim). Tuyến đê được nâng cấp từ những năm 1960 và tiếp tục được nâng cấp, kiên cố hàng năm qua các dự án 4617 và ADB, Chương trình nâng cấp đê sông, đê biển của Chính phủ… Từ năm 2008 đến nay được sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương, UBND tỉnh và các ngành cấp tỉnh cho nên hệ thống đê sông Lộc Hà đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT thỏa thuận về kỹ thuật và UBND tỉnh phê duyệt 3 dự án từ xã Phù Lưu đến xã Thịnh Lộc. Đến nay đã kiên cố được 24,2 km (trong đó 14,5 km chưa kiên cố mặt đê).

- Tuyến đê biển của Lộc Hà bắt đầu từ cảng cá Thạch Kim nối dài đến hết xã Thịnh Lộc với tổng chiều dài 11,2 km. Năm 1990 đã đầu tư xây dựng được 1,7 km đê biển tại xã Thạch Kim nhưng đến nay đã xuống cấp nghiêm trọng không đảm bảo nhiệm vụ chống sạt lỡ bờ biển khi có bão. Dự án đã được phê duyệt, dự kiến trước mùa mưa bão sẽ thi công hoàn thành 9 km.

- Công trình dưới đê: Toàn huyện có 24 cống, tràn dưới đê, trong đó 16 công trình được nâng cấp, làm mới; còn lại 8 công trình đang bị xuống cấp cần sữa chữa.

- Điểm trọng yếu: Trên cơ sở rà soát, trên địa bàn huyện còn một số điểm trọng yếu như sau: Đê biển Thạch Kim - Thạch Bằng - Thịnh Lộc (mới thi công được 6/10,5 km); đặc biệt đoạn tiếp giáp giữa xã Thạch Kim và xã Thạch Bằng chưa có kế hoạch vốn triển khai thi công. Đoạn đê sông chưa được nâng cấp kiên cố tại địa bàn các xã: Mai Phụ, Thạch Châu, Thạch Bằng. Đê biển Thạch Kim đến Thạch Bằng dài 1,7 km. Các cống: Bình Định, Kho Muối - Thạch Châu, Hữu Ninh - Thạch Mỹ, Nhà Chung - Thạch Bằng.

*d. Về tiêu*

- Các trục tiêu trong huyện

Hệ thống kênh tiêu trên địa bàn huyện Lộc Hà hiện có chủ yếu lợi dụng các sông, suối, các trục tiêu tự nhiên để tiêu úng là chính. Trên địa bàn có 10 trục tiêu chính. Tuy nhiên, mấy năm gần đây tốc độ xây dựng các cơ sở hạ tầng tăng nhanh, nhất là các khu đô thị ven trục đường quốc lộ, tỉnh lộ, liên huyện, liên xã, liên thôn, ven sông, ven biển, xây dựng hệ thống giao thông từ đường tỉnh lộ, các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, trụ sở làm việc cho đến các trường học, các khu nuôi trồng thuỷ sản... Trong quá trình xây dựng đã lấn chiếm các trục tiêu, lòng dẫn, hành lang tiêu thoát lũ trên các dòng sông làm tắc nghẽn các hệ thống trục tiêu chính gây cản trở dòng chảy thoát lũ khi gặp mưa lớn. Mặt khác từ trước lại nay công tác quy hoạch tiêu, quản lý quy hoạch tiêu và đầu tư xây dựng các hệ thống tiêu úng nội đồng chưa thực sự quan tâm đúng mức nên có một số vùng thường bị ngập úng cục bộ nhiều ngày, làm ảnh hưởng đến sản xuất, sinh hoạt và sức khoẻ của nhân dân.

2.5.3. Năng lượng

Trong những năm gần đây, ngành Điện lực đã đầu tư xây dựng mạng lưới điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân. Hoàn thành bàn giao các trạm biến áp, lưới điện trung, hạ thế cho ngành điện quản lý, thực hiện quản lý điện theo cơ chế mới. Đến nay 12/12 xã, thị trấn (đạt 100%) có điện lưới quốc gia với khoảng 100% số hộ sử dụng điện.

2.5.4. Bưu chính viễn thông

Mạng lưới bưu chính, viễn thông những năm qua đã từng bước được hiện đại hoá, chất lượng dịch vụ được nâng cao. 100% số xã có máy điện thoại cố định. Mạng điện thoại di động và điện thoại cố định phủ kín trên địa bàn;

2.5.5. Cơ sở văn hóa

Trọng tâm tổ chức tốt công tác thông tin tuyên truyền các sự kiện kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị diễn ra trên địa bàn; xây dựng thiết chế văn hóa cơ sở; bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa... Chất lượng phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hóa, gắn xây dựng nông thôn mới từng bước được nâng cao. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội được thực hiện khá tốt. Tổ chức khởi công trùng tu, tôn tạo các di tích cấp quốc gia, di tích cấp tỉnh; xếp hạng các di tích lịch sử văn hóa, di sản phi vật thể trên địa bàn.

Tổng số thôn văn hóa đạt 91/91 thôn, đạt 98%, tăng 60.09 % so với năm 2015; gia đình văn hóa đạt 91,1%, tăng 8,6% so với năm 2015; gia đình thể thao đạt 47,2%, tăng 14,7% so với năm 2015; có 03 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, 9 cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa.

Thời gian qua với nhiều phong trào thi đua, các cuộc vận động được nhân dân tích cực tham gia. Một số mô hình tiêu biểu như: Mô hình làm nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện: Với phương châm "không ai được bỏ lại phía sau", các hoạt động "Vì người nghèo" và các chương trình an sinh xã hội tiếp tục được phối hợp thực hiện có hiệu quả, hàng năm Ban vận động xây dựng kế hoạch và phối hợp tổ chức tốt Tháng cao điểm vì người nghèo và ủng hộ các chương trình an sinh xã hội, được các tầng lớp nhân dân, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm tích cực hưởng ứng ủng hộ. Trong 5 năm qua, Quỹ "Vì người nghèo" các cấp đã vận động được trên 31,546 tỷ đồng; đã kịp thời hỗ trợ hộ nghèo xây dựng, sửa chữa 948 căn nhà, trong đó nguồn của các tập thể, các nhân và huyện hỗ trợ 276 nhà  trị giá trên 12,690 tỷ đồng góp phần giúp người nghèo ổn định cuộc sống. Mô hình chung tay phòng, chống dịch Covid-19 Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên vận động ủng hộ trên 3 tỷ đồng góp phần phòng, chống dịch

2.5.6. Cơ sở y tế

Thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy ngành y tế huyện theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; hệ thống y tế từng bước được củng cố phù hợp yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Công tác phòng, chống dịch bệnh, công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được nâng lên ở tất cả các tuyến; trong nhiệm kỳ tổ chức khám chữa bệnh cho 409.602 lượt người; triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng bệnh viện và đánh giá theo bộ tiêu chí chất lượng quốc gia; từng bước mở rộng, triển khai các dịch vụ kỹ thuật mới, công nghệ cao, đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh; thực hiện đúng lộ trình kế hoạch lập hồ sơ quản lý sức khỏe cho người dân. Tỷ lệ xã, thị trấn có bác sỹ đạt 62% so với mục tiêu nghị quyết đại hội; 100% trạm y tế xã đạt chuẩn; tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 10,9%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn huyện đạt 91%. Bệnh viện huyện thu hút 15 bác sỹ; trở thành bệnh viện vệ tinh của Bệnh viện Đại học Y Hà Nội.

2.5.7. Cơ sở giáo dục - đào tạo

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục theo tinh thần nghị quyết của Trung ương, của tỉnh. Hệ thống trường lớp được quy hoạch hợp lý, vừa đáp ứng nhu cầu học tập, vừa phù hợp với quy mô; chất lượng phổ cập giáo dục của các cấp học ngày càng nâng lên, 12/12 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được chú trọng; chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn được nâng lên. Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục hằng năm. Trên địa bàn có 29 trường đạt chuẩn quốc gia đạt 83,3%, tăng 8 trường so với đầu nhiệm kỳ.

2.5.8. Cơ sở thể dục - thể thao

Để đáp ứng nhu cầu tập luyện TDTT, nâng cao đời sống tinh thần cho người dân, từ năm 2017 đến nay, huyện Lộc Hà đã huy động được hơn 36 tỷ đồng để đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Nhờ vậy, trên địa bàn đã có 6 sân bóng đá cỏ nhân tạo, 165 sân bóng chuyền, 4 sân tennis, 12/12 xã trong huyện đều đã có sân vận động, 93/93 thôn được quy hoạch sân bóng đá, tất cả các khu dân cư đều có sân cầu lông, khu tập thể dục gắn với khuôn viên nhà văn hóa…

2.5.9. Hệ thống chợ

Mạng lưới chợ huyện Lộc Hà có 12 chợ lớn nhỏ. Về tổ chức quản lí được thực hiện khá bài bản, nghiêm túc, hiệu quả, đảm bảo an ninh trật tự, môi trường cạnh tranh và xây dựng uy tín của các hộ.Văn hóa kinh doanh của các hộ được tăng cường.

Công tác nâng cấp, cải tạo chợ được đầu tư khang trang, hiện đại về cơ sở vật chất, số lượng ki ốt tăng, các điểm tập kết xử lí nước thải, rác thải được xây dựng đảm bảo về số lượng.

2.6. Đánh giá chung.

2.6.1. Những lợi thế chủ yếu

Từ những phân tích nêu trên có thể rút ra một số thuận lợi và cơ hội phát triển sau đây:

- Lộc Hà là huyện ven biển nhưng có điều kiện tự nhiên mang đầy đủ những nét đặc trưng của địa hình đất nước bao gồm đồi núi, đồng bằng và biển cả. Với núi Bằng Sơn chạy dọc theo 12km bờ biển phía sau là đồng bằng, phía tây Bắc tiếp nối với dãy núi Lộc Hà tạo nên một bức tranh thiên nhiên thơ mộng và hữu tình

- Mặt khác, Lộc Hà là vùng phụ cận với thành phố Hà Tĩnh, cách Quốc lộ 1A khoảng 10km, cách trung tâm thành phố Hà Tĩnh khoảng 18 km, có các tuyến đường huyết mạch kết nối với Khu du lịch Xuân Thành (Nghi Xuân), Thiên Cầm (Cẩm Xuyên), Khu công nghiệp Fomosa (TX Kỳ Anh),…

Với những thuận lợi nói trên tong tương lại gần đây Lộc Hà có khả năng sẽ trở thành trung tâm kết nối các trung tâm kinh tế của tỉnh.

- Có nhiều yếu tố, điều kiện thuận lợi cho ngành du lịch biển thu hút du khách từ các trung tâm kinh tế về với Lộc Hà, đồng thời là cơ hội để các sản phẩm từ nông nghiệp, từ nguồn đánh bắt, nuôi trồng thuỷ hải sản của Lộc Hà lưu thông với các trung tâm kinh tế nói trên. Nhiều nguồn thuỷ hải sản phong phú như tôm, cua, nghẹ, mực, ngao, vẹm xanh, sò, các loại cá…là nguồn thực phẩm biển tươi sống để cung cấp cho các nhà hàng, khách sạn phục vụ du khách. Các sản phẩm như: cá, nước mắm, mực Thạch Kim, cua, hến, ngao của Thạch Bằng, Hộ Độ, Mai Phụ,… từ lâu đã được thông thương rộng rãi trong và ngoài tỉnh.

- Lộc Hà cũng là mảnh đất địa linh nhân kiệt, đây là quê hương vị anh hùng dân tộc Mai Hắc Đế; Các dòng họ nổi tiếng như họ: Họ Phan Huy ở Thạch Châu, Họ Nguyễn Đức Lục Chi ở Ích Hậu,… đã làm rạng danh quê hương về nền giáo dục khoa bảng.

- Là vùng quê còn lưu giữ được nhiều bản sắc văn hoá vật thể và phi vật thể: Chùa Thanh Quang ở xã Phù Lưu, Chùa Hổ Độ - Trung tâm Phật giáo của tỉnh, chùa Chân Tiên, Kim Dung, Kim Quang,… sẻ trở thành điểm đến của du khách đạo hữu phật tử trong và ngoài tỉnh.

- Lộc Hà còn có các làng nghề như: nghề muối Hộ Độ, nghề chài Thạch Kim và một số nghề thủ công cổ truyền khác

2.6.2. Những tồn tại, hạn chế

- Là một huyện mới được thành lập, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất cần phải đầu tư xây dựng nhiều; chưa có các cụm, vùng, khu công công nghiệp và thương mại - dịch vụ có quy mô lớn.

- Hoạt động du lịch còn manh mún, công tác quảng bá du lịch còn nhiều hạn chế, chưa khai thác hết tiềm năng du lịch biển hiện có. Nguồn lao động dồi dào nhưng lại chưa được đào tạo bài bản, chuyên môn chưa sâu. Mặt khác, môi trường làm việc tại huyện chưa thu hút được nhiều nhân tài.

- Công trình hạ tầng như giao thông, thủy lợi,… có mức đầu tư chưa nhưng chưa được nhiều. Chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư còn chưa nhiều ưu đãi.

- Chưa ứng dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp. Các sản phẩm sản xuất ra chưa có tính cạnh tranh cao, chưa tạo được sự khác biệt trên thị trường tiêu thụ, dẫn đến khó thu hút khách hàng.

- Tài nguyên khoáng sản ít, manh mún, nhỏ lẻ, khó khai thác.

- Công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên môi trường, tài chính... ở một số đơn vị, địa phương còn thiếu sâu sát, quyết liệt, chưa bám sát cơ sở.

- Chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân ở một số trạm y tế xã chưa đáp ứng yêu cầu; một số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thiếu ý thức, trách nhiệm, sử dụng chất cấm trong sản xuất thực phẩm, chưa được kịp thời phát hiện xử lý, chấn chỉnh. Tỷ lệ sinh trên 2 con còn ở mức cao.

- Thu nhập bình quân đầu người còn thấp, đời sống một bộ phận nhân dân còn khó khăn. Công tác đạo tạo nghề, giải quyết việc làm còn gặp nhiều khó khăn. Việc giải quyết những tồn đọng, khó khăn, vướng mắc ở các địa phương, cơ sở còn chậm và chưa dứt điểm.

- An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội diễn biến phức tạp, nổi lên là các vấn đề về an ninh tôn giáo...; việc nắm và dự báo tình hình địa bàn có lúc còn chưa kịp thời; kinh nghiệm xử lý điểm nóng, phức tạp còn hạn chế; tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông tuy được kiềm chế nhưng vẫn còn phức tạp. Công tác phối hợp của một số cơ quan, ban, ngành địa phương trong công tác phòng, ngừa, đấu tranh tội phạm chưa đồng bộ; một số mô hình trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc đang còn mang tính hình thức.

- Tiến độ và khối lượng thực hiện các chỉ tiêu huyện đạt chuẩn nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao còn chậm và không đạt chỉ tiêu đề ra. Kết quả xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu ở một số địa phương hạn chế. Tiến độ làm rãnh thoát nước, kênh mương nội đồng theo cơ chế hỗ trợ xi măng, việc lập; việc chấp thuận phương án sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP tại các địa phương còn chậm.; Nhận thức của cán bộ các cấp về Chương trình OCOP chưa cao, một số địa phương chưa thật sự quyết liệt trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn tham gia OCOP 2020.

- Việc xử lý, giải quyết tồn đọng đất đai, công nhận lại diện tích đất ở trước ngày 18/12/1980 chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là cấp đổi, cấp giấy CNQSD đất lần đầu, đất trái thẩm quyền; công tác GPMB và bàn giao mặt bằng dự án còn chậm, ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư và tiến độ xây dựng các công trình trọng điểm của huyện.

III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

Ngoài những đợt thiên tai như bão, lũ có tính thường niên, thời gian qua huyện Lộc Hà còn phải đối mặt với những biến đổi bất thường như nắng nóng gay gắt, rét đậm, rét hại kéo dài như đợt rét hại kéo dài mùa đông xuân 2008 – 2009 với nhiệt độ xuống thấp nhất trong vòng 40 năm qua hay là đợt nắng nóng trên dưới 40oC trong suốt 10 ngày liền hồi tháng 7 vừa qua gây nên sự cạn kiệt ở các con sông.

Bên cạnh đó, tần suất và quy luật lũ lụt cũng thay đổi. Nếu như trước đây, lũ chỉ xuất hiện từ tháng 8 - tháng 10 thì nay lũ có thể xuất hiện từ tháng 4 đến tháng 12, ví như cơn lũ tháng 4/2003 gây thiệt hại nặng nề. Không chỉ có thế, các cơn lũ còn xẩy ra với dòng chảy mạnh hơn, tốc độ nhanh hơn, đỉnh lũ cao hơn khiến người dân không kịp ứng phó, gây thiệt hại nặng nề về người và của. Đặc biệt, nguy hại hơn là sự gia tăng của hiện tượng xâm thực bờ biển và nước biển lấn sâu vào các sông. Đến nay, nước biển đã lấn sâu vào các con sông hơn 10 km nữa và hiện tượng nước biển dâng cũng cao hơn 10 năm trước từ 10 – 20cm. Tình trạng đó dẫn đến hậu quả nghiêm trọng là sự xâm mặn ngày càng mở rộng. 100% giếng khơi mới đào 2 năm trở lại nay ở Hộ Độ (Lộc Hà) đã bị nhiễm mặn không sử dụng được. Gần đây nhất là trận lũ lịch sử năm 2020 gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản; đỉnh lũ này cao hơn đỉnh lũ lịch sử năm 2010 là 0,7 m, ngoài lượng mưa dồn dập thì lượng nước lớn từ Hồ Kẻ Gỗ xả tràn đã gây ngập lụt khiến nước lũ lên quá nhanh, gây ngập lụt nghiêm trọng, nhấn chìm các vùng nuôi trồng thủy sản ở huyện Lộc Hà.

Trước tình hình phức tạp đó, UBND huyện Lộc Hà đã tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ và người dân về các phương án và cách thức giảm nhẹ thiệt hại thiên tai, tăng cường năng lực quản lý tổng hợp vùng bờ một cách có hiệu quả để toàn xã hội nhận thức đầy đủ về tính tất yếu phải ứng phó với biến đổi khí hậu và những tác động nguy hại của nó đến tự nhiên, KT – XH, QPAN,… Thực tế tại nhiều xã, người dân đã nhận thức được tầm quan trọng về biến đổi khí hậu và đã có nhiều biện pháp chủ động ứng phó với tình hình. Nhờ vậy, những năm gần đây đã hạn chế rất nhiều thiệt hại về người và của trong thiên tai. Đồng thời, UBND huyện Lộc Hà cũng đã đẩy mạnh chương trình bảo vệ và trồng rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển; cải tạo vùng cát ven biển, chống hoang mạc hóa; đầu tư củng cố, bảo vệ và nâng cấp một số tuyến đê biển, đê sông, xây dựng một số công trình nhà trú ẩn đa năng kiên cố phục vụ nhân dân trong mùa bão, lũ, xây dựng các khu vực trú ẩn cho tàu thuyền trong mùa mưa bão từ đó hạn chế tối đa thiệt hệ về người và tài sản trong mưa lũ.

PHẦN II: TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

1.1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

1.1.1. Tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai

Thực hiện Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thi hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường. UBND tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành các văn bản quy định, cụ thể hóa các văn bản của Nhà nước và của Bộ Tài nguyên Môi trường về công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh, nhằm hướng dẫn và chỉ đạo chặt chẽ các địa phương trong tỉnh thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng đất đai, quản lý tài nguyên và môi trường trên địa bàn. Trên các cơ sở đó UBND huyện đã triển khai thực hiện các văn bản của Nhà nước và của Bộ Tài nguyên Môi trường và của UBND tỉnh Hà Tĩnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đến các xã và các đơn vị quản lý sử dụng đất trên địa bàn một số văn bản sau:

- Quyết định số 3174/2014/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở tài nguyên và Môi trường (Lĩnh vực quản lý đất đai).

- Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

- Quyết định số 94/2014/QĐ-UBND ngày ngày 27 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Bảng giá đất năm 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

- Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Ban hành Quy định về hạn mức diện tích giao đất ở; hạn mức diện tích giao đất chưa sử dụng để sử dụng vào mục đích nông nghiệp; hạn mức công nhận diện tích đất ở đối với thửa đất có vườn ao; hạn mức công nhận diện tích đất nông nghiệp do tự khai hoang và diện tích tối thiểu của thửa đất ở sau khi tách thửa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

- Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày ngày 26 tháng 02 năm 2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc quy định Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

- Quyết định 53/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Quy định chế độ miễn tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa tại khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

- Quyết định 04/2016/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

- Quyết định 08/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 03 năm 2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

- Quyết định 22/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 06 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2018 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

- Quyết định 11/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

- Quyết định 08/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 03 năm 2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

- Quyết định 24/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 09 năm 2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc sửa đổi Quy định về chế độ miễn tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa tại khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh kèm theo Quyết định 53/2015/QĐ-UBND.

- Quyết định 2735/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt kết quả điều chỉnh một số diện tích quy hoạch 3 loại rừng, quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng Hà Tĩnh đến năm 2020.

UBND huyện Lộc Hà đã tổ chức thực hiện các quyết định, hướng dẫn của UBND tỉnh kịp thời; đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức nhiều buổi tập huấn phổ biến, hướng dẫn Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai cho cán bộ cấp xã, thị trấn để việc quản lý, sử dụng đất trên địa bàn huyện nói riêng đúng theo quy định của pháp luật.

1.1.2. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính

Thực hiện Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính; Quyết định số 785/QĐ-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Dự án Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

UBND huyện Lộc Hà đã thành lập Ban Chỉ đạo, ban hành Kế hoạch thực hiện Dự án Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính cho các xã, thị trấn. Tổ chức rà soát các nội dung liên quan đến địa giới hành chính để tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo, UBND tỉnh; tập huấn thực hiện Dự án cho các xã, thị trấn để thực hiện các nội dung của Dự án thuộc thẩm quyền của cấp xã, thị trấn.

Hệ thống bản đồ, hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai từng bước được cập nhật, hoàn thiện. Các tuyến ranh giới của thành phố với các huyện liền kề đều được xác định, thống nhất rõ ràng bằng các yếu tố địa vật cố định hoặc các điểm mốc giới và được chuyển vẽ lên bản đồ địa hình, hồ sơ địa giới.

Công tác lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính: Đã hoàn thành việc chôn mốc địa giới hành chính, lập bộ hồ sơ, bản đồ.

1.1.3. Khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất; điều tra, đánh giá tài nguyên đất; điều tra xây dựng giá đất

- Khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh đã đã tiến hành đo đạc, thành lập bản đồ địa chính cho 12/12 xã, thị trấn thuộc UBND huyện Lộc Hà làm cơ sở cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bản đồ địa chính số được đo vẽ phù hợp hiện trạng sử dụng đất, có độ chính xác cao, mức độ chi tiết và đạt tiêu chuẩn kỹ thuật theo qui định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Sản phẩm bản đồ địa chính đã được giao nộp đầy đủ vào kho lưu trữ và cung cấp cho huyện phục vụ cấp giấy CNQSD đất.

- Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất: UBND huyện Lộc Hà đã hoàn thành công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 cho huyện và các xã theo Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất: Công tác lập bản đồ QHSD đất đến năm 2020 và KHSD đất kỳ đầu (2013-2015); Điều chỉnh QHSD đất đến năm 2020 huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt;

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm (từ 2015-2020) đã được lập và trình phê duyệt đưa vào thực hiện đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013.

- Điều tra, đánh giá tài nguyên đất: tỉnh Hà Tĩnh chưa được triển khai thực hiện công tác điều tra đánh gía thoái hóa đất kỳ đầu; điều tra đánh giá chất lượng đất; điều tra, đánh giá ô nhiễm đất; điều tra, phân hạng đất nông nghiệp theo Thông tư số 35/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.1.4. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện đúng quy định pháp luật. Tất cả công trình dự án khi giao cấp đất, thu hồi đất đều thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; phù hợp với quy hoạch chung xây dựng huyện Lộc Hà và quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 thị trấn Thạch Bằng, thực hiện theo quy hoạch sử dụng đất gắn với quy hoạch nông thôn mới theo Thông tư số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28/10/2011 của Liên Bộ Xây dựng - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Tài nguyên và Môi trường.

Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện thực hiện theo đúng quy định: Công bố công khai toàn bộ hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, Uỷ ban nhân dân huyện tổ chức, chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và tổ chức, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được các cấp các ngành nhận thức rõ tầm quan trọng trong công tác quản lý và sử dụng đất đai và dần đi vào kế hoạch hàng năm để UBND huyện lập kế hoạch sử dụng đất và trình UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt. Đồng thời thực hiện báo cáo kết quả sử dụng đất hàng năm theo quy hoạch, kế hoạch và đánh giá tình hình quản lý quy hoạch, kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

1.1.5. Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất chuyển mục đích sử dụng đất

Công tác quản lý tài chính về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án đầu tư cơ bản đảm bảo theo quy định. Việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất, xác định giá đất cụ thể, mức đơn giá thuê đất làm căn cứ cho việc giao đất, thu tiền thuê đất của các tổ chức được thực hiện tốt. Công tác thu tiền thuê đất được theo dõi, quản lý đầy   
đủ; cơ bản các tổ chức, cá nhân thuê đất quản lý tốt đất được thuê, không để lấn chiếm, thực hiện nộp tiền thuê đất đầy đủ. UBND huyện đã giao các phòng, ngành chức năng liên quan và các địa phương thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư theo cam kết của nhà đầu tư, quy hoạch tổng thể mặt bằng được phê duyệt và mục đích sử dụng đất được thuê, công tác thực hiện nghĩa vụ tài chính và xử lý các trường hợp vi phạm. Trong năm 2020 đã có 2.913 hộ gia đình, cá nhân kê khai, đăng ký nhu cầu công nhận lại diện tích đất ở trước ngày 18/12/1980, cấp xã đã xét duyệt 1.667 hồ sơ. Tổ chức đấu giá thành công 278 lô đất, giao đất không qua đấu giá 128 lô.

Để tiếp tục tăng cường công tác quản lý về đầu tư, thuê đất và phát huy hiệu quả sử dụng đất trong thời gian tới, UBND huyện và các phòng, ngành chức năng đã, đang và tiếp tục rà soát lại các dự án thuê đất, thường xuyên kiểm tra, thanh tra và giám sát việc quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, sử dụng đất, bảo vệ môi trường, hoạt động kinh doanh, thu đóng nộp ngân sách và thu hút lao động, giải quyết việc làm cho người dân. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về đầu tư, xây dựng, sử dụng đất sai mục đích, chậm tiến độ thực hiện dự án làm lãng phí đất đai, ảnh hưởng đến lợi ích cộng đồng và sự phát triển chung của huyện. Rà soát các dự án đã có chủ trương đầu tư nhưng chưa hoàn thành thủ tục hồ sơ, đôn đốc hoàn thiện hồ sơ theo quy định để triển khai thực hiện. Xem xét, quyết định không gia hạn thời gian chủ trương đầu tư đối với các dự án của nhà đầu tư kém năng lực, đầu cơ đất, chậm triển khai, không thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai. Bên cạnh đó, huyện cũng sẽ rà soát lại quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện để chủ động mời gọi, thu hút các nhà đầu tư chiến lược làm đầu kéo cho các lĩnh vực kinh tế - xã hội phát triển. Quan tâm cao thu hút đầu tư các lĩnh vực khó khăn, các dự án đảm bảo phát triển kinh tế, giải quyết việc làm và gắn với môi trường bền vững. Kiên quyết không bằng mọi giá để thu hút các dự án có nguy cơ về môi trường, ảnh hưởng đến lợi ích cộng động dân cư. UBND huyện cũng sẽ tăng cường chỉ đạo các ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ trong công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có tính chiến lược, bám sát định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, gắn với quy hoạch ngành, vùng và quy hoạch nông thôn mới huyện, xã đảm bảo sự đồng bộ, khắc phục tình trạng điều chỉnh quy hoạch chạy theo nhà đầu tư.

1.1.6. Quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất

Để sớm bàn giao mặt bằng sạch cho các đơn vị thi công, UBND huyện đã trực tiếp chỉ đạo Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện, chính quyền các xã và các ngành liên quan tập trung cao cho công tác giải phóng mặt bằng; Bằng mọi giải pháp tháo gỡ tại những điểm còn vướng mắc, có phương án bảo vệ thi công, cưỡng chế nếu cần thiết; Huy động lực lượng Mặt trận, các tổ chức đoàn thể, đoàn công tác của ban thường vụ huyện ủy phụ trách chỉ đạo xã vào cuộc vận động nhân dân di dời tái định cư. Cùng với đó, phối hợp với Ban quản lý dự án tỉnh, tiến hành xử lý các công trình trên tuyến bị ảnh hưởng để bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công, đảm bảo đúng tiến độ

1.1.7. Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công tác Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được thực hiện theo quy định của Pháp luật. Trong những năm qua, huyên Lộc Hà đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều giải pháp nhằm hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Nghị quyết số 30/2012/QH13 ngày 21/6/2012 của Quốc hội; chỉ đạo các xã, thị trấn tập trung rà soát tồn đọng về cấp đổi giấy CNQSD đất, cấp giấy lần đầu...đến nay có 4.125 thửa còn tồn đọng; phối hợp Sở TN&MT tổ chức làm việc với các xã, thị trấn để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, xây dựng được giải pháp và phương hướng xử lý trong thời gian tới. Trong năm đã có 2.913 hộ gia đình, cá nhân kê khai, đăng ký nhu cầu công nhận lại diện tích đất ở trước ngày 18/12/1980, cấp xã đã xét duyệt 1.667 hồ sơ. Tổ chức đấu giá thành công 278 lô đất, giao đất không qua đấu giá 128 lô. Thực hiện thủ tục hành chính đăng ký đất đai qua trung tâm hành chính công 5.759 hồ sơ

1.1.8. Thống kê, kiểm kê đất đai

Được sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh công tác thống kê, kiểm kê đất đai trên địa bàn huyện được triển khai đồng bộ, chất lượng của công tác thống kê, kiểm kê đất đai đã được nâng cao theo quy định của ngành Tài nguyên và Môi trường. Huyện đã thực hiện tốt công tác kiểm kê đất đai , lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019. UBND huyện Lộc Hà đã thành lập Ban chỉ đạo và xây dựng kế hoạch thực hiện, phân công cán bộ phụ trách địa bàn để chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn cấp xã thực hiện công tác kiểm kê đất đai năm 2019; các xã, thị trấn thành lập tổ kiểm kê đất đai. Công tác kiểm kế đất đai năm 2019 đã đảm bảo đúng yêu cầu chất lượng, tiến độ thời gian và giao nộp đầy đủ theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

1.1.9. Xây dựng hệ thống thông tin đất đai

Do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan hệ thống thông tin đất đai chưa xây dựng hoàn chỉnh, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai một cách hiệu quả. Trong thời gian tới nhờ sự chỉ đạo chuyên môn, cân đối Ngân sách của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh để giúp huyện xây dựng hệ thống thông tin quản lý đất đai trên địa bàn được thống nhất, hiện đại đáp ứng kịp thời yêu cầu của tác quản lý Nhà nước về đất đai từ cấp tỉnh, huyện và các xã.

1.1.10. Quản lý tài chính về đất đai và giá đất

Bảng giá đất UBND cấp tỉnh quy định đã phù hợp hơn với giá đất phổ biến trên thị trường so với trước đây, tạo ra nguồn thu lớn cho NSNN; đồng thời bảo đảm tốt hơn quyền lợi của người sử dụng đất, lợi ích của Nhà nước, chủ đầu tư. Công tác quản lý tài chính về đất đai đảm bảo đúng quy định pháp luật.

1.1.11. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất

Trước đây, công tác quản lý đất đai của huyện và các xã chưa được chặt chẽ, giám sát thường xuyên việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình cá nhân trong việc sử dụng đất. Đây là nguyên nhân sâu xa dẫn đến kết quả thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước về đất đai chưa cao, trong đó có công tác lập quy hoạch sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong những năm gần đây công tác thi hành các quy định pháp Luật Đất đai đã được quan tâm, chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND và UBND một cách thường xuyên trên địa bàn, bảo đảm việc quản lý, thực hiện sử dụng đất đai theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 quy định và giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

1.1.12. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật đất đai và xử lý các vi phạm pháp Luật về đất đai không chỉ giúp phát hiện và giải quyết các vi phạm pháp luật về đất đai mà qua đó còn là dịp để tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về luật đất đai, giúp các nhà xây dựng Luật hiểu sâu sắc hơn, sự phức tạp của mối quan hệ đất đai, từ đó có các Chính sách điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn quản lý.

1.1.13. Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai

Từ khi Luật Đất đai năm 2013 được ban hành Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức nhiều cuộc họp, hội thảo triển khai thi hành Luật Đất đai và các Nghị định, Thông tư có liên quan cho các ngành, cấp huyện, cấp xã trong tỉnh. UBND huyện Lộc Hà phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai thông qua các phương thức sau:

- Tuyên truyền bằng xe lưu động, gắn băng rôn, khẩu hiệu.

- Tổ chức hội nghị, mở lớp tập huấn kiến thức pháp luật theo từng chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý Nhà nước cho cán bộ thuộc UBND huyện và xuống từng xã.

- Tổ chức thường xuyên việc sinh hoạt mô hình “Ngày pháp luật”.

- Cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật về đất đai; khai thác và thực hiện hệ thống văn bản Pháp luật được cập nhật, lưu trữ trên mạng internet, Cổng thông tin điện tử và Công báo của Chính phủ, Công báo của Ủy ban nhân dân tỉnh...; xây dựng và khai thác tủ sách pháp luật ở các cơ quan, đơn vị.

1.1.14. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai

Trong những năm qua, trên địa bàn huyện chủ yếu xảy ra tranh chấp về đất đai giữa hộ gia đình với hộ gia đình và thường được tổ chức hoà giải ở cơ sở là chủ yếu, thời gian hoà giải kịp thời, đúng pháp luật, số đơn khiếu nại, tố cáo năm đã được thực hiện giải quyết theo Luật định, song một số vụ còn chưa được giải quyết dứt điểm.

Những khiếu nại về đất của người dân chủ yếu liên quan đến giá đền bù thiệt hại về đất đai khi nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện quy hoạch chung xây dựng của huyện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mọi khiếu nại của người dân đã được quan tâm giải quyết đúng Pháp luật, đa số nhận được sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân.

- Uỷ ban nhân dân huyện chỉ đạo các Phòng ban chuyên môn phối hợp cùng Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết dứt điểm đơn thư của công dân trên địa bàn ...

1.1.15. Quản lý hoạt động dịch vụ về đất đai

- Được sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh phối hợp với UBND huyện Lộc Hà đã đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, công khai các thủ tục hành chính về nhà đất, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, đăng ký thế chấp, bảo lãnh quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

- Thực hiện tốt công tác cung cấp thông tin trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, hiện trạng, quy hoạch và đối tượng sử dụng đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu về thông tin đất đai trên địa bàn. Tạo tiền đề cho việc hình thành thị trường bất động sản và lành mạnh hóa các hoạt động giao dịch mua bán đất đai, chuyển quyền sử dụng đất, đền bù giải phóng mặt bằng và các giao dịch khác được thực hiện đúng với quy định của Nhà nước.

- Các Phòng, ban chức năng của huyện đã linh hoạt hóa kịp thời các dịch vụ công về đất đai cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi đảm bảo yêu cầu quy định của Nhà nước đây là tiền thông thoáng dịch vụ công, cũng như tăng nguồn thu Nhà nước trong công tác quản lý nhà nước về đất đai.

1.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.

1.2.1. Những mặt đạt được

- Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2014, từ đó đến nay UBND huyện đã áp dụng Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai để thực hiên công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện. Qua đó, công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện đã đi vào nề nếp, hạn chế được tình trạng lấn chiếm đất, sử dụng đất sai mục đích,… thực hiện tốt các quy trình thủ tục hành chính về đất đai, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ cho người sử dụng đất kết quả đạt được rất khả quan.

- Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh. Công tác giao đất, cho thuê đất thực hiện trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất hằng năm của huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt và theo đúng quy định của pháp luật đất đai và được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định. Tình trạng vi phạm các quy định của pháp luật cơ bản được ngăn chặn, xử lý nghiêm minh. Quyền lợi của người sử dụng đất được đảm bảo. Việc công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng đất đai ngày càng được tăng cường và phát huy dân chủ. Bộ máy quản lý công tác đất đai từng bước được kiện toàn theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại,...

- Việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, đã sàng lọc được các nhà đầu tư kém năng lực hạn chế đáng kể việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất tràn lan, sử dụng kém hiệu quả, để hoang hóa; việc giao đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đã được chú trọng thực hiện hơn đối với đất ở, góp phần quan trọng tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương.

- Công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được UBND huyện Lộc Hà quan tâm, sát sao. Việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thực hiện theo đúng quy định của Luật đất đai 2013 và các thông tư hướng dẫn ban hành. Đi đôi với việc thu hồi đất, công tác bố trí tái định cư, chính sách chuyển đổi nghề nghiệp được quan tâm, tạo điều kiện tốt cho người dân có đất bị thu hồi ổn định đời sống, sản xuất.

1.2.2. Những tồn tại và nguyên nhân

*\* Tồn tại*

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo Luật Đất đai 2013 vẫn còn tồn tại một số hạn chế như sau:

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm, quy hoạch sử dụng đất: Phần lớn các dự án đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất hằng năm, chưa được thẩm định, rà soát chặt chẽ về hiện trạng, diện tích đất, năng lực nhà đầu tư, tính khả thi, hiệu quả của từng dự án; nhiều dự án chưa đảm bảo đầy đủ các thủ tục theo quy định, một số dự án chỉ thực hiện bước thỏa thuận, nghiên cứu đầu tư. Do đó, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất hằng năm đạt khá thấp. Hệ thống quy hoạch sử dụng đất còn thiên về sắp xếp các loại đất theo mục tiêu quản lý hành chính, chưa tính toán đầy đủ về hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường nhằm bảo đảm phát triển bền vững trong sử dụng đất, chưa phát huy cao nhất tiềm năng đất đai.

- Công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:  Việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng tại một số địa phương còn chậm, nhất là các dự án thực hiện thu hồi đất, bồi thường trong giai đoạn thay đổi cơ chế, chính sách. Một số dự án lớn thực hiện kéo dài đã nhiều năm nhưng chưa hoàn thành, vừa ảnh hưởng đến tiến độ của dự án đầu tư, ảnh hưởng đến đời sống của người dân, vừa tác động không tốt đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Công tác quản lý hồ sơ về đất đai: Không đồng bộ trong hệ thống, chưa có sự đồng bộ dữ liệu giữa các cấp theo quy định; Không được thực hiện thường xuyên, liên tục, có địa phương gần như không thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản đồ, hồ sơ địa chính;

*\* Nguyên nhân*

- Nguyên nhân do các hộ gia đình, cá nhân chưa thấy được sự cần thiết, quan trọng của việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất để thực hiện giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Bên cạnh đó, hộ gia đình, cá nhân không chủ động kế hoạch sử dụng đất cho năm sau, việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất mang tính đột xuất, tức thời theo nhu cầu hiện tại và khả năng kinh tế của hộ. Còn đối với các doanh nghiệp ngoài tỉnh, doanh nghiệp nước ngoài là do không biết thông tin để đăng ký nhu cầu sử dụng đất. Các doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư trên địa bàn tỉnh đều là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, mặt bằng kinh doanh chủ yếu là đất ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế, nhà đầu tư phải tự lựa chọn vị trí thích hợp và thỏa thuận bồi thường cho các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án. Quy hoạch sử dụng đất thường phụ thuộc vào khả năng tìm kiếm được các nhà đầu tư có khả năng thực hiện dự án

- Mức bồi thường, hỗ trợ về đất đai, tài sản còn nhiều điểm bất cập, chưa phù hợp thực tế; sự phối hợp của một số địa phương còn chưa quyết liệt; công tác tái định cư chậm, chưa đáp ứng kịp thời cho công tác giải phóng mặt bằng. Việc chấp hành quyết định thu hồi đất của một số hộ dân chưa nghiêm túc, còn tình trạng chây ỳ, gây khó khăn, cản trở tiến độ giải phóng mặt bằng

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ còn nhiều hạn chế; trang thiết bị thiếu và không đồng bộ; thực hiện cập nhật, chỉnh lý chưa tuân thủ theo đúng quy trình, quy định.

1.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai.

Quản lý nhà nước về đất đai là một lĩnh vực phức tạp dễ dẫn đến những sai phạm, cũng như tham nhũng với mức độ lớn. Chính quyền cần nâng cao và coi trọng công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về đất đai.

Các công cụ phục vụ quản lý phải được thiết lập đầy đủ, chính xác và thường xuyên cập nhật chỉnh lý bổ sung và khai thác có hiệu quả.

Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai để vừa đáp ứng được yêu cầu thông tin cho công tác quản lý, đồng thời phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội; tạo điều kiện để thực hiện quản lý đất đai công khai, minh bạch và thuận lợi trong việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính.

Nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai và hạn chế tiêu cực trong quản lý, sử dụng đất.

Công tác kiểm tra, giám sát phải thường xuyên và coi trọng, nhằm phát hiện, ngăn chặn các sai phạm và xử lý kịp thời. Kiên quyết thu hồi các dự án chậm tiến độ theo quy định do lỗi của nhà đầu tư.

Thực hiện tốt công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất phải thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt. Xử lý nghiêm các trường hợp được giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án, nhưng quá thời hạn cam kết vẫn chưa triển khai, không đưa đất vào sử dụng, không thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai. Kiên quyết thu hồi đất đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp sử dụng đất không đúng mục đích. Đối với các dự án sử dụng đất khu vực biên giới đất liền, biên giới biển, khu vực đất gắn liền với mặt nước biển chỉ cho thuê đất có thời hạn, không giao đất lâu dài nhằm đảm bảo an ninh quốc gia, biên giới, hải đảo.

Tiếp tục thực hiện chủ trương dành kinh phí giải phóng mặt bằng sạch. Giao đất cho nhà đầu tư thông qua hình thức đấu thầu dự án, đấu giá quyền sử dụng đất để tránh thất thoát ngân sách.

Thực hiện tốt cơ chế, chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án, đặc biệt là công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục người dân cam kết giải phóng mặt bằng, bàn giao đất cho Chủ đầu tư thực hiện các công trình, dự án đảm bảo theo đúng tiến độ; Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong mọi lĩnh vực, lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược, có đầy đủ năng lực tài chính để thực hiện tốt các công trình dự án được giao, đem lại hiệu quả và phát huy được tiềm năng của đất.

II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT

2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất.

Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 của huyện Lộc Hà có 11.697,31 ha đất tự nhiên, trong đó: Đất nông nghiệp là 8.092,15 ha, đất phi nông nghiệp là 3.049,48 ha, đất chưa sử dụng có 555,67 ha, cụ thể như sau:

Bảng 01: Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Lộc Hà

| STT | Chỉ tiêu sử dụng đất | Mã | Diện  tích (ha) | Cơ cấu |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| I | DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN |  | 11.697,31 | 100,00 |
| 1 | Đất nông nghiệp | NNP | 8.092,15 | 69,18 |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 3.531,06 | 30,19 |
|  | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | *LUC* | 2.950,05 | 25,22 |
|  | *Đất trồng lúa nước còn lại* | *LUK* |  | 0,00 |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 883,85 | 7,56 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 940,58 | 8,04 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH | 1.151,36 | 9,84 |
| 1.5 | Đất rừng đặc dụng | RDD | - | 0,00 |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | RSX | 941,72 | 8,05 |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thuỷ sản | NTS | 318,84 | 2,73 |
| 1.8 | Đất làm muối | LMU | 196,14 | 1,68 |
| 1.9 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 128,63 | 1,10 |
| 2 | Đất phi nông nghiệp | PNN | 3.049,48 | 26,07 |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 35,01 | 0,30 |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 1,55 | 0,01 |
| 2.3 | Đất khu công nghiệp | SKK | - | 0,00 |
| 2.4 | Đất khu chế xuất | SKT | - | 0,00 |
| 2.4 | Đất cụm công nghiệp | SKN | - | 0,00 |
| 2.5 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 41,77 | 0,36 |
| 2.6 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 39,22 | 0,34 |
| 2.7 | Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản | SKS |  | 0,00 |
| 2.8 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | SKX | 4,05 | 0,03 |
| 2.9 | Đất PTHT cấp quốc gia, cấp tỉnh, huyện, cấp xã | DHT | 1.575,58 | 13,47 |
|  | *Đất giao thông* | *DGT* | *923,86* | 7,90 |
|  | *Đất thủy lợi* | *DTL* | *351,29* | 3,00 |
|  | *Đất xây dựng cơ sở văn hóa* | *DVH* | *8,88* | 0,08 |
|  | *Đất xây dựng cơ sở y tế* | *DYT* | *7,31* | 0,06 |
|  | *Đất xây dựng cơ sở giáo dục-đào tạo* | *DGD* | *45,75* | 0,39 |
|  | *Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao* | *DTT* | *36,33* | 0,31 |
|  | *Đất công trình năng lượng* | *DNL* | *0,55* | 0,00 |
|  | *Đất công trình bưu chính viễn thông* | *DBV* | *1,29* | 0,01 |
|  | *Đất có di tích lịch sử - văn hóa* | *DDT* | *1,32* | 0,01 |
|  | *Đất bãi thải, xử lý chất thải* | *DRA* | *7,59* | 0,06 |
|  | *Đất cơ sở tôn giáo* | *TON* | *12,17* | 0,10 |
|  | *Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa* | *NTD* | *171,22* | 1,46 |
|  | *Đất chợ* | *DCH* | *8,02* | 0,07 |
| 2.10 | Đất danh lam thắng cảnh | DDL | - | 0,00 |
| 2.11 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 17,41 | 0,15 |
| 2.12 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV | 1,42 | 0,01 |
| 2.13 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 526,66 | 4,50 |
| 2.14 | Đất ở tại đô thị | ODT | 120,27 | 1,03 |
| 2.15 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 16,09 | 0,14 |
| 2.17 | Đất xây dựng cơ sở ngoại giao | DNG |  | 0,00 |
| 2.19 | Đất cơ sở tín ngưỡng | TIN | 30,45 | 0,26 |
| 2.20 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | 486,02 | 4,15 |
| 2.21 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | 152,7 | 1,31 |
| 2.22 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK | - | 0,00 |
| 3 | Đất chưa sử dụng | CSD | 555,67 | 4,75 |

*(Nguồn: Theo số liệu thống kê đất đai năm 2020 huyện Lộc Hà)*

2.1.1. Đất nông nghiệp

Năm 2020 đất nông nghiệp có 8.092,15 ha, chiếm 69,18% diện tích tự nhiên; phân bổ nhiều nhất trên địa bàn xã Hồng Lộc 1.745,27 ha; xã Thịnh Lộc 1.100,57 ha; xã Tân Lộc 944,79 ha; xã Thạch Mỹ 737,9 ha; xã Bình An 724,98 ha; xã Ích Hậu 578,25 ha; xã Phù Lưu 572,14 ha; xã Thạch Châu 517,36 ha; thị trấn Lộc Hà 493,7 ha; xã Hộ Độ 359,58 ha; xã Mai Phụ 314,37 ha và xã Thạch Kim 3,66 ha (chiếm tỷ lệ rất thấp). Cụ thể:

- Đất trồng lúa có 3.531,06 ha, chiếm 30,19% so với tổng diện tích tự nhiên; phân bố nhiều trên địa bàn các xã Hồng Lộc 518,31 ha; xã Tân Lộc 497,83 ha; xã Ích Hậu 458,58 ha; xã Bình An 394,49 ha; xã Phù Lưu 392,74 ha; xã Thạch Mỹ 358,71 ha; xã Thịnh Lộc 337,24 ha; xã Thạch Châu 305,43 ha, thị trấn Lộc Hà 176,43 ha; và xã Mai Phụ 91,3 ha, trong đó:

+ Đất chuyên trồng lúa nước có 2.950,05 ha, chiếm 25,22% so với diện tích tự nhiên; phân bố nhiều trên địa bàn các xã Hồng Lộc 518,31 ha, xã Tân Lộc 497,83 ha, xã Ích Hậu 453,79 ha; tại các xã Thạch Mỹ 353,98 ha, xã Bình An 358,69 ha, xã Thịnh Lộc 337,24 ha, xã Phù Lưu 294,17 ha, thị trấn Lộc Hà 81,41 ha, xã Mai Phụ 29,2 ha và xã Thạch Châu 25,43 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác có 883,85 ha, chiếm 7,56% so với diện tích tự nhiên; phân bố nhiều trên địa bàn các xã Hồng Lộc 200,17 ha, xã Bình An 144,9 ha, xã Thạch Mỹ 141,6 ha, xã Thịnh Lộc 137,01 ha, xã Mai Phụ 99,92 ha; tại thị trấn Lộc Hà 74,04 ha, xã Phù Lưu 61,69 ha, xã Tân Lộc 12,8 ha, xã Ích Hậu 6,58 ha, xã Thạch Châu 4,6 ha và xã Hộ Độ 0,54 ha.

- Đất trồng cây lâu năm có 940,58 ha, chiếm 8,04% so với diện tích tự nhiên; phân bố nhiều nhất trên địa bàn xã Thịnh Lộc 134,72 ha, xã Thạch Mỹ 112,37 ha, thị trấn Lộc Hà 90,07 ha, xã Thạch Châu 102,47 ha, xã Bình An 98,5 ha, xã Phù Lưu 91,9 ha, xã Hồng Lộc 82,65 ha, xã Tân Lộc 69,65 ha, xã Hộ Độ 59,58 ha, xã Mai Phụ 57,82 ha, xã Ích Hậu 37,19 ha và xã Thạch Kim 3,66 ha.

- Đất rừng phòng hộ có 1.151,36 ha. chiếm 9,84% so với diện tích tự nhiên; phân bố nhiều nhất trên địa bàn xã Hồng Lộc 496,92 ha, xã Thịnh Lộc 346,25 ha, thị trấn Lộc Hà 100,86 ha, xã Hộ Độ 68,68 ha, xã Bình An 51,72 ha, xã Thạch Mỹ 27,68 ha, xã Tân Lộc 24,36 ha, xã Thạch Châu 18,43 ha, xã Mai Phụ 14,95 ha, và xã Ích Hậu 1,51 ha.

- Đất rừng sản xuất có 941,72 ha, chiếm 8,05% so với diện tích tự nhiên; phân bố trên địa bàn xã Hồng Lộc 421,54 ha, xã Tân Lộc 327, 24 ha, xã Thịnh Lộc 133,2 ha, xã Bình An 24,97 ha, thị trấn Lộc Hà 22,51 ha và xã Thạch Mỹ 12,26 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản có 318,84 ha; chiếm 2,73% so với diện tích tự nhiên; phân bố tập trung trên địa bàn xã Hộ Độ 99,33 ha, xã Thạch Mỹ 70,76 ha, xã Thạch Châu 64,34 ha, xã Ích Hậu 28,56 ha, thị trấn Lộc Hà 18,72 ha, xã Hồng Lộc 17,29 ha, xã Phù Lưu 9,75 ha, xã Mai Phụ 6,42 ha, xã Bình An 2,07 ha và có ít tại xã Thịnh Lộc 1,6 ha.

- Đất làm muối có 196,14 ha, chiếm 1,68% so với diện tích tự nhiên; phân bổ tại địa bàn xã Hộ Độ 130,2 ha, xã Mai Phụ 43,96 ha, xã Thạch Châu 21,98 ha.

- Đất nông nghiệp khác có 128,63 ha; chiếm 1,1% so với diện tích tự nhiên; phân bố nhiều nhất trên địa bàn xã Ích Hậu 45,84 ha, xã Phù Lưu 15,64 ha, xã Thạch Mỹ 14,52 ha, xã Tân Lộc 12,92 ha, thị trấn Lộc Hà 11,08 ha, xã Thịnh Lộc 10,55 ha, xã Hồng Lộc 8,39 ha, xã Bình An 8,33 ha, xã Hộ Độ 1,25 ha và xã Thạch Châu 0,11 ha.

*2.1.2. Đất phi nông nghiệp*

Năm 2020 đất phi nông nghiệp có 3.049,48 ha, chiếm 26,07% so với diện tích tự nhiên; phân bố trên địa bàn thị trấn Lộc Hà 377,24 ha, xã Hồng Lộc 299,72 ha, xã Thịnh Lộc 287,4 ha, xã Ích Hậu 283,92 ha, xã Hộ Độ 273,51 ha, xã Phù Lưu 262,07 ha, xã Tân Lộc 258,9 ha, xã Thạch Mỹ 265,46 ha, xã Mai Phụ 251 ha, xã Thạch Châu 224,79 ha, xã Bình An 197,54 ha và xã Thạch Kim 67,93 ha. Được phân bổ chi tiết cho các loại đất trong nhóm đất phi nông nghiệp như sau:

- Đất quốc phòng có 35,01 ha, chiếm 0,30% so với diện tích tự nhiên; phân bố nhiều nhất trên địa bàn xã Hồng Lộc 22,96 ha, xã Tân Lộc 6,39 ha và thị trấn Lộc Hà 5,66 ha.

- Đất an ninh có 1,55 ha, chiếm 0,01% so với diện tích tự nhiên; phân bố trên địa bàn thị trấn Lộc Hà 1,55 ha.

- Đất thương mại, dịch vụ có 41,77 ha, chiếm 0,36 % diện tích tự nhiên; phân bố nhiều nhất tại xã Thịnh Lộc 35,17 ha, thị trấn Lộc Hà 4,57 ha, xã Thạch Châu 0,91 ha, xã Thạch Mỹ 0,15 ha, xã Hồng Lộc 0,3 ha, xã Ích Hậu 0,28 ha, xã Hộ Độ 0,15 ha, xã Tân Lộc 0,11 ha, xã Phù Lưu 0,08 ha, xã Bình An 0,05 ha.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có 39,22 ha, chiếm 0,34 % diện tích tự nhiên; phân bố nhiều nhất trên địa bàn xã Hồng Lộc 10,09 ha, xã Thịnh Lộc 9,94 ha, xã Hộ Độ 7,95 ha, xã Thạch Kim 5,64 ha, thị trấn Lộc Hà 2,94 ha, xã Thạch Châu 1,18 ha, xã Bình An 0,71 ha, xã Thạch Mỹ 0,44 ha, và phân bổ ít tại xã Ích Hậu 0,33 ha.

- Đất cụm công nghiệp: hiện trạng thực tế tại xã Thạch Kim có 5,33 ha đất cụm công nghiệp đã được đưa vào sử dụng, tuy nhiên theo số liệu thống kê đầu kỳ chưa được cập nhật đất cụm công nghiệp mà vẫn đang để đất sản xuất kinh doanh. Vì vậy cần phải điều chỉnh số liệu diện tích 5,33 ha này sang đất cụm công nghiệp cho đúng thực tế.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm có 4,05 ha, chiếm 0,03% diện tích tự nhiên: phân bổ tại xã Bình An 4,05 ha, tại xã Thạch Mỹ 0,35 ha.

- Đất phát triển hạ tầng có 1.575,58 ha, chiếm 13,47 % diện tích tự nhiên; phân bố trên địa bàn thị trấn Lộc Hà 214,55 ha, xã Tân Lộc 162,34 ha, xã Thịnh Lộc 171,77 ha, xã Hồng Lộc 165,54 ha, xã Thạch Mỹ 160,63 ha, xã Bình An 129,24 ha, xã Thạch Châu 111,11 ha, xã Hộ Độ 104,86 ha,xã Ích Hậu 121,97 ha, xã Phù Lưu 114,85 ha, xã Mai Phụ 98,45 ha, và phân bổ ít tại xã Thạch Kim 20,27 ha. Được phân bổ chi tiết cho các loại đất trong nhóm đất phát triển hạ như sau:

+ Đất giao thông có 923,86 ha, chiếm 7,9 % diện tích tự nhiên; phân bố trên địa bàn thị trấn Lộc Hà 133,89 ha, xã Hồng Lộc 109,22 ha, xã Thạch Mỹ 97,16 ha, xã Thịnh Lộc 87,94 ha, xa Ích Hậu 86,25 ha, xã Tân Lộc 79,51 ha, xã Thạch Châu 76,05 ha, xã Bình An 77,22 ha, xã Phù Lưu 64,87 ha, xã Hộ Độ 49,48 ha, xã Mai Phụ 48,38 ha, xã Thạch Kim 13,89 ha.

+ Đất thủy lợi có 351,29 ha, chiếm 3,0 % diện tích tự nhiên; phân bố trên địa bàn xã Tân Lộc 72,09 ha, xã Thịnh Lộc 56,82 ha, xã Hộ Độ 36,74 ha, xã Thạch Mỹ 36,65 ha, xã Bình An 29,69 ha, xã Hồng Lộc 25,38 ha, xã Mai Phụ 25,4 ha, xã Phù Lưu 22,21 ha, thị trấn Lộc Hà 18,62 ha, xã Thạch Châu 10,16 ha, xã Ích Hậu 18,41 ha, xã Thạch Kim 0,12 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa có 8,88 ha, chiếm 0,08 % diện tích tự nhiên; phân bố nhiều nhất trên xã Thịnh Lộc 4,27 ha, thị trấn Lộc Hà 2,95 ha, xã Ích Hậu 0,48 ha, xã Bình An 0,43 ha, xã Phù Lưu 0,02 ha, xã Hồng Lộc 0,19 ha, xã Thạch Châu 0,14 ha, xã Tân Lộc 0,12 ha, xã Mai Phụ 0,12 ha, xã Hộ Độ 0,09 ha, và phân bổ ít tại xã Thạch Mỹ 0,07 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế có 7,31 ha, chiếm 0,06 % diện tích tự nhiên; phân bố nhiều nhất trên địa bàn xã Thạch Châu 2,9 ha, thị trấn Lộc Hà 2,35 ha, xã Bình An 0,31 ha, xã Thịnh Lộc 0,27 ha, xã Tân Lộc 0,24 ha, , xã Hộ Độ 0,22 ha, xã Mai Phụ 0,19 ha, xã Thạch Mỹ 0,18 ha, xã Hồng Lộc 0,17 ha, xã Ích Hậu 0,16 ha, xã Phù Lưu 0,16 ha, xã Thạch Kim 0,16 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo có 45,75 ha, chiếm 0,39 % diện tích tự nhiên; phân bố trên địa bàn xã Thạch Châu 7,44 ha, thị trấn Lộc Hà 7,31 ha, xã Ích Hậu 5,48 ha, xã Phù Lưu 4,63 ha, xã Hộ Độ 3,71 ha, xã Bình An 3,5 ha, xã Hồng Lộc 2,95 ha, xã Thịnh Lộc 2,58 ha, xã Mai Phụ 2,34 ha, xã Thạch Kim 2,44 ha, xã Thạch Mỹ 1,7 ha, xã Tân Lộc 1,67 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao có 36,33 ha, chiếm 0,31 % diện tích tự nhiên; phân bố trên địa bàn thị trấn Lộc Hà 7,63 ha, , xã Thịnh Lộc 4 ha, , xã Thạch Châu 3,54 ha, xã Bình An 3,48 ha, xã Thạch Mỹ 3,43 ha, xã Phù Lưu 3,47 ha, xã Hồng Lộc 2,66 ha, xã Tân Lộc 2,35 ha xã Mai Phụ 1,96 ha, xã Ích Hậu 1,74 ha, xã Thạch Kim 1,08 ha, xã Hộ Độ 0,99 ha.

+ Đất công trình năng lượng có 0,55 ha, chiếm 0,005 % diện tích tự nhiên; phân bố trên địa bàn xã Mai Phụ 0,22 ha, xã Bình An 0,1 ha, thị trấn Lộc Hà 0,06 ha, xã Thạch Mỹ 0,04 ha, xã Tân Lộc 0,04 ha, xã Phù Lưu 0,02 ha, xã Thạch Châu 0,02 ha, xã Thạch Kim 0,02 ha, xã Thịnh Lộc 0,01 ha, xã Ích Hậu 0,02 ha.

+ Đất công trình bưu chính viễn thông 1,29 ha, chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên; phân bố trên địa bàn thị trấn Lộc Hà 0,84 ha, xã Thạch Mỹ 0,09 ha, xã Tân Lộc 0,07 ha, xã Thạch Châu 0,05 ha, xã Bình An 0,05 ha, xã Phù Lưu 0,04 ha, xã Hộ Độ 0,03 ha, xã Hồng Lộc 0,03 ha, xã Thạch Kim 0,03 ha, xã Thịnh Lộc 0,02 ha, xã Mai Phụ 0,02 ha, xã Ích Hậu 0,02 ha.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa có 1,32 ha, chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên; phân bố tập trung tại xã Thịnh Lộc 0,34 ha, xã Tân Lộc 0,1 ha, xã Ích Hậu 0,88 ha.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải có 7,59 ha, chiếm 0,06 % diện tích tự nhiên; phân bố nhiều nhất tại các xã Hồng Lộc 5,61 ha, xã Bình An 0,27 ha, xã Thạch Châu 0,22 ha, xã Phù Lưu 0,18 ha, xã Tân Lộc 0,15 ha, xã Thạch Mỹ 0,1 ha, thị trấn Lộc Hà 0,06 ha.

+ Đất cơ sở tôn giáo có 12,17 ha, chiếm 0,10% diện tích tự nhiên; phân bố trên địa bàn xã Hộ Độ 3,65 ha, thị trấn Lộc Hà 3,01 ha, xã Mai Phụ 2,9 ha, xã Thạch Kim 1,09 ha, xã Phù Lưu 0,73 ha, xã Bình An 0,68 ha, xã Thạch Mỹ 0,11 ha.

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa có 171,22 ha, chiếm 1,46% diện tích tự nhiên; phân bố trên địa bàn thị trấn Lộc Hà 37,56 ha, xã Thạch Mỹ 21,52 ha, xã Hồng Lộc 18,6 ha, xã Phù Lưu 18,21 ha, xã Mai Phụ 15,32 ha, xã Thịnh Lộc 14,11 ha, xã Bình An 12,12 ha, xã Thạch Châu 10,11 ha, xã Hộ Độ 9,39 ha, xã Ích Hậu 8 ha, xã Tân Lộc 5,52 ha, xã Thạch Kim 0,76 ha.

+ Đất chợ có 8,02 ha, chiếm 0,07% diện tích tự nhiên; phân bố trên địa bàn xã Mai Phụ 1, 6 ha, xã Bình An 1,39 ha, xã Hồng Lộc 0,73 ha, xã Thạch Kim 0,68 ha, xã Thạch Mỹ 0,58 ha, xã Hộ Độ 0,56 ha, xã Ích Hậu 0,53 ha, xã Tân Lộc 0,48 ha, xã Thạch Châu 0,48 ha, xã Thịnh Lộc 0,41 ha, xã Phù Lưu 0,31 ha, thị trấn Lộc Hà 0,27 ha.

- Đất sinh hoạt cộng đồng có 17,41 ha, chiếm 0,15% diện tích tự nhiên; phân bố trên địa bàn xã Bình An 2,48 ha, thị trấn Lộc Hà 2,4 ha, xã Hộ Độ 2,34 ha, xã Thạch Mỹ 1,86 ha, xã Hồng Lộc 1,58 ha, xã Thịnh Lộc 1,36 ha, xã Thạch Châu 1,27 ha, xã Phù Lưu 1,45 ha. xã Mai Phụ 1,15 ha, xã Tân Lộc 0,96 ha, xã Ích Hậu 0,3 ha, xã Thạch Kim 0,26 ha.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng có 1,42 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên; phân bố tập trung tại thị trấn Lộc Hà 1,1 ha, xã Thạch Kim 0,32 ha.

- Đất ở tại nông thôn có 526,66 ha, chiếm 4,5% diện tích tự nhiên, được phân bổ tại xã 11 xã trong toàn huyện, gồm: Hồng Lộc 68,4 ha, xã Bình An 53,97 ha, xã Thạch Mỹ 62 ha, xã Thạch Châu 50,84 ha, xã Ích Hậu 49,57 ha, xã Hộ Độ 46,71 ha, xã Thịnh Lộc 47,17 ha, xã Phù Lưu 40,28 ha, xã Mai Phụ 37,71 ha, xã Tân Lộc 37,24 ha, xã Thạch Kim 32,77 ha.

- Đất ở tại đô thị (thị trấn Lộc Hà) là 120,27 ha, chiếm 1,03% diện tích tự nhiên.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan có 16,09 ha, chiếm 0,14 % diện tích tự nhiên; phân bố trên địa bàn thị trấn Lộc Hà 8,81 ha, xã Tân Lộc 1,07 ha, xã Thạch Kim 1,07 ha, xã Thịnh Lộc 1,07 ha, xã Thạch Mỹ 0,84 ha, xã Thạch Châu 0,77 ha, xã Bình An 0,84 ha, xã Mai Phụ 0,44 ha, xã Hồng Lộc 0,51 ha, xã Phù Lưu 0,25 ha, xã Ích Hậu 0,23 ha, xã Hộ Độ 0,19 ha.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp có tại địa bàn thị trấn Lộc Hà 1,29 ha, chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên;.

- Đất cơ sở tín ngưỡng có 30,45 ha, chiếm 0,26 % diện tích tự nhiên; phân bố trên địa bàn xã Thạch Mỹ 5,89 ha, xã Thạch Châu 4,86 ha, xã Phù Lưu 3,51 ha, thị trấn Lộc Hà 2,96 ha, xã Thịnh Lộc 2,23 ha, xã Mai Phụ 2,38 ha, xã Bình An 2,67 ha, xã Ích Hậu 2,11 ha, xã Hồng Lộc 1,47 ha, xã Tân Lộc 1,14 ha, xã Hộ Độ 0,69 ha, xã Thạch Kim 0,54 ha.

- Đất sông, suối có 486,02 ha, chiếm 4,15 % diện tích tự nhiên; phân bố trên địa bàn xã Hộ Độ 110,28 ha, xã Ích Hậu 109,12 ha, xã Mai Phụ 106,03, xã Thạch Châu 53,15 ha, xã Phù Lưu 48,68 ha, xã Thạch Mỹ 28,59 ha, xã Hồng Lộc 10,95 ha, thị trấn Lộc Hà 9,28 ha, xã Thạch Kim 7,07 ha, xã Thịnh Lộc 2,66 ha, xã Bình An 0,21 ha.

- Đất có mặt nước chuyên dùng có 152,7 ha, chiếm 1,31 % diện tích tự nhiên; phân bố trên địa bàn xã Phù Lưu 52,97 ha, xã Tân Lộc 49,64 ha, xã Hồng Lộc 17,9 ha, xã Thịnh Lộc 16,04 ha, xã Thạch Mỹ 4,71 ha, xã Bình An 3,68 ha, xã Mai Phụ 4,84 ha, thị trấn Lộc Hà 1,86 ha, xã Thạch Châu 0,69 ha, xã Hộ Độ 0,36 ha, xã Ích Hậu 0,01 ha.

*2.1.3. Đất chưa sử dụng*

Đất chưa sử dụng năm 2020 có 555,56 ha; chiếm 4,75% so với tổng diện tích tự nhiên, phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn: Thịnh Lộc 128,65 ha, thị trấn Lộc Hà 88,06 ha, Thạch Kim 87,73 ha, Hồng Lộc 74,15 ha, Ích Hậu 55,09 ha, Tân Lộc 54,84 ha, Thạch Mỹ 28,95 ha, Hộ Độ 12,86 ha, Mai Phụ 8,98 ha, Phù Lưu 8,6 ha, Thạch Mỹ 28,95 ha, Bình An 5,57 ha và xã Thạch Châu 2,19 ha.

2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch kỳ trước.

Tổng diện tích tự nhiên của huyện Lộc Hà theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 và thống kê đất đai năm 2020 so với năm 2015 thấp hơn 45,54 ha.

Diện tích đất nông nghiệp biến động tăng, từ năm 2015-2020 tăng 281,84 ha; nguyên nhân do đưa đất chưa sử dụng đưa vào trồng rừng sản xuất và rừng phòng hộ.

Diện tích đất phi nông nghiệp có biến động giảm 48,36 ha so với năm 2015 do thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, khu dân cư, các khu đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đồng thời giảm diện tích đất sông ngồi, kênh, rạch, suối.

Diện tích đất chưa sử dụng từ 2015-2020 biến động giảm 279,13 ha; do nhiều khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng với mục đích trồng rừng và 1 phần diện tích giảm do chuyển mục đích để xây dựng cơ sở hạ tầng, khu dân cư.

Bảng 02: Biến động sử dụng đất giai đoạn 2015 - 2020 huyện Lộc Hà

| STT | Chỉ tiêu sử dụng đất | Mã | Hiện trạng  năm 2015 (ha) | | Hiện trạng  năm 2020 (ha) | | Tăng (+), giảm (-) (ha) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Diện  tích (ha) | Tỷ lệ  (%) | Diện  tích (ha) | Tỷ lệ  (%) |
| I | DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN |  | 11.742,84 | 100,00 | 11.697,31 | 100 | -45,54 |
| 1 | Đất nông nghiệp | NNP | 7.810,21 | 66,51 | 8.092,15 | 69,18 | 281,94 |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 3.615,31 | 30,79 | 3.531,06 | 30,19 | -84,25 |
|  | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | *LUC* | 2.997,67 | 25,53 | 2.950,05 | 25,22 | -47,62 |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 970,52 | 8,26 | 883,85 | 7,56 | -86,67 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 994,72 | 8,47 | 940,58 | 8,04 | -54,14 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH | 1.130,36 | 9,63 | 1.151,36 | 9,84 | 21,00 |
| 1.5 | Đất rừng sản xuất | RSX | 560,87 | 4,78 | 941,72 | 8,05 | 380,85 |
| 1.6 | Đất nuôi trồng thuỷ sản | NTS | 302,98 | 2,58 | 318,84 | 2,73 | 15,86 |
| 1.7 | Đất làm muối | LMU | 198,32 | 1,69 | 196,14 | 1,68 | -2,18 |
| 1.8 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 37,1 | 0,32 | 128,63 | 1,1 | 91,53 |
| 2 | Đất phi nông nghiệp | PNN | 3.097,84 | 26,38 | 3.049,48 | 26,07 | -48,36 |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 17,68 | 0,15 | 35,01 | 0,3 | 17,33 |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 1,55 | 0,01 | 1,55 | 0,01 | 0,00 |
| 2.3 | Đất khu công nghiệp | SKK |  |  | - | 0,00 | 0,00 |
| 2.4 | Đất cụm công nghiệp | SKN |  |  | - | 0,00 | 0,00 |
| 2.5 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 1,84 | 0,02 | 41,77 | 0,36 | 39,93 |
| 2.6 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 52,32 | 0,45 | 39,22 | 0,34 | -13,10 |
| 2.7 | Đất sử dụng cho HĐ khoáng sản | SKS |  |  |  |  |  |
| 2.8 | Đất sản xuất vật liệu XD, làm đồ gốm | SKX | 3,7 | 0,03 | 4,05 | 0,03 | 0,35 |
| 2.9 | Đất PTHT quốc gia, tỉnh, huyện, xã | DHT | 1.315,30 | 11,20 | 1.575,58 | 13,47 | 260,28 |
| 2.10 | Đất danh lam thắng cảnh | DDL |  |  | - | 0,00 | 0,00 |
| 2.11 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 13,51 | 0,12 | 17,41 | 0,15 | 3,90 |
| 2.12 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV |  |  | 1,42 | 0,01 | 1,42 |
| 2.13 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 534,18 | 4,55 | 526,66 | 4,5 | -7,52 |
| 2.14 | Đất ở tại đô thị | ODT |  |  | 120,27 | 1,03 | 120,27 |
| 2.15 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 15,55 | 0,13 | 16,09 | 0,14 | 0,54 |
| 2.16 | Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | 1,29 | 0,01 | 1,29 | 0,01 | 0,00 |
| 2.17 | Đất xây dựng cơ sở ngoại giao | DNG |  |  |  |  |  |
| 2.18 | Đất sản xuất VL XD, làm đồ gốm | SKX | 3,7 | 0,03 | 4,05 | 0,03 | 0,35 |
| 2.19 | Đất cơ sở tín ngưỡng | TIN | 29,52 | 0,25 | 30,45 | 0,26 | 0,93 |
| 2.20 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | 772,86 | 6,58 | 486,02 | 4,15 | -286,84 |
| 2.21 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | 157,96 | 1,35 | 152,7 | 1,31 | -5,26 |
| 2.22 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK | 0,05 | - | - | 0,00 | -0,05 |
| 3 | Đất chưa sử dụng | CSD | 834,8 | 7,11 | 555,67 | 4,75 | -279,13 |

2.3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất.

2.3.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất

*\* Về hiệu quả kinh tế*

 - Sản xuất nông, lâm nghiệp cơ bản từ bỏ quảng canh, đi vào thâm canh, tính hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích canh tác đã được nâng cao. Nhà nước đã ban hành những chính sách hợp lý để khuyến khích việc khai hoang cải tạo đất chưa sử dụng để mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp; phủ xanh đất trống đồi núi trọc; bảo vệ và phát triển rừng nên diện tích đất nông nghiệp đã tăng lên đáng kể; môi trường sinh thái ngày càng được cải thiện.

- Thực hiện giao đất sản xuất nông nghiệp ổn định cùng với các chính sách đẩy mạnh sản xuất hàng hoá đã làm cho nông dân năng động hơn, bố trí hợp lý cơ cấu cây trồng, vật nuôi; phát triển nhiều vườn cây ăn quả, cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao. Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tăng đáng kể, đưa sản lượng lương thực có hạt bình quân mỗi năm tăng 6.000 - 7.000 tấn, cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu lương thực tại chỗ cho nhân dân.

- Đóng góp lớn vào ngân sách bằng nguồn thu từ chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiệu quả phát triển công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

- Việc bố trí quỹ đất đáp ứng nhu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ, chỉnh trang và xây dựng mới các khu dân cư đô thị, dân cư nông thôn, quản lý chặt chẽ việc chuyển đất sản xuất nông nghiệp sang các mục đích phi nông nghiệp,... đã tạo điều kiện thu hút cho nền kinh tế phát triển.

*\* Về hiệu quả xã hội*

- Từ việc phân bổ nhu cầu sử dụng đất cho các mục đích theo quy hoạch đã tạo được nhiều việc làm, ổn định đời sống cho người dân thông qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp, thương mại - dịch vụ, chuyển quỹ đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp, phát triển cụm công nghiệp Thạch Kim, di lịch biển Lộc Hà. Chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, chính sách hỗ trợ đào tạo chuyển đổi ngành nghề khi Nhà nước thu hồi đất đã góp phần ổn định đời sống hàng nghìn lượt hộ nông dân, giải quyết mối quan hệ lợi ích giữa Nhà nước, người có đất bị thu hồi và nhà đầu tư.

- Cơ cấu lao động chuyển đổi theo chiều hướng tích cực, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm.

- Quỹ đất dành cho phát triển công nghiệp, dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị ngày càng được mở rộng.

*\* Về hiệu quả môi trường*

Về lĩnh vực bảo vệ môi trường, công tác lập và thực hiện quy hoạch sử dụng đất đã tạo quỹ đất hợp lý cho các khu xử lý chất thải, rác thải, đặc biệt là ở các đô thị và khu vực phát triển nông nghiệp, tiểu thu công nghiệp; có cơ chế chính sách và giải pháp khuyến khích nhân dân bảo vệ rừng, trồng rừng phủ xanh diện tích đất trồng đồi núi trọc, nâng cao tỷ lệ che phủ của rừng, giảm nguy cơ xói mòn, rửa trôi đối với đất đai, phòng chống giảm nhẹ thiên tai và biến đổi khí hậu.

2.3.2. Tính hợp lý của việc sử dụng đất:

a. Cơ cấu sử dụng đất

Cơ cấu sử dụng đất theo các mục đích sử dụng đất theo quy hoạch đến năm 2020 của huyên Lộc Hà, có thể rút ra những mặt tích cực và hạn chế sau:

\* Mặt tích cực

- Đất nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao 69,17% so với diện tích tự nhiên, trong đó đất trồng lúa có đến 3.531,06 ha.

- Đáp ứng nhu cầu sử dùng đất cho phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian qua cho các mục đích sản xuất kinh doanh và thương mại - dịch vụ. Giải quyết tình trạng sử dụng đất tư phát không theo quy hoạch.

- Đất chưa sử dụng được đưa vào khai thác triệt để cho các mục đích tiết kiệm và khá hợp lý, hiện nay chỉ chiếm 4,75% so với diện tích đất tự nhiên.

\* Mặt hạn chế

- Đất phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ còn thấp trong cơ cấu sử dụng đất chung cả huyện.

- Đất nông nghiệp tuy có diện tích lớn, chiếm tỷ lệ cao trong tổng diện tích tự nhiên nhưng đến nay vẫn chưa cho thấy hết tiềm năng và hiệu quả mang lại.

Trong quá trình phát triển, không thể không tránh khỏi việc tiếp tục phải sử dụng một phần diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đáp ứng cho các mục đích phi nông nghiệp trong thời gian tới.

b) Mức độ thích hợp của từng loại đất so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

Nhìn chung việc sử dụng đất trên địa bàn huyện đã đạt được những thành quả nhất định. Mức độ thích hợp của từng loại đất so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Lộc Hà có lợi thế về tài nguyên đất đai, tài nguyên biển, du lịch,... và kinh tế về nông nghiệp đang có vị trí cao trong cơ cấu nền kinh tế .

Như vậy, đối chiếu hiện trạng sử dụng đất với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của huyện có những mặt tích cực và hạn chế sau:

\* Mặt tích cực

- Trong lĩnh vực nông nghiệp: Quy mô và tỷ lệ diện tích đất bố trí cho nông - lâm nghiệp cao là sự bố trí phù hợp trong điều kiện hiện tại. Đã cơ bản ổn định việc sử dụng đất cho nông hộ. Sản xuất nông nghiệp đang dần đi vào chiều sâu thông qua các giải pháp tích cực để tăng vụ sản xuất, tăng lượng nông sản hàng hoá phục vụ xuất khẩu. Cải tạo triệt để đất chưa sử dụng để làm tăng hiệu quả sử dụng đất, tạo nguồn bổ sung cho quỹ đất nông nghiệp bị chu chuyển trong kỳ.

- Trong lĩnh vực phi nông nghiệp: Đất phi nông nghiệp chiếm chỉ 26,07% diện tích tự nhiên nhưng giá trị sản xuất chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế cho thấy tỉnh đã có nhiều tiến bộ vượt bậc trong quá trình phát triển kinh tế xã hội.

\* Mặt hạn chế

Quy mô diện tích và tỷ lệ đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp thấp thể hiện mức độ phát triển còn chưa cao. Dưới đây là một số lĩnh vực tiêu biểu:

- Quỹ đất dành cho các hoạt động phát triển kinh tế, phát triển các khu công nghiệp, khu du lịch... chưa được khai thác sử dụng hiệu quả, một số công trình, dự án đã được giao đất nhưng tiến độ triển khai còn chậm hoặc chưa được thực hiện, gây lãng phí trong sử dụng đất.

- Việc sử dụng đất trong các lĩnh vực lâm nghiệp, thủy sản, du lịch, quốc phòng an ninh cũng gặp nhiều vướng mắc do còn có sự chồng chéo giữa quy hoạch phát triển của các ngành, hạn chế trong việc phát huy lợi thế của từng lĩnh vực.

 Việc khai thác quá tải tài nguyên rừng cũng như nạn chặt phá rừng bừa bãi trong những năm trước đây đã để lại những hậu quả nghiêm trọng, cần có thời gian để khắc phục. Mặc dù diện tích trồng mới rừng không ngừng được tăng lên, công tác quản lý, bảo vệ ngày càng được tăng cường song thực trạng độ che phủ bằng cây rừng hiện nay vẫn chưa đảm bảo an toàn cho môi trường sinh thái.

*c) Tình hình đầu tư về vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất tại cấp lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất*

Trong bối cảnh khoa học công nghệ ngày càng phát triển như hiện nay việc đầu tư vốn, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào việc cải tiến kỹ thuật, ứng dụng công nghệ vào sản xuất sẽ thúc đẩy hiệu quả sản xuất, làm phát triển kinh tế. Hiện nay huyện đã ban hành và thực hiện nhiều chính sách, giải pháp liên quan đến vấn đề đầu tư vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật, làm đòn bẩy kinh tế... trong sử dụng đất và đối với người sử dụng đất tại địa phương, cụ thể như sau:

- Hướng dẫn và nhân rộng mô hình nuôi tôm công nghệ cao trong nhà kín tại vùng nuôi trồng thủy sản thị trấn Lộc Hà.

- Công tác phòng trừ sâu bệnh trên cây trồng, vật nuôi được tập trung chỉ đạo. Xử lý kịp thời các ổ bệnh để không ảnh hưởng đến năng suất của cây lúa.

- Nâng cấp cơ sở vật chất, dụng cụ chăn nuôi để áp dụng các biện pháp an toàn sinh học; triển khai giám sát dịch bệnh đến tận cơ sở, hộ chăn nuôi, thông tin và báo cáo kịp thời khi dịch bệnh xảy ra.

- Xây dựng phương án tổ chức, chỉ huy và điều động lực lượng, phương tiện ứng cứu chữa cháy rừng khi có cháy lớn xẩy ra trên địa bàn huyện.

- Số tàu thuyền khai thác thuỷ sản 349 chiếc, tổng công suất 22.274 CV, trong đó tàu có công suất trên 90 CV là 80 chiếc.

- Hoàn thiện phương án sản xuất kinh doanh các sản phẩm tham gia chương trình OCOP đợt 1 năm 2020 gửi tỉnh.

- Hoạt động tín dụng ngân hàng tiếp tục thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các giải pháp huy động vốn để mở rộng cho vay, đầu tư đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh, nhất là phát triển nông nghiệp nông thôn, an sinh xã hội.

2.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất.

*2.4.1. Một số tồn tại chủ yếu trong sử dụng đất.*

- Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn thấp. Một số dự án, công trình đã có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhưng chưa được thực hiện, nhất là những dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Việc cập nhật quy hoạch ngành sau điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch sử dụng đất còn chưa kịp thời.

- Một số nhà đầu tư năng lực còn hạn chế, có biểu hiện chuyển nhượng dự án sau khi được giao đất, cho thuê đất mà không đầu tư.

- Quỹ đất sử dụng cho nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao, phần đất đang sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp thấp, nhất là đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng, sản xuất công nghiệp, cụm công nghiệp ... nên hiệu quả quỹ đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội, chưa cao chưa tạo được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

*2.4.2. Nguyên nhân của những tồn tại trong sử dụng đất và một số giải pháp khắc phục:*

- Một số nguyên nhân chính.

+ Chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn hạn chế, chưa có dự báo hợp lý cho nên thường phải điều chỉnh, bổ sung khi quy hoạch ngành biến động hoặc nhu cầu về đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội có sự thay đổi

+ Công tác quản lý quy hoạch sau khi được phê duyệt còn yếu; công tác thanh tra, kiểm tra về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc thu hút đầu tư vẫn chưa chủ động theo quy hoạch sử dụng đất

- Giải pháp khắc phục.

+ Sát sao, chặt chẽ trong công tác lập Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để làm căn cứ quản lý và sử dụng đất đai. Tăng cường sự phối kết hợp chặt chẽ trong quá trình lập, thực hiện giữa quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh với quy hoạch sử dụng đất và với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

+ Tổ chức tốt việc tuyên truyền và triển khai thực hiện Luật Đất đai.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC

3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

- Căn cứ Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyên Lộc Hà.

- Căn cứ kiểm kê hiện trạng sử dụng đất năm 2019, số liệu ước thực hiện đến 31/12/2020 của huyên Lộc Hà.

Đánh giá kết quả thực hiện Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyên Lộc Hà (tính đến thời điểm lập quy hoạch 31/12/2020) là việc so sánh kết quả hiện trạng sử dụng đất ước đến ngày 31/12/2020 với Phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được UBND tỉnh xét duyệt.

Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 như sau:

Bảng 3: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020

| STT | Chỉ tiêu sử dụng đất | Mã | Quy hoạch năm 2020 được duyệt (ha) | Kết quả thực hiện ước  đến ngày 31/12/2020 (ha) | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Diện  tích (ha) | Tăng (+) giảm (-) ha | Tỷ lệ (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=(5)-(4) | (7)=(5/4)\*100 |
| I | DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN |  | 11.712,85 | 11.697,3 | -15,55 | 99,87 |
| 1 | Đất nông nghiệp | NNP | 7.525,82 | 8.092,15 | 566,33 | 107,53 |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | *3.403,55* | 3.531,06 | 127,51 | 103,75 |
|  | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | *LUC* | *2.843,81* | 2.950,05 | 106,24 | 103,74 |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 808,31 | 883,85 | 75,54 | 109,35 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 944,3 | 940,58 | -3,72 | 99,61 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH | 1.135,81 | 1.151,36 | 15,55 | 101,37 |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | RSX | 552,76 | 941,72 | 388,96 | 170,37 |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thuỷ sản | NTS | 358,89 | 318,84 | -40,05 | 88,84 |
| 1.8 | Đất làm muối | LMU | 127,09 | 196,14 | 69,05 | 154,33 |
| 1.9 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 195,09 | 128,63 | -66,46 | 65,93 |
| 2 | Đất phi nông nghiệp | PNN | 3.770,66 | 3.049,48 | -721,18 | 80,87 |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 282,72 | 35,01 | -247,71 | 12,38 |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 2,05 | 1,55 | -0,50 | 75,61 |
| 2.4 | Đất cụm công nghiệp | SKN | 15,3 | - | -15,30 | 0,00 |
| 2.5 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 96,84 | 41,77 | -55,07 | 43,13 |
| 2.6 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 63,72 | 39,22 | -24,50 | 61,55 |
| 2.8 | Đất S. xuất vật liệu XD, làm đồ gốm | SKX | 35,37 | 4,05 | -31,32 | 11,45 |
| 2.9 | Đất PTHT cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | DHT | 1.413,54 | 1.575,58 | 162,04 | 111,46 |
| 2.11 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 18,01 | 17,41 | -0,60 | 96,67 |
| 2.12 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV | 1,75 | 1,42 | -0,33 | 81,14 |
| 2.13 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 546,96 | 526,66 | -20,30 | 96,29 |
| 2.14 | Đất ở tại đô thị | ODT | 115,5 | 120,27 | 4,77 | 104,13 |
| 2.15 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 19,98 | 16,09 | -3,89 | 80,53 |
| 2.16 | Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | 1,36 | 1,29 | -0,07 | 94,85 |
| 2.19 | Đất cơ sở tín ngưỡng | TIN | 35,28 | 30,45 | -4,83 | 86,31 |
| 2.20 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | 769,79 | 486,02 | -283,77 | 63,14 |
| 2.21 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | 124,77 | 152,7 | 27,93 | 122,39 |
| 2.22 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK | 0,05 | - | -0,05 | 0,00 |
| 3 | Đất chưa sử dụng | CSD | 416,37 | 555,67 | 139,30 | 133,46 |

*(Số liệu do phòng Tài nguyên và Môi trường huyên cung cấp)*

Kết quả thực hiện :

- Có 11/29 chỉ tiêu đạt >= 100% (chiếm 37,93%), gồm: nhóm đất nông nghiệp (đất nông nghiệp, đất trồng lúa, đất chuyên trồng lúa nước, đất trồng cây hàng năm khác, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất, đất làm muối); đất phi nông nghiệp (đất phát triển hạ tầng, đất ở tại đô thị, đất có mặt nước chuyên dùng), đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.

- Có 10/29 chỉ tiêu đạt trên 70-100% (chiếm 34,48%), gồm: nhóm đất nông nghiệp (đất trồng cây hàng lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản); nhóm đất phi nông nghiệp (đất phi nông nghiệp; đất an ninh; đất ở nông thôn, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp; đất sinh hoạt cộng đồng; đất khu vui chơi giải trí; đất xây dựng trụ sở cơ quan; đất cơ sở tín ngưỡng;).

- Có 03/30 chỉ tiêu đạt 50-70% (chiếm 10,34%) thuộc nhóm đất nông nghiệp (đất nông nghiệp khác), đât phi nông nghiệp (đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối). - Có 05/30 chỉ tiêu đạt dưới 50% (chiếm 17,25%); gồm nhóm đất phi nông nghiệp (đất quốc phòng, đất cụm công nghiệp, đất thương mại dịch vụ, đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm; đất phi nông nghiệp khác)

Nhận xét:

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Điều chỉnh QHSD đất đến năm 2020 đạt mức trung bình khá, có 21/29 chỉ tiêu đạt trên 70%, đạt 72,41% các chỉ tiêu quy hoạch đất được UBND tỉnh xét duyệt đến năm 2020.

- Đất nông nghiệp thực hiện đạt 107,54% so với chỉ tiêu Điều chỉnh QHSD đất được duyệt đến năm 2020, Trong đó đất trồng lúa đạt 103,75% cao hơn 127,51 ha, nguyên nhân chủ yếu do có nhiều công trình dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, khu đô thị chưa thực hiện nên chưa chuyển đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp theo quy hoạch. Như vậy kết quả sử dụng đất nông nghiệp và đặc biệt là đất trồng lúa đạt cao so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt vừa có tính chất tích cực do xác định diện tích chính xác hơn nhưng cũng hàm chứa những hạn chế yếu kém do chưa đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng và khu đô thị như quy hoạch đề ra.

- Đất phi nông nghiệp thực hiện ở mức trung bình đạt 80,87% so với chỉ tiêu Điều chỉnh QHSD đất được duyệt đến năm 2020, thấp hơn 721,18 ha là do có nhiều công trình, dự án có quy mô diện tích sử dụng đất lớn chưa thực hiện được. Các chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp đạt thấp đã hạn chế tốc độ chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ công nghiệp của huyện.

3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

3.2.1. Những mặt đạt được

- Công tác quản lý nhà nước về đất đai thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được tăng cường. Đất đai được sử dụng đúng mục đích, hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả. Việc chuyển mục đích sử dụng đất được đánh giá chi tiết cụ thể hơn, tránh được những rủi ro, làm hoang hóa đất đai.

- Nhìn chung việc bố trí quỹ đất đáp ứng nhu cầu xây dựng hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ, chỉnh trang và xây dựng mới khu dân cư nông thôn và đô thị. Đất phi nông nghiệp được sử dụng đúng yêu cầu mục đích sử dụng, quản lý chặt chẽ việc chuyển đất sản xuất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp, nhất là việc sử dụng đất trồng lúa.

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được thưc hiện có hiệu quả, ngăn chăn kịp thời những vi phạm trong công tác quản lý sử dụng đất đai đồng thời đưa ra những giải pháp, biện pháp xử lý kịp thời cho các chủ sử dụng đất, theo đúng quy định của Pháp luật không để những vi phạm đáng tiếc xảy ra.

- Trình tự, thủ tục lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đất đai và các quy định khác có liên, đảm bảo tính pháp lý, phục vụ tốt cho công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã góp phần khai thác tốt hơn nguồn lực đất đai; làm cho việc sử dụng đất đai ngày càng tiết kiệm và đạt được hiệu quả cao. Nguồn thu từ đất trở thành nguồn lực quan trọng của huyện và đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế và tăng thu ngân sách trong giai đoạn 2015 - 2020.

3.2.2. Những tồn tại và nguyên nhân

Công tác dự báo, đánh giá thẩm định các công trình, dự án còn mang nặng tính hình thức, chưa phân tích thông tin đầu vào về hiện trạng kinh tế - xã hội, cũng như xác định các vấn đề, tầm nhìn, chiến lược dài hạn ,chưa xác định được tính khả thi của các hạng mục công trình dự án trong kỳ quy hoạch dẫn tới tình trạng đăng ký danh mục công trình nhưng tính khả thi không cao, làm chậm tiến độ thực hiện.

Việc thực hiện các các công trình, dự án trên địa bàn huyện chủ yếu là phụ thuộc vào Ngân sách Nhà nước nên các công trình, dự án thực hiện bị kéo dài gây ảnh hưởng đến đời sống sản xuất của nhân dân.

Trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc xây dựng quy hoạch sử dụng đất và nhất là việc thực hiện vẫn còn quy định rất chung, chưa gắn với trách nhiệm đến từng cá nhân được giao thẩm quyền. Việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt chưa được các cấp, các ngành quan tâm đúng mức, sự phối hợp giữa các ngành có liên quan đến sử dụng đất chưa thực sự chặt chẽ và đồng bộ.

Một số dự án sau khi được chấp thuận chưa tập trung tìm giải pháp quyết liệt trong công tác giải phóng mặt bằng dẫn đến tiến độ thực hiện còn chậm làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Nhận thức của một bộ phận người dân về pháp luật đất đai còn hạn chế, cũng như ý thức trách nhiệm của một số công dân chưa tốt đã gây khó khăn cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được tiến hành lập từ năm 2016, đến năm 2019 mới được UBND tỉnh phê duyệt, như vậy thời gian thực hiện chỉ có 02 năm. Điều này đã gây ra khó khăn, làm chậm tiến độ triển khai thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn huyện.

Giai đoạn 2015 – 2020, trong bối cảnh Chính phủ thắt chặt chi tiêu công nhằm kiềm chế lạm phát, việc phân bổ nguồn vốn ngân sách để thực hiện các dự án đầu tư, nhất là các dự án cơ sở hạ tầng thúc đẩy phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn; trong khi nhu cầu vốn đầu tư là rất lớn.

Việc đánh giá, thẩm định kinh phí dự toán các công trình dự án thường bị kéo dài do vướng nhiều thủ tục hành chính, thiếu các Văn bản quy định chi tiết cụ thể nên khó khăn cho cán bộ chuyên môn thẩm định.

3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới.

Quy hoạch sử dụng đất phải được lập và phê duyệt sát với thực tiễn trên cơ sở phân tích, dự báo có tính khoa học nhu cầu đầu tư các dự án đầu tư có sử dụng đất và có tính đến sự vận động của thị trường quyền sử dụng đất trong thị trường bất động sản.Việc xác định nhu cầu sử dụng đất cần cân nhắc kỹ, phù hợp với khả năng bố trí nguồn vốn để thực hiện, tránh tình trạng dự án treo, làm lãng phí nguồn tài nguyên đất và ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của người dân.

Quá trình lập Quy hoạch sử dụng đất phải đảm bảo nguyên tắc được lập từ tổng thể đến chi tiết; quy hoạch sử dụng đất của cấp dưới phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của cấp trên; kế hoạch sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Quy hoạch, kế hoạch của các ngành, lĩnh vực, địa phương có sử dụng đất phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Phải có sự phối hợp đồng bộ từ các Sở, ngành, và UBND huyện đến UBND xã trong tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là điều kiện tiên quyết đảm bảo cho sự thành công của mỗi kỳ quy hoạch, kế hoạch;

Cần phải thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thi công các công trình, dự án để chủ đầu tư thực hiện đúng theo QH, KHSD đất được duyệt.

Tiếp tục thực hiện cải cách cách thủ tục hành chính, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai để tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư và nhân dân khai thác tiềm năng đất đai, chuyển mục đích sử dụng đất thuận lợi hơn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Các dự án đã đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong kỳ quy hoạch, KHSD thì cần huy động nguồn vốn, nguồn lực để thực hiện.

Đổi mới công tác lập quy hoạch, nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo hướng tiếp cận phương pháp tiên tiến; quan tâm đến vấn đề kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, mục tiêu bảo đảm an ninh lượng thực, có tính đến tác động của biến đổi khí hậu; tạo sự đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây dựng; có phân tích không gian nhu cầu sử dụng đất; công khai và tham vấn các bên liên quan trong quá trình lập quy hoạch.

IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI

Lộc Hà là Lộc Hà là vùng đất lịch sử văn hóa lâu đời, với lợi thế tiềm năng thiên nhiên ban tặng. Diện tích đất sử dụng cho các mục đích phi nông nghiệp tuy chiếm tỷ lệ thấp nhưng có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, khai thác hợp lý bền vững nguồn tài nguyên trên địa bàn huyện. Vì vậy sử dụng đất cho nông nghiệp và sử dụng đất cho mục đích phi nông nghiệp là 2 đối tượng chính để đánh giá tiềm năng đất đai.

4.1. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp.

*-* Dựa vào mức độ phổ biến và yêu cầu sử dụng đất của các loại hình sử dụng đất đang tồn tại trên địa bàn huyện để xác định các loại hình sử dụng đất và đánh giá khả năng thích nghi đất đai cho các mục đích:

*\* Đất trồng lúa:* Hiện trạng năm 2020 có trên 8.092,15 ha. Điều kiện mở rộng đất lúa rất ít, khả năng chuyển đổi trồng cây hàng năm sang rất hạn chế. Diện tích đất lúa có chiều hướng giảm dần do chuyển sang đất xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển đô thị.....

*\* Đất trồng cây hàng năm còn lại:* Năm 2020 có khoảng 883,85 ha; chủ yếu là trồng đậu, ngô, lạc, cây thức ăn gia súc... Khả năng chuyển đổi giữa các cây trồng này rất linh động, đã hình thành những vùng cây trồng tập trung

*\* Đất trồng cây lâu năm:* Đất trồng cây lâu năm hiện có 940,58 ha.

*\* Đất lâm nghiệp:* Điều kiện Khí hậu, thổ nhưỡng của huyện thích hợp cho phát triển rừng.

*\* Đất nuôi trồng thủy sản:* Hiện trạng năm 2020 có 318,84 ha đất nuôi trồng thủy sản (chủ yếu là tôm, hến, cua, cá mú, cá mè, cá diêu hồng....), việc các hộ dân áp dụng công nghệ khoa học vào nuôi trồng thủy sản làm tăng năng suất hàng năm, đưa lại thu nhập lớn cho người dân. Điều kiện của huyện phù hợp cho phát triển nuôi trồng thủy sản.

4.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp.

\* Tiềm năng đất phát triển công nghiệp

- Huyện Lộc Hà có nhiều tiềm năng để phát triển công nghiệp, đặc biệt là chế biến nông sản, thủy hải sản. Các sản phẩm chế biến từ con mực vùng Của Sót của huyện Lộc Hà, hay từ các sản phẩm từ cây chè của xã Hồng Lộc đã được Sở Khoa học và Công nghệ và đơn vị tư vấn triển khai dự án tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiện chứng nhận thương hiệu, giúp cho sản phẩm được thị trường đón nhận.

- Công nghiệp khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng: Lĩnh vực này bao gồm sản xuất ngói, gạch xây, đá, cát sỏi,... Tuy nhiên nguồn tài nguyên này trên địa bàn huyện không nhiều.

\* Tiềm năng đất phát triển hạ tầng cơ sở (giao thông, thuỷ lợi, chuyển dẫn năng lượng, truyền thông,...).

Là địa bàn có mật độ dân cư và mật độ xây dựng còn thấp nên việc mở rộng đất cho phát triển hạ tầng kỹ thuật có nhiều thuận lợi. Những năm gần đây, huyện đã tạo cơ chế chính sách, điều kiện thuận lợi để huy động các nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng, nhiều công trình, dự án lớn đã và đang được triển khai, hình thành diện mạo mới cho toàn huyện như: Nâng cấp tuyến đường ven biển, cụm công nghiệp Thạch Kim, Thạch Bằng, hạ tầng khu nuôi trồng thuỷ sản Mai Phụ - Hộ Độ; khu biệt thự nghỉ dưỡng, khách sạn, nhà hàng cao cấp,...

\* Xây dựng, mở rộng đô thị và khu dân cư

Đô thị huyện Lộc Hà vừa mới được thành lập nên nhiều hàng mục cồng trình cần tiếp tục được đầu tư phát triển, xây dựng các khu dân cư tập trung.

\* Tiềm năng đất đai phát triển du lịch - dịch vụ

Do nằm ở ven biển, địa hình có sông, có núi, có đường bờ biển trải dài 12 km, với bãi cát dài, phẳng, mịn, bãi tắm thoải, sóng nhẹ và đang rất hoang sơ; có nguốn thuỷ hải sản lớn (chiếm 60% thị phần toàn tỉnh), nếu được đầu tư khai thác hợp lý thì nơi đây hoàn toàn có thể phát triển du lịch du lịch sinh thái, du lịch biển là một lợi thế lớn so với các khu vực khác.

Vùng đất Lộc Hà mang dấu ấn văn hoá tiêu biểu, với các di tích lịch sử, văn hoá, danh thắng từ lâu đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân trong và ngoài vùng là tiền đề cho phát triển loại hình du lịch văn hoá, tâm linh.

Các yếu tố bên ngoài như: Giao thông được đầu tư kết nối thuận lợi, gần với thành phố Hà Tĩnh,… là những yếu tố rất thuận lợi để thúc đẩy du lịch phát triển.

Từ khi huyện Lộc Hà ra đời đến nay, du lịch tắm biển đã hình thành. Bãi tắm Xuân Hải - Thạch Bằng hàng năm đã đón tiếp hàng ngàn lượt du khách, riêng năm 2009, đã có hơn 9000 lượt. Cùng với sự ra đời của Bãi tắm Xuân Hải, nhiều hộ dân đã mạnh dạn thuê đất, đầu tư các nhà hàng ăn uống nhằm phục vụ du khách từ nguồn thực phẩm sản xuất, khai thác tại quê hương như: tôm, cua, cá, ghẹ, mực, nghêu, sò,… Nguồn thuỷ hải sản Lộc Hà được đánh giá là tươi, ngon, phong phú về chủng loại.

Về du lịch văn hoá - tâm linh: Các di tích lịch sử văn hoá như Chùa Chân Tiên, Kim Dung, Đền Cả, Đền Chiêu trưng Lê Khôi… hằng năm đã đón hàng ngàn du khách trong và ngoài tỉnh. Đặc biệt các ngày lễ hội với các hoạt động văn hoá, thể thao, các trò chơi dân gian phong phú của cư dân vùng biển như đua thuyền, kéo co, chọi gà, vật cù, đi Kà kheo,… đã gây được ấn tượng với du khách.

Tiềm năng, lợi thế hiện có và bước đầu là vậy, tuy nhiên sự phát triển du lịch ở Lộc Hà vẫn còn mang tính tự phát, chưa khai thác một cách có hiệu quả những giá trị từ thiên nhiên và văn hoá quê hương.

PHẦN III

PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá III trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ IV nhiệm kỳ 2020-2025 đã xác định phương hướng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện thời kỳ tới như sau:

1.1.1. Về kinh tế

*1.1.1.1 Tập trung huy động mọi nguồn lực xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao, kiểu mẫu trên địa bàn; xây dựng nâng cao các tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới, đô thị văn minh*

- Tập trung chỉ đạo quyết liệt, phấn đấu đến cuối năm 2025, có 06 xã đạt xã nông thôn mới nâng cao, 03 xã đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu; huyện giữ vững và nâng cao các tiêu chí huyện nông thôn mới, tiến tới đưa thị trấn Lộc Hà đạt đô thị văn minh. Tiếp tục triển khai mạnh mẽ chương trình xây dựng nông thôn mới, hướng vào các nội dung thực sự thiết thực, bền vững, cải thiện trực tiếp điều kiện sống cho nhân dân. Phát huy phong trào xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu trên diện rộng, từng bước tiếp cận mô hình khu dân cư nông thôn mới thông minh, hiện đại, chú trọng bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, hình thành các giá trị, ý thức văn hóa mới, văn minh trong cộng đồng nông thôn mới.

- Tập trung rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới phù hợp với quy hoạch huyện nông thôn mới và Chương trình phát triển đô thị Lộc Hà; đảm bảo sự kết nối để nông thôn phát triển hướng tới đô thị và đô thị gắn với nông thôn, tạo sự kết nối tổng thể giữa phát triển sản xuất nông nghiệp, kết cấu hạ tầng nông thôn, nhất là hạ tầng sản xuất, giao thông, thủy lợi, nước sạch,... với hạ tầng công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch đảm bảo đồng bộ.

- Tiếp tục chỉ đạo các xã đã đạt chuẩn duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí, luôn cập nhật và thực hiện theo chuẩn mới, đi vào chiều sâu, thiết thực, phù hợp, phục vụ sự phát triển nông thôn. Chú trọng phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho nhân dân; nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế nông thôn, nhất là xây dựng, phát triển các chuỗi liên kết sản xuất gắn với bảo quản, chế biến sản phẩm. Đẩy mạnh công tác giữ gìn, bảo vệ môi trường; bảo tồn, phục dựng và phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống. Xây dựng nông thôn mới bền vững, gắn với phát triển đô thị, hướng tới nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và đô thị văn minh.

- Tiếp tục đầu tư phát triển ngành nông, lâm, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, gắn với liên kết hóa, doanh nghiệp hóa trong tất cả các khâu từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm; cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chú trọng phát triển mạnh các sản phẩm chủ lực, xây dựng thương hiệu hàng hóa

- Đẩy mạnh liên kết sản xuất, ứng dụng công nghệ cao. Từng bước nghiên cứu, đổi mới chính sách về đất đai trong nông nghiệp, theo hướng: Ưu tiên quỹ đất đầu tư các dự án phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, hiện đại, các dự án công nghiệp bảo quản, chế biến và dịch vụ nông nghiệp; tạo cơ chế cho các tổ chức, cá nhân tích tụ, tập trung đất đai sản xuất nông nghiệp theo hình thức thuê đất, góp đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bảo đảm hài hòa lợi ích, tuân thủ pháp luật và phát triển bền vững.

- Chuyển đổi linh hoạt cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; điều chỉnh hợp lý quy mô và ổn định diện tích sản xuất lúa; chuyển đổi sang các loại cây trồng cạn, rau củ quả có giá trị gia tăng cao hơn. Vùng Trà Sơn tập trung phát triển các loại cây ăn quả, cây lâm nghiệp chất lượng cao, cây dược liệu, gắn với phát triển chăn nuôi.

- Xây dựng các chính sách khuyến khích các loại hình chăn nuôi, nuôi trồng thủy hải sản chất lượng cao, quy mô lớn, hiện đại. Rà soát, tổ chức lại ngành chăn nuôi theo hướng mở rộng đối tượng nuôi, quy mô đàn theo nhu cầu thị trường; phát triển bền vững các chuỗi liên kết chăn nuôi lợn, bò, gia cầm trang trại quy mô lớn, kiểm soát chặt chẽ về bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh, công nghệ cao; chấn chỉnh quản lý quy hoạch các vùng nuôi, đảm bảo môi trường, an toàn dịch bệnh, phát triển bền vững. Nâng cao năng lực, ứng dụng khoa học, kỷ thuật cho ngư dân; đẩy mạnh khai thác, đánh bắt xa bờ, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, dịch vụ nghề cá, gắn với phòng, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Thực hiện chương trình “Mỗi xã một sản phẩm - OCOP” hướng vào nâng cao tiêu chuẩn, chất lượng, giá trị và thương hiệu các sản phẩm đặc sản, đặc trưng của vùng miền, địa phương; gắn với phát triển thương mại, du lịch, dịch vụ nông thôn.

*1.1.1.3. Tiếp tục rà soát, bổ sung, xây dựng các quy hoạch đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, đúng định hướng. Xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội*

- Trên cơ sở Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các quy hoạch phù hợp với thực tiễn. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch. Chấn chỉnh công tác quản lý đầu tư và xây dựng, chú trọng công tác giám sát chất lượng công trình. Giải quyết tốt những tồn đọng của nhiệm kỳ 2015 - 2020.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp triển khai các dự án trên địa bàn, đặc biệt là các dự án lớn nhằm phát huy tốt nguồn lực của các doanh nghiệp; Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực xã hội hóa đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Làm tốt công tác GPMB tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án thi công đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng công trình; thúc đẩy công tác chuẩn bị đầu tư để triển khai xây dựng các dự án.

- Xúc tiến kêu gọi đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị, xây dựng đô thị văn minh; khu quy hoạch du lịch biển; lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; đẩy nhanh thực hiện các dự án phát triển quỹ đất, xây dựng cơ sở hạ tầng, tổ chức đấu giá đất và cho thuê đất để phát triển các cơ sở dịch vụ, du lịch. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá huy động các nguồn lực đầu tư, nhất là xã hội hóa đầu tư hạ tầng dịch vụ y tế, giáo dục, thương mại, du lịch, dịch vụ; huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng để phấn đấu hoàn thành huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiễu mẫu, đô thị văn minh.

- Tập trung huy động nguồn lực hoàn thành các dự án trọng điểm để tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội như: Các dự án giao thông kết nối về trung tâm huyện; đường từ chùa Hương Tích đến Quốc lộ ven biển huyện Lộc Hà, Hệ thống đường giao thông khu đô thị Thị trấn Lộc Hà, đường vành đai du lịch núi Bằng Sơn, đường du lịch dọc bờ biển...

*1.1.1.4. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; thương mại, du lịch, dịch vụ*

- Tiếp tục huy động các nguồn lực từ ngân sách, xã hội hóa đầu tư từ doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các nguồn hỗ trợ để hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đầu tư phát triển sản xuất tại cụm công nghiệp Thị trấn Lộc Hà theo quy hoạch. Tập trung phát triển mạnh chế biến thuỷ hải sản, dịch vụ hậu cần nghề cá; tăng cường xúc tiến, mời gọi đầu tư, đồng thời thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp Thị trấn; chú trọng phát triển các loại hình tiểu thủ công nghiệp quy mô nhỏ ở nông thôn, tạo điều kiện các thành phần kinh tế phát triển.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả nghị quyết, đề án phát triển thương mại, du lịch và dịch vụ giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi nhất để các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ các dự án về du lịch, khai thác có hiệu quả lợi thế thương mại ở khu du lịch biển, Trung tâm hành chính huyện và dọc tuyến đường Quốc lộ 15B. Nâng cấp cải tạo, xây dựng hệ thống chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, chuỗi cửa hàng tiện lợi, gắn với chuyển đổi mô hình quản lý chợ; khuyến khích, kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư phát triển hạ tầng trung tâm thương mại, chợ, siêu thị mini, cửa hàng tiện ích…, phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân và du khách.

- Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, khai thác lợi thế về du lịch văn hóa, sinh thái và cảnh quan thiên nhiên gắn với phát triển các khu du lịch văn hóa, tâm linh, sinh thái như: Đền Vua Mai, chùa Chân Tiên, chùa Kim Dung, chùa Trúc Lâm Thanh Lương, đền Lê Khôi... để hình thành các tour du lịch. Chú trọng phát triển hệ thống nhà hàng, khách sạn và các khu giải trí theo quy hoạch. Chỉ đạo các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án để thúc đẩy ngành du lịch phát triển.

- Chú trọng cải thiện chất lượng dịch vụ du lịch, nhất là dịch vụ ăn uống; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về du lịch Lộc Hà; phát huy tiềm năng lợi thế du lịch biển.

- Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, phát triển thị trường tiêu thụ trong tỉnh. Thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển thương mại nông thôn gắn với xây dựng đô thị văn minh đến năm 2025. Hoàn thành chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh và khai thác chợ đảm bảo có hiệu quả; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư xây dựng chợ, trung tâm thương mại. Tăng cường các biện pháp quản lý thị trường, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại.

*1.1.1.5. Đẩy mạnh thu ngân sách, kiểm soát chặt chẽ các nhiệm vụ chi*

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thu, chi ngân sách, chống thất thu thuế, thực hiện triệt để tiết kiệm chi, tổ chức khai thác tốt các nguồn thu; ưu tiên giải quyết các khoản nợ đọng; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong ngành thuế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế. Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng hiệu quả, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, đảm bảo chi cho con người, an sinh xã hội và chi cho quốc phòng, an ninh. Quản lý chặt chẽ dự phòng ngân sách và tiết kiệm chi để chủ động phòng chống thiên tai, dịch bệnh và triển khai các chính sách an sinh xã hội.

*1.1.1.6.*  *Huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển*

- Tạo điều kiện thuận lợi để huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế đầu tư kết cấu hạ tầng bằng các hình thức phù hợp, đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa trong các lĩnh vực: giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường... Tiếp tục tranh thủ các dự án sử dụng nguồn vốn ODA, các dự án hỗ trợ của các Tổ chức phi Chính phủ (NGO)...

- Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sát với tình hình thực tiễn, để đảm bảo yêu cầu phát triển. Tăng cường quản lý các dự án đầu tư xây dựng và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước, lựa chọn các dự án phải đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội. Các cấp có thẩm quyền và người quyết định đầu tư chịu trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực và chương trình đã được phê duyệt và phù hợp với nguồn vốn đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2020 - 2025.

- Tập trung đầu tư xây dựng và tạo bước đột phá về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế. Đẩy nhanh tiến độ triển khai đầu tư các dự án, công trình quan trọng làm động lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

*1.1.1.7. Tăng cường quản lý nhà nước về tài nguyên và bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu*

- Hoàn thành công tác lập và thực hiện có hiệu quả Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu 2021 - 2025 cấp huyện, xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm đảm bảo sát tình hình thực tế, đảm bảo việc thực hiện kế hoạch đạt từ 70% trở lên. Tập trung xử lý các tồn đọng về đất đai trên địa bàn, nhất là xử lý những tồn đọng về quản lý đất đai trên địa bàn Thị trấn; tăng cường kiểm tra, giám sát dự án đầu tư sau khi được giao đất, không để tình trạng dự án treo, chậm tiến độ, gây lãng phí quỹ đất, dư luận trong nhân dân. Quản lý chặt chẽ công tác khai thác khoáng sản; kiểm tra, xử lý dứt điểm đối với hoạt động khai thác khoáng sản trái phép.

- Thực hiện tốt Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, tăng cường kiểm tra, khuyến cáo, hướng dẫn, xử lý về môi trường các cơ sở kinh hoanh, các trang trại, gia trại trên địa bàn; xây dựng hồ sơ địa chính gắn với đo đạc bản đồ địa chính. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn toàn huyện. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng. Thực hiện tốt công tác GPMB các công trình, dự án triển khai trên địa bàn, nhất là các công trình trọng điểm của tỉnh, huyện. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát và quản lý chặt chẽ công tác quản lý nhà nước về khoáng sản. Thực hiện tốt công tác thiết lập và quản lý hành lang bờ biển.

*1.1.2. Về văn hóa - xã hội*

1.1.2.1. Đổi mới nội dung, hình thức phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới; nâng cao chất lượng các danh hiệu gia đình, làng xã, đơn vị văn hóa. Huy động nguồn lực đầu tư từ ngân sách kết hợp xã hội hóa đầu tư để phục hồi, nâng cấp, phát huy tốt hơn giá trị di tích lịch sử văn hóa; Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực di sản văn hóa trên địa bàn. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn lực đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao. Chú trọng phát triển cả thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao. Tiếp tục triển khai Đề án làng văn hóa du lịch Nam Sơn xã Thịnh Lộc. Tăng cường chỉ đạo công tác xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, cơ quan đơn vị văn hóa. Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ làng văn hóa đạt 100%; Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt trên 92%; Tỷ lệ gia đình thể thao đạt trên 45%.

1.1.2.2. Thực hiện các giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; chú trọng chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh; nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ; chú trọng giảm tải trong dạy học; chống bệnh thành tích trong ngành; củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS. Tập trung thực hiện quy hoạch hệ thống trường lớp và sắp xếp bố trí hợp lý đội ngũ giáo viên theo Đề án phát triển giáo dục mầm non, phổ thông đến năm 2025. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục chất lượng cao, nhất là giáo dục mầm non. Củng cố cơ sở vật chất trường lớp, ưu tiên nguồn lực đầu tư kiên cố hoá trường học, xây dựng trường trọng điểm, đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn. Tăng cường hợp tác, đa dạng hóa các loại hình liên kết đào tạo.

1.1.2.3. Kiện toàn tổ chức bộ máy ngành y tế theo Đề án sắp xếp tinh giản bộ máy biên chế ngành. Phát triển hệ thống y tế theo hướng hiện đại, coi y tế dự phòng là then chốt, y tế cơ sở là nền tảng. Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ y tế, tạo điều kiện phát triển các cơ sở y, dược ngoài công lập đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của nhân dân (phấn đấu 100% người dân được quản lý sức khỏe theo mô hình quản lý sức khỏe gia đình đến năm 2025). Thực hiện có hiệu quả việc tiếp nhận và triển khai các kỹ thuật được chuyển giao theo Đề án bệnh viện vệ tinh tại bệnh viện đa khoa huyện.

Chủ động giám sát dịch, phát hiện, phòng chống sớm, không để các dịch bệnh lớn xảy ra, đặc biệt là các bệnh dịch mới phát sinh. Thanh tra, kiểm tra để thực hiện tốt công tác an toàn thực phẩm, hành nghề y dược, quản lý chất lượng thuốc. Tăng cường tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHYT nhằm tăng tỷ lệ bao phủ BHYT của huyện đạt trên 95% dân số. Nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản. Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số.

1.1.2.4. Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chương trình, đề án, dự án về giảm nghèo, an sinh xã hội; phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 75%; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 2,5%. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ ưu đãi người có công, tiếp tục quan tâm hỗ trợ nhà ở. Tăng cường công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tập trung đào tạo, phát triển thị trường lao động, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm cho người dân, nhất là ở vùng bị thiên tai, sự cố môi trường. Thực hiện tốt chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động. Tổ chức thực hiện tốt chương trình, dự án về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

1.1.2.5. Tăng cường cải cách hành chính, tập trung siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng, ban chuyên môn; kịp thời xử lý những vấn đề bức xúc trong dư luận, tạo sự ổn định để phát triển. Chỉ đạo đổi mới, sắp xếp tinh giản tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết TW6 khóa XII. Triển khai thực hiện Đề án sát nhập Trung tâm y tế dự phòng, Trung tâm Dân số - KHHGĐ thành Trung tâm y tế đa chức năng. Thực hiện kiên quyết và đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thành công bầu cử Đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

*1.1.3. Quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội*

- Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, chiến lược đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình mới. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, biên phòng toàn dân vững mạnh; xây dựng khu vực phòng thủ huyện vững chắc, từng bước đầu tư xây dựng các công trình trong khu căn cứ chiến đấu của huyện. Kết hợp chặt chẽ giữa củng cố quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội trong từng vùng quy hoạch; chú trọng tuyến biên giới biển và chủ động phòng chống thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng chủ động đấu tranh, ngăn chặn mọi âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị trong mọi thời điểm.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng, phổ biến kiến thức quốc phòng - an ninh cho toàn dân. Quan tâm xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, có cơ chế chính sách đầu tư phương tiện, trang thiết bị cho lực lượng Công an, Quân đội bảo đảm thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, công an xã, lực lượng làm nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự ở cơ sở vững mạnh. Tăng cường phối hợp trong nắm tình hình và tham mưu giải quyết kịp thời, hiệu quả các tình huống, không để bị động, bất ngờ, không để xảy ra “điểm nóng”.

- Đẩy mạnh đấu tranh trấn áp tội phạm; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, kiềm chế, không để gia tăng tội phạm, nhất là tội phạm hoạt động có tổ chức, sử dụng vũ khí, tội phạm ma túy, tội phạm kinh tế; tội phạm mới; đấu tranh đẩy lùi các tệ nạn xã hội; thực hiện đồng bộ các giải pháp kiềm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng và hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Thực hiện tốt công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân ngay từ cơ sở; hạn chế tối đa đoàn đông người và đơn thư khiếu nại, tố cáo vượt cấp. Tăng cường thanh tra việc chấp hành chính sách pháp luật về đất đai và công tác quản lý tài chính ngân sách tại các đơn vị, hoàn thành kế hoạch thanh tra hằng năm. Tập trung vào các giải pháp phòng ngừa, phòng, chống tham nhũng.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý nhà nước về công tác tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật. Tiếp tục quán triệt, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Chỉ thị 18-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW về công tác tôn giáo trong tình hình mới. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại với chức sắc, chức việc tôn giáo để tuyên truyền, vận động, đấu tranh. Tập trung giải quyết tốt tình trạng khiếu kiện về đất đai tôn giáo; kiểm tra, rà soát lại tất cả đất đai nơi thờ tự, sinh hoạt của các tôn giáo trên địa bàn, để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác tôn giáo ở các cấp, các ngành, địa phương, gắn với tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo trong hệ thống chí.

1.2. Quan điểm sử dụng đất.

-. Sử dụng đất đai một cách hợp lý là sử dụng thích hợp với tính chất của từng loại đất, phù hợp với yêu cầu chung của xã hội. Muốn vậy phải căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và căn cứ vào mục đích sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khi giao đất. Trong trường hợp muốn thay đổi mục đích sử dụng đất thì phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đất đai là một loại tài nguyên có hạn, trong khi nhu cầu sử dụng đất của con người là rất lớn và không ngừng tăng lên do nhu cầu sản xuất lương thực để đáp ứng yêu cầu về tăng dân số. Vì vậy sử dụng tiết kiệm tài nguyên đất là một vấn đề có ý nghĩa hết sức to lớn và mang tính toàn cầu.Sử dụng đất chuyên dùng, đất ở cần triệt để tiết kiệm, bố trí sử dụng các loại đất này vừa căn cứ vào điều kiện thực tế và các yêu cầu trước mắt, vừa phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển về lâu dài theo xu hướng tăng dần các tiêu chuẩn về chất lượng môi trường và nâng cao mức sống của nhân dân. Việc tận dụng không gian, phát triển chiều cao của các tòa nhà, khu dân cư, các trung tâm giao dịch hành chính, thương mại, văn hóa... sẽ tạo ra các khoảng không cần thiết trong các khu vực nội thị, đáp ứng nhu cầu phát triển thảm cỏ, vườn hoa, khu giao thông tĩnh, bến bãi đậu xe và sân chơi cho mọi người.

- Bố trí sử dụng đất trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đáp ứng mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh nhằm sử dụng hợp lý, tiết kiệm có hiệu quả nguồn tài nguyên đất.

- Đảm bảo quỹ đất để phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội (giao thông, thủy lợi, văn hóa, thể thao, giáo dục - đào tạo...), phù hợp với quy hoạch chung xây dựng đô thị, và quy hoạch xây dựng nông thôn mới; khai thác triệt để, có hiệu quả đất đai và làm cơ sở xây dựng cơ chế tài chính, tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

- Kết hợp chặt chẽ giữa trồng rừng với khai thác để thúc đẩy phát triển kinh tế rừng.Từng bước hình thành các khu du lịch sinh thái, công viên cây xanh theo hướng khai thác tổng hợp, đồng thời hình thành những vành đai cây xanh đủ lớn, bao quanh huyện kết hợp với các mảng cây xanh đô thị khác... nhằm điều tiết môi trường khí hậu và tăng vẻ đẹp cảnh quan cho huyện.

Trong cơ cấu sử dụng đất chung, cần dành một tỷ lệ thích đáng và hợp lý cho các mục đích chuyên dùng, ưu tiên phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch,... vừa để thực hiện chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế, tăng cường về cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng, vừa tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển của các ngành, các lĩnh vực hiệu quả và ổn định. Mở rộng diện tích đô thị hóa ra vùng ven một cách “trật tự”, có chuẩn bị đầy đủ về cơ sở hạ tầng, được kiểm soát chặt chẽ theo quy hoạch và tổ chức lãnh thổ hợp lý. Song song với quá trình “phân tán dân cư” ra bên ngoài sẽ tập trung chỉnh trang khu trung tâm, có hệ thống cơ sở hạ tầng hoàn thiện cùng các hoạt động kinh tế - xã hội và dịch vụ đô thị văn minh.

2.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng.

2.3.1. Khu vực chuyên trồng lúa nước

Phát triển sản xuất quy mô lớn, Áp dụng các tiến bộ KHKT, khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao, công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản tạo ra nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa, từng bước đưa sản phẩm có giá trị kinh tế cao, bền vững. Đẩy mạnh thâm canh, sử dụng giống lúa năng suất và chất lượng nhằm đảm bảo an ninh lương thực cục bộ và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

2.3.2. Khu vực rừng phòng hộ

Duy trì ổn định diện tích đất rừng, hạn chế tối đa việc chuyển sang các mục đích khác, đầu tư thỏa đáng cho công tác khoanh nuôi, trồng rừng kết hợp với trồng cây nông nghiệp lâu năm để đạt tỷ lệ tán che cao nhất.

2.3.3. Khu vực công nghiệp, cụm công nghiệp

Kêu gọi các nguồn vốn để đầu tư xây dựng các dự án có công nghệ mới, tiên tiến như: chế biến gỗ MDF, sứ vệ sinh cao cấp, gốm mỹ nghệ xuất khẩu, , nhựa dân dụng và công nghiệp, bột tít và sơn tường, chế biến đồ gỗ, ván sàn, chế biến thủy hải sản…

Đến năm 2030 trên địa bàn huyện Lộc Hà có 3 cụm công nghiệp, bao gồm: Cụm Công nghiệp An Thịnh, Cụm công nghiệp Hồng Tân và cụm Công nghiệp Thạch Bằng

Cần hoàn thiện xây dựng hạ tầng, tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút các dự án đầu tư vào các cụm công nghiệp

1.3.4. Khu đô thị - thương mại - dịch vụ

Trên cơ sở định hướng phát triển Quy hoạch chung xây dựng huyện Lộc Hà đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2035; định hướng chương trình phát triển đô thị huyện Lộc Hà giai đoạn từ nay cho đến 2025, tầm nhìn đến năm 2035 để có cơ sở phân vùng phát triển đô thị phù hợp, phân chia giai đoạn phát triển hợp lý với điều kiện phát triển đô thị tại địa phương; đồng thời tạo các dự án động lực chính để thúc đẩy đô thị phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

- Các khu vực trung tâm huyện Lộc Hà và các khu vực dân cư hiện hữu phát triển đô thị trên nguyên tắc chỉnh trang các khu dân cư hiện có về mặt kiến trúc công trình, quản lý quy hoạch, chỉ giới xây dựng, cấp phép xây dựng công trình tuân thủ quy hoạch được duyệt. Các khu vực di tích lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, danh lam thắng cảnh phải được bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị vốn có trong tiến trình đô thị hóa

- Một số không gian đất phát triển nông nghiệp theo quy hoạch chung cần được tôn trọng và hạn chế phát triển đô thị tại các khu vực đất nông nghiệp theo quy hoạch chung; các lưu vực thoát nước chính trên địa bàn huyện cần được tôn trọng và có kế hoạch xây dựng hệ thống tiêu thoát nước theo tiêu chuẩn đô thị.

- Các khu vực phát triển đô thị mới xen kẽ trong khu dân cư cần đầu tư hệ thống thoát nước đồng bộ và có giải pháp vuốt nối cao độ nền với khu vực dân cư hiện hữu; tránh tình trạng chênh cao độ lớn làm ngập úng cục bộ, đảm bảo không gian đô thị hiện đại, văn minh.

1.3.5. Khu du lịch

Lộc Hà là vùng đất lịch sử văn hóa lâu đời, với lợi thế tiềm năng thiên nhiên ban tặng, nơi đây có một hệ thống di tích danh thắng phong phú và đa dạng gắn liền với biển như chùa Chân Tiên, đền Lê Khôi, chùa Kim Dung, biển Xuân Hải... Nơi đây còn nổi tiếng với các làng nghề làm muối ở Hộ Độ, nghề làm dầu lạc ở xã Thạch Châu; nghề làm hương, làm nón, chổi ở xã Thạch Mỹ... Với chiều dài bờ biển trên 12km, sau khi được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng khu du lịch biển với tổng quy mô 400 ha, trong đó, 150 ha dịch vụ và 250 ha khu du lịch cao cấp, huyện Lộc Hà đã tận dụng tối đa lợi thế, tập trung nguồn lực xây dựng bãi biển Xuân Hải trở thành một điểm đến lý tưởng cho du khách gần xa.

Những năm qua, huyện đã hoàn thành đề án phát triển du lịch - TM-DV, giai đoạn 2017 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; công bố quy hoạch phân khu xây dựng khu du lịch biển Lộc Hà tỷ lệ 1/2000 với tổng quy mô hơn 400 ha, quy hoạch xây dựng vùng huyện Lộc Hà đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; hằng năm tổ chức các hoạt động khai trương mùa du lịch biển…, thống nhất phương hướng chung, tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư đến hoạt động trên địa bàn.

II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm: 13,76%.

- Cơ cơ cấu ngành kinh tế: công nghiệp, xây dựng 45,32%; thương mại, dịch vụ, du lịch 37,74%; nông, lâm, ngư, diêm nghiệp 16,94%.

- Giá trị sản phẩm thu hoạch trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản: 125 triệu đồng/ha.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2025 đạt 400 tỷ đồng, trong đó thu nội địa 70 tỷ đồng.

- Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trong nhiệm kỳ 4.400 tỷ đồng.

- Tổng sản lượng lương thực đạt trên 29 vạn tấn.

- Tổng sản lượng đánh bắt, nuôi trồng thủy sản đến năm 2025 đạt 10.605 tấn.

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 70 triệu đồng/người/năm.

- Thành lập mới ít nhất 85 doanh nghiệp, 70 hợp tác xã.

2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế.

\* Phát triển công nghiệp

- Triển khai lập quy hoạch Cụm công nghiệp An - Thịnh, Hồng Tân, Thạch bằng; tập trung phát triển các loại hình tiểu thủ công nghiệp quy mô nhỏ ở nông thôn, tạo điều kiện các thành phần kinh tế phát triển. Huy động các nguồn lực từ ngân sách, xã hội hóa đầu tư từ doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các nguồn hỗ trợ để từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đầu tư phát triển sản xuất tại các Cụm công nghiệp theo quy hoạch

\* Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch biển

- Tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi nhất để các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ các dự án về du lịch. Tiếp tục khuyến khích đầu tư xây mới Trung tâm thương mại theo quy hoạch, phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân và du khách. Chú trọng cải thiện chất lượng dịch vụ du lịch, nhất là dịch vụ ăn uống; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về du lịch Lộc Hà; phát huy tiềm năng lợi thế du lịch biển.

\* Phát triển nông nghiệp

- Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh Cơ cấu lại nông nghiệp, gắn với phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới, với trọng tâm khuyến khích mạnh mẽ doanh nghiệp vào đầu tư nông nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực, gắn với khai thác tiềm năng, lợi thế 3 vùng sinh thái; rà soát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ tái cơ cấu sản xuất, nâng cao hiệu quả các dự án, doanh nghiệp đã và đang đầu tư.

\* Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Thường xuyên kiểm tra tình hình triển khai các dự án đầu tư, kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp triển khai các dự án trên địa bàn, đặc biệt là các dự án lớn nhằm phát huy tốt nguồn lực của các doanh nghiệp; đẩy mạnh thu hút các nguồn lực xã hội hóa đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Làm tốt công tác GPMB tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án thi công đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng công trình; thúc đẩy công tác chuẩn bị đầu tư để triển khai xây dựng các dự án.

2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng

2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ quy hoạch tỉnh.

Phương án Quy hoạch sử dụng đất của huyên Lộc Hà được xây dựng khi chưa có chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ từ quy hoạch tỉnh, vì vậy sẽ tiến hành điều chỉnh, bổ sung khi có số liệu phân bổ từ quy hoạch tỉnh được duyệt trong thời gian tới.

2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Trên cơ sở phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Lộc Hà đến năm 2030 và quy hoạch bổ sung của các ban ngành, các xã, thị trấn nhu cầu sử dụng đất trong kỳ quy hoạch đến năm 2030 được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4: Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất mở rộng thêm của các

ngành, lĩnh vực trong phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

| STT | Chỉ tiêu sử dụng đất | Mã | Diện tích tăng thêm (ha) |
| --- | --- | --- | --- |
|
| 1 | Đất nông nghiệp | NNP | 634,39 |
| 1.1 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 2,2 |
| 1.2 | Đất rừng sản xuất | RSX | 69,3 |
| 1.3 | Đất nuôi trồng thủy sản | NTS | 204,9 |
| 1.4 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 357,99 |
| 2 | Đất phi nông nghiệp | PNN | 1.440,64 |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 100 |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 2,01 |
| 2.3 | Đất cụm công nghiệp | SKN | 190,48 |
| 2.4 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 144,89 |
| 2.5 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 28,49 |
| 2.6 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | SKX | 99 |
| 2.7 | Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, tỉnh, huyện, xã | DHT | 521,44 |
| *2.7.1* | *Đất giao thông* | *DGT* | *313,69* |
| *2.7.2* | *Đất thủy lợi* | *DTL* | *76,43* |
| *2.7.3* | *Đất xây dựng cơ sở văn hóa* | *DVH* | *11,01* |
| *2.7.4* | *Đất xây dựng cơ sở y tế* | *DYT* | *1* |
| *2.7.5* | *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo* | *DGD* | *4,18* |
| *2.7.6* | *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao* | *DTT* | *81,59* |
| *2.7.7* | *Đất công trình năng lượng* | *DNL* | *1,87* |
| *2.7.8* | *Đất công trình bưu chính, viễn thông* | *DBV* | *1,45* |
| *2.7.9* | *Đất có di tích lịch sử - văn hóa* | *DDT* | *1,9* |
| *2.7.10* | *Đất cơ sở tôn giáo* | *TON* | *10,37* |
| *2.7.11* | *Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng* | *NTD* | *15,79* |
| *2.7.12* | *Đất chợ* | *DCH* | *2,16* |
| 2.8 | Đất danh lam thắng cảnh | DDL | 1,9 |
| 2.9 | Đất sinh hoạt cộng động | DSH | 1,48 |
| 2.10 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV | 5,75 |
| 2.11 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 285,43 |
| 2.12 | Đất ở tại đô thị | ODT | 48,42 |
| 2.13 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 5,48 |
| 2.14 | Đất tín ngưỡng | TIN | 5,87 |

2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội huyên Lộc Hà theo Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện Lộc Hà lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020-2025; Tổng hợp nhu cầu phát triển các ngành, lĩnh lực trong giai đoạn 2021-2030 thì đến năm 2030, tổng diện tích tự nhiên huyên Lộc Hà là 11.697,31 ha; cụ thể như bảng sau:

Bảng 5: Phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Lộc Hà

| STT | Chỉ tiêu sử dụng đất | Hiện trạng  năm 2020 (ha) | | Diện tích QH  đến 2030 (ha) | | Tăng (+);  Giảm (-) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Diện  tích (ha) | Cơ cấu (%) | Diện  tích (ha) | Cơ cấu  (%) |
| I | DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN | 11.697,31 | 100,00 | 11.697,31 | 100,00 |  |
| 1 | Đất nông nghiệp | 8.092,15 | 69,18 | 7.191,78 | 61,48 | -900,37 |
| 1.1 | Đất trồng lúa | 3.531,06 | 30,19 | 2.966,63 | 25,36 | -564,43 |
|  | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | 2.950,05 | 25,22 | 2.461,59 | 21,04 | -488,46 |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | 883,85 | 7,56 | 546,06 | 4,67 | -337,79 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | 940,58 | 8,04 | 805,88 | 6,89 | -134,70 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | 1.151,36 | 9,84 | 1.063,65 | 9,09 | -87,71 |
| 1.5 | Đất rừng đặc dụng | - | 0,00 | - | 0,00 | 0,00 |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | 941,72 | 8,05 | 779,91 | 6,67 | -161,81 |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thuỷ sản | 318,84 | 2,73 | 466,54 | 3,99 | 147,70 |
| 1.8 | Đất làm muối | 196,14 | 1,68 | 76,83 | 0,66 | -119,31 |
| 1.9 | Đất nông nghiệp khác | 128,63 | 1,10 | 486,31 | 4,16 | 357,68 |
| 2 | Đất phi nông nghiệp | 3.049,48 | 26,07 | 4.228,89 | 36,15 | 1179,41 |
| 2.1 | Đất quốc phòng | 35,01 | 0,30 | 135,01 | 1,15 | 100,00 |
| 2.2 | Đất an ninh | 1,55 | 0,01 | 3,56 | 0,03 | 2,01 |
| 2.3 | Đất khu công nghiệp | - | 0,00 | - | 0,00 | 0,00 |
| 2.4 | Đất khu chế xuất | - | 0,00 | - | 0,00 | 0,00 |
| 2.4 | Đất cụm công nghiệp | - | 0,00 | 190,48 | 1,63 | 190,48 |
| 2.5 | Đất thương mại, dịch vụ | 41,77 | 0,36 | 186,66 | 1,60 | 144,89 |
| 2.6 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | 39,22 | 0,34 | 67,55 | 0,58 | 28,33 |
| 2.7 | Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |  | 0,00 |  | 0,00 | 0,00 |
| 2.8 | Đất sản xuất vật liệu XD, làm đồ gốm | 4,05 | 0,03 | 103,05 | 0,88 | 99,00 |
| 2.9 | Đất PTHT cấp quốc gia, tỉnh, huyện, xã | 1.575,58 | 13,47 | 2.083,12 | 17,81 | 507,54 |
| *-* | *Đất giao thông* | *923,86* | *7,90* | *1.235,26* | *10,56* | *311,40* |
| *-* | *Đất thủy lợi* | *351,29* | *3,00* | *427,50* | *3,65* | *76,21* |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở văn hóa* | *8,88* | *0,08* | *19,71* | *0,17* | *10,83* |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở y tế* | *7,31* | *0,06* | *8,12* | *0,07* | *0,81* |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở giáo dục-đào tạo* | *45,75* | *0,39* | *45,84* | *0,39* | *0,09* |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao* | *36,33* | *0,31* | *115,92* | *0,99* | *79,59* |
| *-* | *Đất công trình năng lượng* | *0,55* | *0,00* | *2,42* | *0,02* | *1,87* |
| *-* | *Đất công trình bưu chính viễn thông* | *1,29* | *0,01* | *2,74* | *0,02* | *1,45* |
| *-* | *Đất có di tích lịch sử - văn hóa* | *1,32* | *0,01* | *3,22* | *0,03* | *1,90* |
| *-* | *Đất bãi thải, xử lý chất thải* | *7,59* | *0,06* | *6,59* | *0,06* | *-1,00* |
| *-* | *Đất cơ sở tôn giáo* | *12,17* | *0,10* | *22,54* | *0,19* | *10,37* |
| *-* | *Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa* | *171,22* | *1,46* | *183,77* | *1,57* | *12,55* |
| *-* | *Đất chợ* | *8,02* | *0,07* | *9,49* | *0,08* | *1,47* |
| 2.10 | Đất danh lam thắng cảnh | - | 0,00 | 1,90 | 0,02 | 1,90 |
| 2.11 | Đất sinh hoạt cộng đồng | 17,41 | 0,15 | 16,88 | 0,14 | -0,53 |
| 2.12 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | 1,42 | 0,01 | 7,17 | 0,06 | 5,75 |
| 2.13 | Đất ở tại nông thôn | 526,66 | 4,50 | 803,50 | 6,87 | 276,84 |
| 2.14 | Đất ở tại đô thị | 120,27 | 1,03 | 168,49 | 1,44 | 48,22 |
| 2.15 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | 16,09 | 0,14 | 19,91 | 0,17 | 3,82 |
| 2.17 | Đất xây dựng cơ sở ngoại giao |  | 0,00 | 1,29 | 0,01 | 1,29 |
| 2.19 | Đất cơ sở tín ngưỡng | 30,45 | 0,26 | 36,32 | 0,31 | 5,87 |
| 2.20 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | 486,02 | 4,15 | 270,91 | 2,32 | -215,11 |
| 2.21 | Đất có mặt nước chuyên dùng | 152,7 | 1,31 | 133,10 | 1,14 | -19,60 |
| 2.22 | Đất phi nông nghiệp khác | - | 0,00 |  | 0,00 | 0,00 |
| 3 | Đất chưa sử dụng | 555,67 | 4,75 | 276,64 | 2,36 | -279,04 |

*2.2.3.1. Nhóm đất nông nghiệp*

\* Trong giai đoạn 2021-2030, đất nông nghiệp biến động giảm 1.534,76 ha do chuyển sang mục đích phi nông nghiệp. Cụ thể, chuyển sang các loại đất:

- Đất quốc phòng : 100 ha

- Đất công an: 1,43 ha

- Đất cụm công nghiệp : 153,51 ha

- Đất thương mại, dịch vụ : 114,51 ha

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 25,54 ha

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 71 ha

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã : 455,08 ha. Trong đó:

+ Đất giao thông : 277,13 ha

+ Đất thủy lợi : 65,18 ha

+ Đất cơ sở văn hóa : 9,01 ha

+ Đất cơ sở y tế : 1 ha

+ Đất cơ sở giáo dục và đào tạo : 3,07 ha

+ Đất cơ sở thể dục thể thao : 70,82 ha

+ Đất công trình năng lượng : 1,15 ha

+ Đất công trình bưu chính, viễn thông : 0,96 ha

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 1,9 ha

+ Đất cơ sở tôn giáo : 8,22 ha

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng : 14,59 ha

+ Đất chợ: 2,05 ha

- Đất danh lam thắng cảnh: 1,9 ha

- Đất sinh hoạt cộng đồng: 1,11 ha

- Đất khu vui chơi giải trí công cộng: 4,32 ha

- Đất ở tại nông thôn : 263,17 ha

- Đất ở tại đô thị: 37,51 ha

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 4,35 ha

Và chu chuyển nội bộ trong đất nông nghiệp 297,6 ha (đất trồng cây lâu năm 2,2 ha, đất nuôi trồng thủy sản 70,8 ha, đất nông nghiệp khác 224,6 ha).

\* Trong giai đoạn 2021-2030, đất nông nghiệp biến động tăng 634,39 ha do lấy trên các loại đất: đất chưa sử dụng vào sử dụng 144,91 ha; đất phi nông nghiệp 191,88 ha và chu chuyển nội bộ trong đất nông nghiệp 297,6 ha.

\* Đến năm 2030, huyện có 7.191,78 ha đất nông nghiệp, thấp hơn so với hiện trạng năm 2021 là 900,37 ha (thực giảm). Diện tích đất nông nghiệp được phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn như sau:

Bảng 6. Chỉ tiêu quy hoạch đất nông nghiệp

| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Diện tích (ha) | Biến động |
| 1 | Xã Bình An | 724,98 | 634,37 | -90,61 |
| 2 | Xã Hộ Độ | 359,58 | 310,94 | -48,64 |
| 3 | Xã Hồng Lộc | 1.745,27 | 1.512,87 | -232,4 |
| 4 | Xã Ích Hậu | 578,25 | 592,69 | 14,44 |
| 5 | Xã Mai Phụ | 314,37 | 314,49 | 0,12 |
| 6 | Xã Phù Lưu | 571,72 | 523,44 | -48,28 |
| 7 | Xã Tân Lộc | 944,79 | 899,94 | -44,85 |
| 8 | Xã Thạch Châu | 517,36 | 483,53 | -33,83 |
| 9 | Xã Thạch Kim | 3,66 | 2,96 | -0,70 |
| 10 | Xã Thạch Mỹ | 737,90 | 673,57 | -64,33 |
| 11 | Thị trấn Lộc Hà | 493,70 | 319,31 | -174,39 |
| 12 | Xã Thịnh Lộc | 1.100,57 | *923,67* | *-176,9* |
| Toàn huyện | | 8.092,15 | 7.191,78 | -900,37 |

Cụ thể các loại đất như sau:

a) Đất trồng lúa

\* Trong giai đoạn 2021 - 2030, đất trồng lúa giảm 564,43 ha do chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp là 89,34 ha, chuyển sang đất phi nông nghiệp là 475,09 ha.

\* Đến năm 2030, huyện có 7.191,78 ha đất trồng lúa, thấp hơn 900,37 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích đất trồng lúa được phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn như sau:

Bảng 7. Chỉ tiêu quy hoạch đất trồng lúa

| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Diện tích (ha) | Biến động |
| 1 | Xã Bình An | 394,49 | 345,65 | -48,84 |
| 2 | Xã Hồng Lộc | 518,31 | 436,74 | -81,57 |
| 3 | Xã Ích Hậu | 458,58 | 412,64 | -45,94 |
| 4 | Xã Mai Phụ | 91,30 | 66,43 | -24,87 |
| 5 | Xã Phù Lưu | 392,74 | 313,62 | -79,12 |
| 6 | Xã Tân Lộc | 497,83 | 472,50 | -25,33 |
| 7 | Xã Thạch Châu | 305,43 | 243,13 | -62,30 |
| 8 | Xã Thạch Mỹ | 358,71 | 286,02 | -72,69 |
| 9 | Thị trấn Lộc Hà | 176,43 | 114,65 | -61,78 |
| 10 | Xã Thịnh Lộc | 337,24 | 275,25 | -61,99 |
| Toàn huyện | | 3.531,06 | 2.966,63 | -564,43 |

b) Đất trồng cây hàng năm khác

Trong giai đoạn 2021 - 2030, đất trồng cây hàng năm khác biến động giảm 337,79 ha do chuyển trong nội trong nội bộ đất nông nghiệp 63,2 ha và chuyển sang đất phi nông nghiệp là 274,59 ha.

\* Đến năm 2030, huyện có 546,06 ha đất trồng cây hàng năm khác, thấp hơn 337,79 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích đất trồng cây hàng năm khác được phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn như sau:

Bảng 8. Chỉ tiêu quy hoạch đất trồng cây hàng năm khác

| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Diện tích (ha) | Biến động |
| 1 | Xã Bình An | 144,90 | 98,5 | -46,40 |
| 2 | Xã Hộ Độ | 0,54 | 0,54 | 0 |
| 3 | Xã Hồng Lộc | 200,17 | 119,63 | -80,54 |
| 4 | Xã Ích Hậu | 6,58 | 4,13 | -2,45 |
| 5 | Xã Mai Phụ | 99,92 | 51,32 | -48,60 |
| 6 | Xã Phù Lưu | 61,69 | 50,39 | -11,30 |
| 7 | Xã Tân Lộc | 12,8 | 10,78 | -2,02 |
| 8 | Xã Thạch Châu | 4,600 | 2,40 | -2,20 |
| 9 | Xã Thạch Mỹ | 141,6 | 123,3 | -18,3 |
| 10 | Thị trấn Lộc Hà | 74,04 | 20,24 | -53,8 |
| 11 | Xã Thịnh Lộc | 137,01 | 64,83 | -72,18 |
| Toàn huyện | | 883,85 | 546,06 | -337,79 |

c) Đất trồng cây lâu năm

Trong giai đoạn 2021 - 2030, đất trồng cây lâu năm biến động giảm 136,9 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

\* Đến năm 2030, huyện có 805,88 ha đất trồng cây lâu năm, thấp hơn 134,7 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích đất trồng cây lâu năm được phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn như sau:

Bảng 9. Chỉ tiêu quy hoạch đất trồng cây lâu năm

| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Diện tích (ha) | Biến động |
| 1 | Xã Bình An | 98,50 | 90,30 | -8,20 |
| 2 | Xã Hộ Độ | 59,58 | 52,95 | -6,63 |
| 3 | Xã Hồng Lộc | 82,65 | 61,46 | -21,19 |
| 4 | Xã Ích Hậu | 37,19 | 29,56 | -7,63 |
| 5 | Xã Mai Phụ | 57,82 | 50,51 | -7,31 |
| 6 | Xã Phù Lưu | 91,9 | 82,77 | -9,13 |
| 7 | Xã Tân Lộc | 69,65 | 57,35 | -12,3 |
| 8 | Xã Thạch Châu | 102,47 | 89,17 | -13,3 |
| 9 | Xã Thạch Kim | 3,66 | 2,96 | -0,70 |
| 10 | Xã Thạch Mỹ | 112,37 | 104,23 | -8,14 |
| 11 | Thị trấn Lộc Hà | 90,07 | 70,11 | -19,96 |
| 12 | Xã Thịnh Lộc | 134,72 | 114,51 | -20,21 |
| Toàn huyện | | 940,58 | 805,88 | -134,7 |

d) Đất trồng rừng phòng hộ

Trong giai đoạn 2021 - 2030, đất trồng rừng phòng hộ biến động giảm giảm 87,71 ha, do chuyển sang các loại đất trong nhóm đất phi nông nghiệp.

\* Đến năm 2030, huyện có 1.063,65 ha đất trồng rừng phòng hộ, thấp hơn 87,71 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích đất trồng rừng phòng hộ được phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn như sau:

Bảng 10. Chỉ tiêu quy hoạch đất trồng rừng phòng hộ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| Diện tích  (ha) | Diện tích  Biến động |
| 1 | Xã Bình An | 51,72 | 51,72 | 0 |
| 2 | Xã Hộ Độ | 68,68 | 63,60 | -5,08 |
| 3 | Xã Hồng Lộc | 496,92 | 494,42 | -2,50 |
| 4 | Xã Ích Hậu | 1,51 | 0,51 | -1,00 |
| 5 | Xã Mai Phụ | 14,95 | 12,95 | -2,00 |
| 6 | Xã Phù Lưu | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Xã Tân Lộc | 24,36 | 23,36 | -1,00 |
| 8 | Xã Thạch Châu | 18,43 | 18,43 | 0 |
| 9 | Xã Thạch Mỹ | 27,68 | 27,68 | 0 |
| 10 | Thị trấn Lộc Hà | 100,86 | 81,08 | -19,78 |
| 11 | Xã Thịnh Lộc | 346,25 | 289,9 | -56,35 |
| Toàn huyện | | 1.151,36 | 1.063,65 | -87,71 |

e) Đất trồng rừng sản xuất

Trong giai đoạn 2021 - 2030, đất trồng rừng sản xuất biến động giảm 231,11 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp 194,71 ha và chuyển sang nội bộ đất nông nghiệp 36,4 ha.

\* Đến năm 2030, huyện có 779,91 ha đất trồng rừng sản xuất, thấp hơn 161,81 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích đất trồng rừng sản xuất được phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn như sau:

Bảng 11. Chỉ tiêu quy hoạch đất trồng rừng sản xuất

| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Diện tích  (ha) | Diện tích  Biến động |
| 1 | Xã Bình An | 24,97 | 7,00 | -17,97 |
| 2 | Xã Hồng Lộc | 421,54 | 269,94 | -151,6 |
| 3 | Xã Tân Lộc | 327,24 | 322,64 | -4,60 |
| 4 | Xã Thạch Mỹ | 12,26 | 12,26 | 0 |
| 5 | Thị trấn Lộc Hà | 22,51 | 11,94 | -10,57 |
| 6 | Xã Thịnh Lộc | 133,2 | 156,13 | 22,93 |
| Toàn huyện | | 941,72 | 779,91 | -161,81 |

f) Đất nuôi trồng thủy sản

Trong giai đoạn 2021 - 2030, đất nuôi trồng thủy sản giảm 57,2 ha do chuyển sang nội bộ đất nông nghiệp khác 41,66 ha, giảm 15,54 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

\* Đến năm 2030, huyện có 466,54 ha đất nuôi trồng thủy sản, cao hơn 147,7 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích đất nuôi trồng thủy sản được phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn như sau:

Bảng 12. Chỉ tiêu quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản

| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Diện tích (ha) | Diện tích  Biến động |
| 1 | Xã Bình An | 2,07 | 2,07 | 0 |
| 2 | Xã Hộ Độ | 99,33 | 137,21 | 37,88 |
| 3 | Xã Hồng Lộc | 17,29 | 17,29 | 0 |
| 4 | Xã Ích Hậu | 28,56 | 25,45 | -3,11 |
| 5 | Xã Mai Phụ | 6,42 | 121,62 | 115,2 |
| 6 | Xã Phù Lưu | 9,75 | 11,75 | 2,00 |
| 8 | Xã Thạch Châu | 64,34 | 109,12 | 44,78 |
| 10 | Xã Thạch Mỹ | 70,76 | 30,21 | -40,55 |
| 11 | Thị trấn Lộc Hà | 18,72 | 10,22 | -8,50 |
| 12 | Xã Thịnh Lộc | 1,60 | 1,60 | 0 |
| Toàn huyện | | 318,84 | 466,54 | 147,7 |

g) Đất làm muối

Trong giai đoạn 2021 - 2030, đất nuôi trồng thủy sản giảm 119,31 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp 52,31 ha ha và chuyển sang nội bộ đất nông nghiệp 67 ha.

\* Đến năm 2030, huyện có 76,83 ha đất làm muối, thấp hơn 119,31 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích đất nông nghiệp khác được phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn như sau:

Bảng 13. Chỉ tiêu quy hoạch đất làm muối

| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Diện tích (ha) | Diện tích  Biến động |
| 1 | Xã Hộ Độ | 130,2 | 55,39 | -74,81 |
| 2 | Xã Mai Phụ | 43,96 | 1,46 | -42,50 |
| 3 | Xã Thạch Châu | 21,98 | 19,98 | -2,00 |
| Toàn huyện | | 196,14 | 76,83 | -119,31 |

h) Đất nông nghiệp khác

Trong giai đoạn 2021 - 2030, đất nông nghiệp khác biến động giảm 0,31 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

\* Đến năm 2030, huyện có 486,31 ha đất nông nghiệp khác, cao hơn 357,68 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích đất nông nghiệp khác được phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn như sau:

Bảng 14. Chỉ tiêu quy hoạch đất nông nghiệp khác

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| Diện tích (ha) | Diện tích  Biến động |
| 1 | Xã Bình An | 8,33 | 39,13 | 30,8 |
| 2 | Xã Hộ Độ | 1,25 | 1,25 | 0 |
| 3 | Xã Hồng Lộc | 8,39 | 113,39 | 105 |
| 4 | Xã Ích Hậu | 45,84 | 120,41 | 74,57 |
| 5 | Xã Mai Phụ | 0 | 10,2 | 10,2 |
| 6 | Xã Phù Lưu | 15,64 | 64,91 | 49,27 |
| 7 | Xã Tân Lộc | 12,92 | 13,32 | 0,4 |
| 8 | Xã Thạch Châu | 0,11 | 1,3 | 1,19 |
| 9 | Xã Thạch Mỹ | 14,52 | 89,87 | 75,35 |
| 10 | Thị trấn Lộc Hà | 11,08 | 11,08 | 0 |
| 11 | Xã Thịnh Lộc | 10,55 | 21,45 | 10,9 |
| Toàn huyện | | 128,63 | 486,31 | 357,68 |

2.3.2.2. Đất phi nông nghiệp

Trong giai đoạn 2021 -2030, đất phi nông nghiệp tăng 1.179,41 ha so với hiện trạng năm 2021. Đến năm 2030, huyện có 4.228,89 ha đất phi nông nghiệp. Diện tích đất phi nông nghiệp được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau:

Bảng 15. Chỉ tiêu quy hoạch đất phi nông nghiệp

| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Diện tích  (ha) | Diện tích  Biến động |
| 1 | Xã Bình An | 197,54 | 291,54 | 94 |
| 2 | Xã Hộ Độ | 273,51 | 329,61 | 56,1 |
| 3 | Xã Hồng Lộc | 299,72 | 608,56 | 308,84 |
| 4 | Xã Ích Hậu | 283,92 | 299,41 | 15,49 |
| 5 | Xã Mai Phụ | 251 | 254,42 | 3,42 |
| 6 | Xã Phù Lưu | 262,07 | 316,565 | 54,495 |
| 7 | Xã Tân Lộc | 258,9 | 304,49 | 45,59 |
| 8 | Xã Thạch Châu | 224,79 | 259,12 | 34,33 |
| 9 | Xã Thạch Kim | 67,93 | 81,96 | 14,03 |
| 10 | Xã Thạch Mỹ | 265,46 | 347,3 | 81,84 |
| 11 | Thị trấn Lộc Hà | 377,24 | 580,69 | 203,45 |
| 12 | Xã Thịnh Lộc | 287,4 | 555,22 | 267,82 |
| Toàn huyện | | 3.049,48 | 4.228,89 | 1.179,41 |

Trong đó được phân bổ cho các loại đất trong nhóm đất phi nông nghiệp cụ thể như sau:

a) Đất quốc phòng

Trong giai đoạn 2021-2030, đất quốc phòng tăng thêm 100 ha do lấy từ đất nông nghiệp. Đến năm 2020, huyện có 135,01 ha đất quốc phòng tăng 100 ha so với hiện trạng. Diện tích đất quốc phòng được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như bảng sau:

Bảng 16. Chỉ tiêu quy hoạch đất quốc phòng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án quy hoạch đến năm 2030 | |
| Diện tích (ha) | Diện tích  Biến động |
| 1 | Xã Hồng Lộc | 22,96 | 72,96 | 50,00 |
| 2 | Xã Tân Lộc | 6,39 | 6,39 | 0 |
| 3 | Thị trấn Lộc Hà | 5,66 | 5,66 | 0 |
| 4 | Xã Thịnh Lộc | 0 | 50,00 | 50,00 |
| Toàn huyện | | 35,01 | 135,01 | 100 |

b) Đất an ninh

Trong giai đoạn 2021-2030, đất an ninh tăng thêm 2,01 ha do lấy trên đất nông nghiệp 1,43 ha và lấy trong nội bộ đất nông nghiệp 0,46 ha, đất chưa sử dụng 0,12 ha.

\* Đến năm 2020, huyện có 3,56 ha đất an ninh tăng 2,01 ha so với hiện trạng. Diện tích đất an ninh được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như bảng sau:

Bảng 17. Chỉ tiêu quy hoạch đất an ninh

| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Diện tích (ha) | Diện tích  Biến động |
| 1 | Xã Bình An | 0 | 0,13 | 0,13 |
| 2 | Xã Hộ Độ | 0 | 0,20 | 0,20 |
| 3 | Xã Hồng Lộc | 0 | 0,20 | 0,20 |
| 4 | Xã Ích Hậu | 0 | 0,20 | 0,20 |
| 5 | Xã Mai Phụ | 0 | 0,21 | 0,21 |
| 6 | Xã Phù Lưu | 0 | 0,18 | 0,18 |
| 7 | Xã Tân Lộc | 0 | 0,12 | 0,12 |
| 8 | Xã Thạch Châu | 0 | 0,20 | 0,20 |
| 9 | Xã Thạch Kim | 0 | 0,12 | 0,12 |
| 10 | Xã Thạch Mỹ | 0 | 0,13 | 0,13 |
| 11 | Thị trấn Lộc Hà | 1,55 | 1,75 | 0,20 |
| 12 | Xã Thịnh Lộc | 0 | 0,12 | 0,12 |
| Toàn huyện | | 1,55 | 3,56 | 2,01 |

c) Đất cụm công nghiệp

Trong giai đoạn 2021-2030, đất cụm công nghiệp tăng thêm 190,48 ha do lấy trên các loại đất: đất nông nghiệp 153,51 ha và đất chưa sử dụng 36,97 ha.

\* Đến năm 2030, huyện có 190,48 ha đất cụm công nghiệp tăng 190,48 ha so với hiện trạng.

'- Đất cụm công nghiệp quy hoạch đến cuối năm 2030 là 190,48 ha, tăng hơn so với diện tích nhu cầu đăng ký đến năm 2030 của Sở Công Thương là 50 ha, nguyên nhân do quy hoạch khép kín cụm công nghiệp Hồng Tân và cụm công nghiệp Bình An từ 50 ha lên 75 ha theo định hướng đến năm 2035.

Diện tích đất cụm công nghiệp được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như bảng sau:

Bảng 18. Chỉ tiêu quy hoạch đất cụm công nghiệp

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| Diện tích  (ha) | Biến động (ha) |
| 1 | Xã Bình An | 0 | 30,50 | 30,50 |
| 2 | Xã Hồng Lộc | 0 | 75,00 | 75,00 |
| 3 | Thị trấn Lộc Hà | 0 | 40,48 | 40,48 |
| 4 | Xã Thịnh Lộc | 0 | 44,50 | 44,50 |
| Toàn huyện | | 0 | 190,48 | 190,48 |

d) Đất thương mại dịch vụ

Trong giai đoạn 2021-2030, đất thương mại dịch vụ tăng thêm 144,89 ha do lấy trên các loại đất 114,51 ha và đất chưa sử dụng 8,14 ha.

\* Đến năm 2020, huyện có 186,66 ha đất thương mại dịch vụ tăng 144,89 ha so với hiện trạng. Diện tích đất thương mại dịch vụ được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như bảng sau:

Bảng 19. Chỉ tiêu quy hoạch đất thương mại, dịch vụ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| Diện tích  (ha) | Diện tích  Biến động (ha) |
| 1 | Xã Bình An | 0,05 | 8,35 | 8,30 |
| 2 | Xã Hộ Độ | 0,15 | 20,78 | 20,63 |
| 3 | Xã Hồng Lộc | 0,30 | 7,52 | 7,22 |
| 4 | Xã Ích Hậu | 0,28 | 6,26 | 5,98 |
| 5 | Xã Mai Phụ | 0 | 10,65 | 10,65 |
| 6 | Xã Phù Lưu | 0,08 | 4,13 | 4,05 |
| 7 | Xã Tân Lộc | 0,11 | 0,38 | 0,27 |
| 8 | Xã Thạch Châu | 0,91 | 9,91 | 9,00 |
| 9 | Xã Thạch Kim | 0 | 4,00 | 4,00 |
| 10 | Xã Thạch Mỹ | 0,15 | 7,75 | 7,60 |
| 11 | Thị trấn Lộc Hà | 4,57 | 35,78 | 31,21 |
| 12 | Xã Thịnh Lộc | 35,17 | 71,15 | 35,98 |
| Toàn huyện | | 41,77 | 186,66 | 144,89 |

e) Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Trong giai đoạn 2021-2030, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng thêm 28,49 ha do lấy trên đất nông nghiệp 25,54 ha và đất chưa sử dụng 1,95 ha

\* Đến năm 2030, huyện có 67,55 ha đất cơ sở kinh doanh phi nông nghiệp tăng 28,33 ha so với hiện trạng. Diện tích đất cơ sở kinh doanh phi nông nghiệp được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như bảng sau:

Bảng 20. Chỉ tiêu quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Diện tích (ha) | Diện tích  Biến động (ha) |
| 1 | Xã Bình An | 0,71 | 1,21 | 0,50 |
| 2 | Xã Hộ Độ | 7,95 | 10,99 | 3,04 |
| 3 | Xã Hồng Lộc | 10,09 | 10,09 | 0 |
| 4 | Xã Ích Hậu | 0,33 | 0,83 | 0,50 |
| 5 | Xã Mai Phụ | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Xã Phù Lưu | 0 | 0,5 | 0,50 |
| 7 | Xã Tân Lộc | 0 | 2,5 | 2,50 |
| 8 | Xã Thạch Châu | 1,18 | 8,68 | 7,50 |
| 9 | Xã Thạch Kim | 5,64 | 5,63 | -0,01 |
| 10 | Xã Thạch Mỹ | 0,44 | 2,54 | 2,10 |
| 11 | Thị trấn Lộc Hà | 2,94 | 12,94 | 10,00 |
| 12 | Xã Thịnh Lộc | 9,94 | 11,64 | 1,70 |
| Toàn huyện | | 39,22 | 67,55 | 28,33 |

f) Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

Trong giai đoạn 2021-2030, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng thêm 99 ha do lấy trên đất nông nghiệp 71 ha và đất chưa sử dụng 28 ha.

\* Đến năm 2030, huyện có 103,5 ha đất cơ sở kinh doanh phi nông nghiệp tăng 99 ha so với hiện trạng. Diện tích đất cơ sở kinh doanh phi nông nghiệp được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như bảng sau:

Bảng 21. Chỉ tiêu quy hoạch đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| Diện tích (ha) | Diện tích  Biến động (ha) |
| 1 | Xã Bình An | 3,7 | 3,70 | 0 |
| 2 | Xã Hồng Lộc | 0 | 99,00 | 99,00 |
| 3 | Xã Thịnh Lộc | 0,35 | 0,35 | 0 |
| Toàn huyện | | 4,05 | 103,05 | 99,00 |

g) Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã

Trong giai đoạn 2021-2030, đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã biến động tăng 521,44 ha do lấy trên đất nông nghiệp 455,08 ha, đất phi nông nghiệp 28,25 ha và đất chưa sử dụng 33,85 ha.

\* Đến năm 2030, huyện có 2.083,12 ha đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã tăng 507,54 ha so với hiện trạng. Diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như bảng sau:

Bảng 22. Chỉ tiêu quy hoạch đất phát triển

hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã

| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Diện tích  (ha) | Biến động  (ha) |
| 1 | Xã Bình An | 129,24 | 156,07 | 26,83 |
| 2 | Xã Hộ Độ | 104,86 | 129,94 | 25,08 |
| 3 | Xã Hồng Lộc | 165,54 | 214,29 | 48,75 |
| 4 | Xã Ích Hậu | 121,97 | 149,93 | 27,96 |
| 5 | Xã Mai Phụ | 98,45 | 131,02 | 32,57 |
| 6 | Xã Phù Lưu | 114,85 | 172,965 | 58,115 |
| 7 | Xã Tân Lộc | 162,34 | 190,96 | 28,62 |
| 8 | Xã Thạch Châu | 111,11 | 136,01 | 24,90 |
| 9 | Xã Thạch Kim | 20,27 | 27,10 | 6,83 |
| 10 | Xã Thạch Mỹ | 160,63 | 187,39 | 26,76 |
| 11 | Thị trấn Lộc Hà | 214,55 | 288,7 | 74,15 |
| 12 | Xã Thịnh Lộc | 171,77 | 298,74 | 126,97 |
| Toàn huyện | | 1575,58 | 2083,115 | 507,535 |

h) Đất danh lam thắng cảnh

Trong giai đoạn 2021-2030, đất danh lam thắng cảnh biến động tăng 0,58 ha do lấy trên đất nông nghiệp 1,9 ha.

\* Đến năm 2030, huyện có 1,9 ha đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã tăng 0,58 ha so với hiện trạng. Diện tích đất danh lam, thắng cảnh được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như bảng sau:

Bảng 23. Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất danh lam, thắng cảnh

| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Diện tích  (ha) | Biến động  (ha) |
| 1 | Xã Ích Hậu | 0,88 | 1,90 | 1,02 |
| 2 | Xã Tân Lộc | 0,10 | 0 | -0,10 |
| 3 | Xã Thịnh Lộc | 0,34 | 0 | -0,34 |
| Toàn huyện | | 1,32 | 1,90 | 0,58 |

i) Đất sinh hoạt

Trong giai đoạn 2021-2030, đất sinh hoạt biến động tăng 1,48 ha do lấy trên đất nông nghiệp 1,11 ha và đất chưa sử dụng 0,37 ha.

\* Đến năm 2030, huyện có 16,88 ha đất sinh hoạt tăng 0,53 ha so với hiện trạng. Diện tích đất danh lam, thắng cảnh được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như bảng sau:

Bảng 24. Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất sinh hoạt cộng đồng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| Diện tích  (ha) | Biến động  (ha) |
| 1 | Xã Bình An | 2,48 | 2,48 | 0 |
| 2 | Xã Hộ Độ | 2,34 | 2,24 | -0,10 |
| 3 | Xã Hồng Lộc | 1,58 | 1,58 | 0 |
| 4 | Xã Ích Hậu | 0,30 | 0,64 | 0,34 |
| 5 | Xã Mai Phụ | 1,15 | 0,97 | -0,18 |
| 6 | Xã Phù Lưu | 1,45 | 1,31 | -0,14 |
| 7 | Xã Tân Lộc | 0,96 | 0,90 | -0,06 |
| 8 | Xã Thạch Châu | 1,27 | 1,27 | 0 |
| 9 | Xã Thạch Kim | 0,26 | 0,26 | 0 |
| 10 | Xã Thạch Mỹ | 1,86 | 2,90 | 1,04 |
| 11 | Thị trấn Lộc Hà | 2,40 | 1,87 | -0,53 |
| 12 | Xã Thịnh Lộc | 1,36 | 0,46 | -0,90 |
| Toàn huyện | | 17,41 | 16,88 | -0,53 |

k) Đất khu vui chơi, giải trí công cộng

Trong giai đoạn 2021-2030, đất khu vui chơi, giải trí công cộng biến động tăng 5,75 ha do lấy trên đất nông nghiệp 4,32, đất phi nông nghiệp 1,4 ha và đất chưa sử dụng 0,33 ha.

\* Đến năm 2030, huyện có 7,17 ha đất sinh hoạt tăng 5,75 ha so với hiện trạng. Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như bảng sau:

Bảng 25. Chỉ tiêu quy hoạch đất khu vui chơi, giải trí công cộng

| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Diện tích  (ha) | Biến động  (ha) |
| 1 | Xã Hộ Độ | 0 | 0,18 | 0,18 |
| 2 | Xã Hồng Lộc | 0 | 0,70 | 0,70 |
| 3 | Xã Ích Hậu | 0 | 0,69 | 0,69 |
| 4 | Xã Mai Phụ | 0 | 2,95 | 2,95 |
| 5 | Xã Phù Lưu | 0 | 0,50 | 0,50 |
| 6 | Xã Thạch Châu | 0 | 0,30 | 0,30 |
| 7 | Xã Thạch Kim | 0,32 | 0,32 | 0 |
| 8 | Xã Thạch Mỹ | 0 | 0,13 | 0,13 |
| 9 | Thị trấn Lộc Hà | 1,10 | 1,40 | 0,30 |
| Toàn huyện | | 1,42 | 7,17 | 5,75 |

l) Đất ở tại nông thôn

Trong giai đoạn 2021-2030, đất ở tại nông thôn biến động tăng 285,43 ha do lấy trên đất nông nghiệp 263,17, đất phi nông nghiệp 5,35 ha và đất chưa sử dụng 16,91 ha.

\* Đến năm 2030, huyện có 803,5 ha đất sinh hoạt tăng 276,84 ha so với hiện trạng. Diện tích đất ở tại nông thôn được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như bảng sau:

Bảng 26. Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất ở tại nông thôn

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| Diện tích  (ha) | Biến động  (ha) |
| 1 | Xã Bình An | 53,97 | 81,71 | 27,74 |
| 2 | Xã Hộ Độ | 46,71 | 72,53 | 25,82 |
| 3 | Xã Hồng Lộc | 68,40 | 96,40 | 28,00 |
| 4 | Xã Ích Hậu | 49,57 | 67,07 | 17,50 |
| 5 | Xã Mai Phụ | 37,71 | 73,92 | 36,21 |
| 6 | Xã Phù Lưu | 40,28 | 59,54 | 19,26 |
| 7 | Xã Tân Lộc | 37,24 | 50,18 | 12,94 |
| 8 | Xã Thạch Châu | 50,84 | 88,29 | 37,45 |
| 9 | Xã Thạch Kim | 32,77 | 36,70 | 3,93 |
| 10 | Xã Thạch Mỹ | 62,00 | 106,24 | 44,24 |
| 11 | Thị trấn Lộc Hà | 0 | 0 | 0 |
| 12 | Xã Thịnh Lộc | 47,17 | 70,92 | 23,75 |
| Toàn huyện | | 526,66 | 803,5 | 276,84 |

m) Đất ở tại đô thị

Trong giai đoạn 2021-2030, đất ở tại đô thị biến động tăng 48,42 ha do lấy trên đất nông nghiệp 37,51 đất phi nông nghiệp 3,12 ha.

\* Đến năm 2030, huyện có 168,49 ha đất ở đô thị 48,22 ha so với hiện trạng. Diện tích đất ở tại nông thôn được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như bảng sau:

Bảng 27. Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất ở tại đô thị

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| Diện tích  (ha) | Biến động  (ha) |
| 1 | Thị trấn Lộc Hà | 120,27 | 168,49 | 48,22 |
| Toàn huyện | | 120,27 | 168,49 | 48,22 |

n) Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Trong giai đoạn 2021-2030, đất xây dựng trụ sở cơ quan biến động tăng 5,48 ha lấy trên đất nông nghiệp 4,35 ha, đất phi nông nghiệp 1,13 ha.

Đến năm 2030, huyện có 19,91 ha đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng 3,82 ha so với hiện trạng. Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như bảng sau:

Bảng 28. Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| Diện tích (ha) | Biến động  (ha) |
| 1 | Xã Bình An | 0,84 | 0,84 | 0 |
| 2 | Xã Hộ Độ | 0,19 | 2,72 | 2,53 |
| 3 | Xã Hồng Lộc | 0,51 | 0,48 | -0,03 |
| 4 | Xã Ích Hậu | 0,23 | 0,23 | 0 |
| 5 | Xã Mai Phụ | 0,44 | 0,69 | 0,25 |
| 6 | Xã Phù Lưu | 0,25 | 1,35 | 1,10 |
| 7 | Xã Tân Lộc | 1,07 | 1,07 | 0 |
| 8 | Xã Thạch Châu | 0,77 | 0,77 | 0 |
| 9 | Xã Thạch Kim | 1,07 | 1,07 | 0 |
| 10 | Xã Thạch Mỹ | 0,84 | 0,71 | -0,13 |
| 11 | Thị trấn Lộc Hà | 8,81 | 8,91 | 0,10 |
| 12 | Xã Thịnh Lộc | 1,07 | 1,07 | 0 |
| Toàn huyện | | 16,09 | 19,91 | 3,82 |

o) Đất cơ sở tín ngưỡng

Trong giai đoạn 2021-2030, đất tín ngưỡng biến động tăng 5,87 ha lấy trên đất nông nghiệp 3,73 ha, đất phi nông nghiệp 2,14 ha.

Đến năm 2030, huyện có 36,32 ha đất tín ngưỡng tăng 5,87 ha so với hiện trạng. Diện tích đất tín ngưỡng được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như bảng sau:

Bảng 29. Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất cơ sở tín ngưỡng

| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Diện tích  (ha) | Biến động  (ha) |
| 1 | Xã Bình An | 2,67 | 2,67 | 0 |
| 2 | Xã Hộ Độ | 0,69 | 0,69 | 0 |
| 3 | Xã Hồng Lộc | 1,47 | 1,47 | 0 |
| 4 | Xã Ích Hậu | 2,11 | 2,11 | 0 |
| 5 | Xã Mai Phụ | 2,38 | 6,73 | 4,35 |
| 6 | Xã Phù Lưu | 3,51 | 3,51 | 0 |
| 7 | Xã Tân Lộc | 1,14 | 2,34 | 1,20 |
| 8 | Xã Thạch Châu | 4,86 | 4,86 | 0 |
| 9 | Xã Thạch Kim | 0,54 | 0,54 | 0 |
| 10 | Xã Thạch Mỹ | 5,89 | 5,89 | 0 |
| 11 | Thị trấn Lộc Hà | 2,96 | 3,13 | 0,17 |
| 12 | Xã Thịnh Lộc | 2,23 | 2,38 | 0,15 |
| Toàn huyện | | 30,45 | 36,32 | 5,87 |

p) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Trong giai đoạn 2021-2030, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối biến động giảm 215,11 ha chuyển sang đất nông nghiệp 186,28 ha, đất phi nông nghiệp 28,83 ha.

Đến năm 2030, huyện có 270,91 ha đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 215,11 ha so với hiện trạng. Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như bảng sau:

Bảng 30. Chỉ tiêu quy hoạch đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Diện tích  (ha) | Biến động  (ha) |
| 1 | Xã Bình An | 0,21 | 0,21 | 0 |
| 2 | Xã Hộ Độ | 110,28 | 89 | -21,28 |
| 3 | Xã Hồng Lộc | 10,95 | 10,95 | 0 |
| 4 | Xã Ích Hậu | 109,12 | 69,54 | -39,58 |
| 5 | Xã Mai Phụ | 106,03 | 22,44 | -83,59 |
| 6 | Xã Phù Lưu | 48,68 | 26,68 | -22,00 |
| 7 | Xã Tân Lộc | 0 | 0 | 0 |
| 8 | Xã Thạch Châu | 53,15 | 8,13 | -45,02 |
| 9 | Xã Thạch Kim | 7,07 | 6,23 | -0,84 |
| 10 | Xã Thạch Mỹ | 28,59 | 28,59 | 0 |
| 11 | Thị trấn Lộc Hà | 9,28 | 8,48 | -0,80 |
| 12 | Xã Thịnh Lộc | 2,66 | 0,66 | -2,00 |
| Toàn huyện | | 486,02 | 270,91 | -215,11 |

q) Đất có mặt nước chuyên dùng

Trong giai đoạn 2021-2030, đất mặt nước chuyên dùng biến động giảm 19,6 ha chuyển sang đất nông nghiệp 5,5 ha, đất phi nông nghiệp 14,1 ha.

Đến năm 2030, huyện có 133,1 ha đất mặt nước chuyên dùng giảm 19,6 ha so với hiện trạng. Diện tích đất mặt nước chuyên dùng được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như bảng sau:

Bảng 31. Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất có mặt nước chuyên dùng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| Diện tích (ha) | Biến động  (ha) |
| 1 | Xã Bình An | 3,68 | 3,68 | 0 |
| 2 | Xã Hộ Độ | 0,36 | 0,36 | 0 |
| 3 | Xã Hồng Lộc | 17,9 | 17,9 | 0 |
| 4 | Xã Ích Hậu | 0,01 | 0,01 | 0 |
| 5 | Xã Mai Phụ | 4,84 | 4,84 | 0 |
| 6 | Xã Phù Lưu | 52,97 | 45,9 | -7,07 |
| 7 | Xã Tân Lộc | 49,64 | 49,64 | 0 |
| 8 | Xã Thạch Châu | 0,69 | 0,69 | 0 |
| 9 | Xã Thạch Kim | 0 | 0 | 0 |
| 10 | Xã Thạch Mỹ | 4,71 | 4,68 | -0,03 |
| 11 | Thị trấn Lộc Hà | 1,86 | 1,81 | -0,05 |
| 12 | Xã Thịnh Lộc | 16,04 | 3,59 | -12,45 |
| Toàn huyện | | 152,7 | 133,1 | -19,6 |

2.2.3.3. Nhóm đất chưa sử dụng

Trong giai đoạn 2021-2030, đất chưa sử dụng còn 276,644 ha, giảm 279,04 ha so với hiện trạng. Diện tích đất chưa sử dụng được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như bảng sau:

Bảng 32. Chỉ tiêu quy hoạch đất chưa sử dụng sang mục đích khác

| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích hiện trạng (ha) | Phương án  quy hoạch đến năm 2030 | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Diện tích (ha) | Biến động  (ha) |
| 1 | Xã Bình An | 5,57 | 2,18 | -3,39 |
| 2 | Xã Hộ Độ | 12,86 | 5,4 | -7,46 |
| 3 | Xã Hồng Lộc | 74,15 | -2,29 | -76,44 |
| 4 | Xã Ích Hậu | 55,09 | 25,16 | -29,93 |
| 5 | Xã Mai Phụ | 8,98 | 5,44 | -3,54 |
| 6 | Xã Phù Lưu | 8,6 | 2,385 | -6,215 |
| 7 | Xã Tân Lộc | 54,84 | 54,1 | -0,74 |
| 8 | Xã Thạch Châu | 2,19 | 1,69 | -0,50 |
| 9 | Xã Thạch Kim | 87,73 | 74,4 | -13,33 |
| 10 | Xã Thạch Mỹ | 28,95 | 11,44 | -17,51 |
| 11 | Thị trấn Lộc Hà | 88,06 | 59,00 | -29,06 |
| 12 | Xã Thịnh Lộc | 128,65 | 37,73 | -90,92 |
| Toàn huyện | | 555,67 | 276,64 | -279,04 |

2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng.

Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng trên địa bàn huyên Lộc Hà có 6 chỉ tiêu gồm khu vực sản xuất nông nghiệp; khu vực lâm nghiệp; khu công nghiệp, cụm công nghiệp; khu đô thị - thương mại - dịch vụ; khu du lịch và khu dân cư nông thôn.

2.3.1. Khu vực sản xuất nông nghiệp

Tổng diện tích khu vực sản xuất nông nghiệp toàn huyện đến năm 2030 có 3.196,08 ha, trong đó: đất chuyên trồng lúa nước có 1.944,53 ha, chiếm 16,62% diện tích khu vực sản xuất nông nghiệp.

2.3.2. Khu vực lâm nghiệp

Tổng diện tích khu vực lâm nghiệp toàn huyện đến năm 2030 có 1.822,97 ha, trong đó: đất rừng phòng hộ có 1.043,06 ha, chiếm 8,92% diện tích, khu vực rừng rừng sản xuất có 799,91 ha, chiếm 6,67% diện tích.

2.3.3. Khu vực cụm công nghiệp

Tổng diện tích khu vực công nghiệp, cụm công nghiệp toàn huyện đến năm 2030 có 207,41 ha.

2.3.4. Khu vực đô thị

Tổng diện tích khu vực đô thị toàn huyện đến năm 2030 có 761,82 ha, chiếm 6,51% tổng diện tích khu chức năng.

2.3.5. Khu du lịch

Tổng diện tích khu chức năng du lịch toàn huyện có 4060,46 ha (*Khu Du Lịch chùa Chân Tiên và Khu Du Lịch biển Bằng Sơn*).

2.3.6. Khu dân cư nông thôn

Tổng diện tích khu vực dân cư nông thôn toàn huyện đến năm 2030 có 1.961,34 ha, chiếm 16,77% tổng diện tích khu chức năng.

(Chi tiết xem biểu 11/CH)

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Phương án Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyên Lộc Hà được UBND tỉnh phê duyệt là căn cứ pháp lý quan trọng để thực hiện giao đất, cho thuê đất và đấu giá quyền sử dụng đất nói chung.

Theo đó, việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất tại các xã, thị trấn đã tiếp tục được thực hiện, đáp ứng đầy đủ yêu cầu sử dụng đất cho phát triển kinh tế, xã hội của huyện; các quy định mới về căn cứ, điều kiện, thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã cơ bản được các xã, thị trấn triển khai thực hiện; đã sàng lọc được các nhà đầu tư kém năng lực hạn chế đáng kể việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất tràn lan, sử dụng kém hiệu quả, để hoang hóa; việc giao đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đã được chú trọng thực hiện hơn đối với đất ở, góp phần quan trọng tăng nguồn thu cho ngân sách huyện.

Phương án quy hoạch cũng đảm bảo bố trí đủ quỹ đất cho quá trình phát triển đô thị, hình thành các khu đô thị, khu dân cư tập trung. Gắn quá trình phát triển đô thị, hình thành các khu, điểm dân cư với việc đầu tư các công trình, dự án hạ tầng trọng điểm trên địa bàn huyện; đối với mỗi dự án thực hiện đồng thời với việc xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.

Ủy ban nhân dân huyện đã rà soát, bổ sung các dự án đấu giá quyền sử dụng đất để tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương trên cơ sở đảm bảo sử dụng quỹ đất hợp lý, hiệu quả và tiết kiệm. Việc chi cho hoạt động bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực

Phương án quy hoạch sử dụng đất duy trì diện tích đất trồng lúa của huyện đến năm 2030 là 2.966,63 ha, việc thực hiện đồng bộ các giải pháp về đầu tư cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và hỗ trợ người trồng lúa theo quy định tại Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa sẽ giúp người nông dân yên tâm đầu tư sản xuất, gắn bó với đồng ruộng.

Việc chuyển đổi một số diện tích đất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp trong một thời gian ngắn, nhất là tại các xã, thị trấn trồng lúa có điều kiện canh tác tốt, cơ sở hạ tầng kỹ thuật hoàn thiện mà thiếu cân nhắc đến hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội - môi trường lâu dài sẽ tác động tiêu cực đến sản xuất và đời sống của một bộ phân nông dân và đe doạ mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực cục bộ trên địa bàn huyện.

3.3. Đánh tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất

Phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, huyện Lộc Hà có thêm quỹ đất là 803,5 ha đất ở nông thôn và 48,22 ha đất ở đô thị để bố trí tái định cư cho các hộ bị giải tỏa, thu hồi đất khi thực hiện các dự án xây dựng công trình công cộng, bố trí đất cho các hộ tăng thêm tự nhiên, dãn dân và tăng cơ học cho dân số đến các khu công nghiệp, đô thị mới của huyện; đồng thời tạo quỹ đất để phát triển thị trường bất động sản tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương.

Dân số huyện Lộc Hà tiếp tục gia tăng kéo theo nhu cầu lớn về đất làm nhà ở, đất sản xuất tăng theo vì vậy phương án quy hoạch đến năm 2030 đã tạo quỹ đất phù hợp với nhu cầu địa phương.

Tuy nhiên, Khi thực hiện các dự án lớn như xây dựng các tuyến đường giao thông liên tỉnh, các khu công nghiệp,... thì nhà nước phải thực hiện công tác thu hồi đất của dân. Trong đó có một số hộ là đất ở thì buộc chính quyền địa phương phải có các khu tái định cư cho người dân. Việc này cũng ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống nhân dân như ảnh hưởng đến các hoạt động sinh hoạt hằng ngày, việc làm,...Việc thực hiện chính sách đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cũng nhiều bất cập, chủ yếu chi trả bằng tiền, người có đất nông nghiệp bị thu hồi tự lo chuyển đổi nghề nhiều người sau khi bị thu hồi đất bị rơi vào tình trạng thất nghiệp, không ổn định cuộc sống.

3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng

Phương án quy hoạch sử dụng đất sẽ góp phần thúc đẩy nhanh hơn quá trình đô thị của huyện thông qua việc đăng ký danh mục các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển dân cư, công nghiệp, thương mại, dịch vụ trên địa bàn; đồng thời đề ra các giải pháp nhằm tranh thủ và huy động các nguồn vốn khác nhau cho việc thực hiện các dự án, cũng như quán triệt, thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tại định cư.

3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc.

Phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện đã bố trí diện tích đất cơ sở tôn giáo thêm 22,54 ha, đất tín ngường 36,32 ha. Quỹ đất này được sử dụng để mở rộng và tôn tạo các khu di tích Đền thờ Vua Mai, khu di tích đền thờ Đông Thắng, chùa Hàm Nguyên, chùa Triều Sơn,...

Quy hoạch phải tuân thủ đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà nước, đặc biệt là Luật Di sản văn hóa; tôn trọng, giữ gìn tối đa các di tích gốc, đặc điểm di tích, phục hồi các di tích phải đảm bảo tính khoa học, khách quan; phục hồi lại rừng, chú trọng trồng các loại cây bản địa, bảo đảm tạo dấu ấn sâu sắc đối với du khách. Phải lựa chọn vị trí phù hợp; bố trí lại khu đón tiếp, nhà ban quản lý, khu dịch vụ, bãi đỗ xe bảo đảm không ảnh hưởng quá lớn đến quỹ đất sản xuất nông nghiệp của nhân dân. Đồng thời, chú trọng bảo vệ môi trường, thu gom xử lý rác thải tại các điểm du lịch; xây dựng các tua, tuyến du lịch trong khoảng thời gian hợp lý nhất tạo điều kiện tốt cho du khách tham quan...

3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.

Trong quá trình thực hiện bố trí quy hoạch sử dụng đất, huyện đã rà soát, đánh giá thực trạng các nguồn tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn huyện; trong đó rà soát kỹ tài nguyên đất đai và tài nguyên du lịch. Từ đó, tiến hành tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 trên cơ sở danh mục công trình dự án mà các ngành, lĩnh vực đăng ký nhu cầu. Do đó, phương án quy hoạch cần đảm bảo khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý, tiết kiệm, tránh lãng phí và đạt hiệu quả kinh tế cao nhằm góp phần hạn chế ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, bảo vệ đất và môi trường.

- Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện, diện tích đất lâm nghiệp có 1.843,76 ha, chiếm 15,76% tổng diện tích tự nhiên, trog đó: đất rừng sản xuất có 799,91 ha; đất rừng phòng hộ có 1.063,65 ha, góp phần hạn chế ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, bảo vệ đất và môi trường.

- Tuy nhiên, cũng theo phương án quy hoạch này, trong vòng 10 năm tới diện tích đất phi nông nghiệp tăng thêm khá lớn 1.179,41 ha, trong đó: đất phát triển hạ tầng tăng tăng thêm 507,54 ha, trong đó: *(nhất là đất giao thông tăng 311,40 ha và đất thể thao tăng 79,59 ha);* đất ở tại nông thôn tăng thêm 276,84 ha; đất ở tại đô thị tăng 48,22 ha; đất cụm công nghiệp tăng 190,48 ha; đất thương mại dịch vụ tăng 144,89 ha,… Điều này dự báo một phần diện tích đất nông nghiệp sẽ bị thu hẹp, đồng thời làm gia tăng khả năng phát thải chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt vào môi trường, tạo nguy cơ gây ô nhiễm vào môi trường đất, môi trường nước, môi trường công cộng nếu ngay từ bây giờ nếu không đề ra được giải pháp hữu hiệu.

PHẦN V

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

Sử dụng đất tiết kiệm diện tích bề mặt, khai thác triệt để không gian, phát triển kết cấu hạ tầng. Khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ, cải tạo, nâng cao độ phì của đất. Khai hoang, đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp nhằm sử dụng triệt để, tiết kiệm và hiệu quả quỹ đất.

Áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai thực tế của địa phương nhằm nâng cao độ phì nhiêu của đất để sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp, tránh khai thác quá mức làm thoái hóa đất.

Việc sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình sản xuất phải đảm bảo tiêu chuẩn chủng loại cho phép nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước;

Trong quá trình sử dụng đất phải thường xuyên cải tạo để nâng cao độ phì nhiêu của đất; sử dụng đất một cách tiết kiệm và hiệu quả; Hạn chế việc cày, xới bề mặt đất tại những vùng đất dốc (nhất là trong thời gian mùa mưa);

Thường xuyên phối hợp với địa phương để đánh giá hiện trạng, tác động ô nhiễm môi trường nhằm đưa ra các biện pháp xử lý các cơ sở chăn nuôi gây ô nhiễm. Người dân nên đầu tư, xây dựng mô hình chăn nuôi an toàn sinh học như: sử dụng chế phẩm sinh học, công nghệ khí sinh học biogas nhằm giảm mùi hôi, diệt khuẩn có hại, xử lý chất thải chăn nuôi. Đặc biệt tăng khả năng phòng chống dịch bệnh cho vật nuôi giúp nâng cao hiệu quả sản xuất.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc bảo vệ môi trường, xây dựng và thực hiện chương trình hành động cụ thể để bảo vệ môi trường nhằm xây dựng môi trường sống xanh - sạch - đẹp và đảm bảo phát triển bền vững;

1.2. Giải pháp sử dụng đất bền vững trong điều kiện ứng phó với biến đổi khí hậu

Chuyển giao các giống cây trồng mới, chế độ canh tác phục vụ sản xuất hàng hóa theo mô hình canh tác nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Bố trí hệ thống trồng trọt theo hướng đa dạng hóa cây trồng, kỹ thuật canh tác, gắn thâm canh tăng năng suất với bảo vệ tài nguyên môi trường và kiểm soát rủi ro do tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, nhân rộng các mô hình, biện pháp canh tác tiên tiến thích ứng với biến đổi khí hậu, như: Thực hành nông nghiệp tốt, quản lý cây trồng tổng hợp, kỹ thuật canh tác 3 giảm 3 tăng, nhân rộng hệ thống canh tác lúa cải tiến.

Nghiên cứu, ứng dụng các mô hình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, tăng cường sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hữu cơ, xử lý chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng thân thiện, bảo vệ môi trường, hạn chế phát thải khí nhà kính

Tăng cường công tác tuyên truyền Luật bảo vệ Môi trường 2020, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về bảo vệ môi trường, khuyến khích các hoạt động bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm các hành vi huỷ hoại hoặc gây ô nhiễm môi trường, nhất là ở các khu vực đô thị, , cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư tập trung, bệnh viện,...

II. CÁC GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

2.1. Giải pháp huy động và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư.

Thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng công trình, kịp thời phát hiện và có chế tài xử lý nghiêm các vi phạm về tiến độ thực hiện và chất lượng công trình.

Thực hiện đồng bộ, linh hoạt các giải pháp huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách như nguồn vốn nhàn rỗi của hộ gia đình, cá nhân, của các tổ chức kinh tế góp phần đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã ban hành, đồng thời nghiên cứu, đề xuất một số cơ chế, chính sách mới nhằm thúc đẩy sự phát triển trên các lĩnh vực theo hướng thực sự thông thoáng, hấp dẫn, dễ triển khai thực hiện, dễ kiểm tra và bảo đảm tính khả thi, khuyến khích các nhà đầu tư có nguyện vọng đầu tư phát triển trên địa bàn.

Nguồn vốn đầu tư nước ngoài (ODA, FDI): Thiết lập các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng để thu hút nguồn vốn ODA. Đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh, nhất là cơ sở hạ tầng và chất lượng nguồn nhân lực để thu hút nguồn vốn FDI đầu tư vào địa bàn.

Mở rộng hình thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng quy mô nhỏ, phục vụ dân sinh, nhất là các hệ thống giao thông, thuỷ lợi,… Đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

Tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư trong các lĩnh vực văn hóa, thể dục thể tao, y tế, giáo dục.

2.2. Giải pháp đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là yếu tố đầu vào quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế, đặc biệt là trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa.

Nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao có trí tuệ, kinh nghiệm, kỹ năng, tính năng động, sáng tạo sẽ là yếu tố quan trọng trong quá trình phát triển của huyện vì vậy việc có các giải pháp đào tạo, nâng cáo chất lượng nguồn nhân lực là cần thiết.

Tiếp tục tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá nhằm nâng cao trình độ dân trí, tỷ lệ lao động qua đào tạo và sức khoẻ người lao động. Tăng cường bồi dưỡng cán bộ quản lý các doanh nghiệp, sắp xếp lại và nâng cao trình độ cán bộ quản lý nhà nước. Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất và năng lực tốt để đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành.

Có chính sách thu hút, hỗ trợ và sử dụng nhân tài, chuyên gia, nhân lực trình độ cao trong các ngành, lĩnh vực còn đang thiếu, yếu đến làm việc tại địa phương. Khuyến khích, hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp và tham gia các hoạt động xã hội. Phát động phong trào và cổ vũ, tôn vinh sự sáng tạo, trách nhiệm của các cá nhân, tập thể trong lập nghiệp, lao động và đóng góp cho xã hội.

Thực hiện việc luân chuyển và tăng cường cán bộ thành phố về cấp xã, thị trấn đảm nhận các cương vị chủ chốt, thực hiện tốt chế độ trợ cấp ban đầu đối với cán bộ thuộc diện luân chuyển; có chế độ tiền lương và phụ cấp, chính sách bổ nhiệm, bố trí công tác sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Mở rộng dạy nghề, truyền nghề bằng nhiều hình thức thích hợp, có chính sách khuyến khích hỗ trợ học nghề cho lực lượng lao động; chú trọng đào tạo lao động là người địa phương, sử dụng họ vào các doanh nghiệp đóng trên địa bàn.

2.3. Giải pháp về chính sách

Thực hiện đồng bộ các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai; đồng thời xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ tổng thể đến các địa phương đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; đảm bảo việc sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực, các địa phương phải dựa trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng cần bảo vệ nghiêm ngặt; tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển công nghiệp, đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp...

Có cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi như trong giao đất, cho thuê đất, đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng thông thoáng, tạo môi trường đầu tư thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư tham gia phát triển các dự án lớn, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ và du lịch.

Để triển khai thực công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất có hiệu quả, cần tổ chức thực hiện việc giao đất, cho thuê đất công khai, minh bạch cho các đối tượng đáp ứng các điều kiện quy định trong pháp luật về đất đai. Thực hiện nghiêm việc giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua phương thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất; có biện pháp ngăn chặn tình trạng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép. Kiểm soát chặt chẽ và công khai, minh bạch việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, bảo đảm quyền lợi hợp pháp, hoạt động sản xuất và đời sống của người có đất thu hồi Quan tâm và giải quyết tốt việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đồng thời có chính sách đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp, bố trí việc làm để ổn định đời sống cho các hộ khi bị thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Giải quyết tranh chấp đất đai theo đúng Luật đất đai.

2.4. Giải pháp về khoa học và kỹ thuật

Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên đất, áp dụng công nghệ tiên tiến để cải thiện chất lượng điều tra diều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết từ khâu thẩm định, trình duyệt quy hoạch, chuẩn bị đầu tư dự án. Tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ trong công tác quy hoạch, thông tin quy hoạch và quản lý quy hoạch. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, công khai công bố quy hoạch. Tiếp tục kiện toàn bộ máy cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường.

Củng cố và nâng cao hệ thống thông tin về đất đai, ứng dụng công nghệ viễn thám trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai và hội nhập quốc tế.

III. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Tổ chức công bố công khai phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định, kết hợp với tuyên truyền, phổ biến pháp luật đất đai ở cơ sở nhằm nâng cao ý thức sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

Phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất cho các xã, thị trấn để các địa phương thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của địa phương mình; Nhằm đảm bảo đồng bộ trong việc phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp huyện... Trong quá trình tổ chức thực hiện cần phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, ban và các xã, thị trấn trong việc xác định về quy mô diện tích, địa điểm và thời gian thực hiện.

Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các loại đất khác, đặc biệt là chuyển sang đất phi nông nghiệp.

- Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị. Việc sử dụng đất cho mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp phải thực hiện theo kế hoạch, đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả.

Hàng năm Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện các công trình, dự án trong năm đảm bảo đúng tiến độ, thời gian quy định.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đất đai nhất là quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật. Quá trình xử lý các quan hệ về đất đai phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật; xử lý tốt mối quan hệ lợi ích giữa Nhà nước - Doanh nghiệp - nhân dân, khuyến khích chủ đầu tư tự thỏa thuận với người sử dụng đất theo quy định pháp luật.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

Phương án Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyên Lộc Hà được xây dựng trên cơ sở các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các địa phương; có ý nghĩa quan trọng để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, là công cụ quan trọng để UBND huyện thực hiện quản lý đất Nhà nước về đất đai theo quy định của Luật đất đai năm 2013..

Báo cáo thuyết minh tổng hợp phương án Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Lộc Hà đã nghiên cứu, phân tích toàn diện về: những thuận lới, khó khăn của điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trong nhứng năm qua; đánh giá những tiềm năng khai thác đất đai vào phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ; xác định được nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực để thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh; là căn cứ để thực hiện: giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đáp ứng nhu cầu đất đai để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Kết quả việc lập phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Lộc Hà đã xác định được vị trí, ranh giới trên bản đồ, cụ thể từng danh mục công trình, dự án chi tiết trên bản đồ, cụ thể đến từng loại đất....sẽ là căn cứ để xây dựng và lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm, cập nhật biến động đất đai, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch.

Phương án quy hoạch sử dụng đất nói chung về cơ bản đã đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn huyện, đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn 10 năm, đảm bảo tính kế thừa, có cơ sở khoa học và tính khả thi cao.

II. Kiến nghị

Đề nghị Hội đồng nhân dân huyện, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, UBND tỉnh sớm xem xét phê duyệt phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Lộc Hà để UBND huyện có cơ sở thực hiện việc quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn cũng như có cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các nội dung của phương án, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Đề nghị UBND tỉnh, các Sở, Ban ngành và các cấp, các ngành ở địa phương quan tâm đầu tư thực hiện đồng bộ các chỉ tiêu đã đề ra trong phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện../.

HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU

Hệ thống biểu quy hoạch sử dụng đất huyện Lộc Hà đến năm 2030

Biểu QH 01/CH: Hiện trạng sử dụng đất năm 2020

Biểu QH 02/CH: Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

Biểu QH 03/CH: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

Biểu QH 04/CH: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã

Biểu QH 05/CH: Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã

Biểu QH 11/CH: Diện tích, cơ cấu sử dụng đất các khu chức năng

Biểu QH 12/CH: Chu chuyển đất đai trong kỳ quy hoạch sử dụng đất 10 năm